

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phối hợp trong công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố các thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum *(kèm theo danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 28/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum, Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 09/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

Bãi bỏ thủ tục hành chính số 5 mục VII phần I và bãi bỏ thủ tục hành chính tại phần II của Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Các Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/cáo);
- Thường trực HDND tỉnh (để b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT-NC; *lct*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Xuân Lâm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH KON TUM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **124** /QĐ-UBND ngày **06** tháng 3 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

**PHẦN I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

I. Danh mục TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (06 TTHC)	
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (<i>Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn</i>)
4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (<i>trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận</i>)
5	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu
6	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm
II. Lĩnh vực Lâm nghiệp (20 TTHC)	
1	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ.
2	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng của các tổ chức.
3	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền hàng năm nay giải thể, phá sản.
4	Thủ tục cấp Chứng chỉ công nhận nguồn giống cây trồng của tỉnh (lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, cây trội cây đầu dòng)
5	Thủ tục công nhận rừng giống cây trồng lâm nghiệp.
6	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp

STT	Tên thủ tục hành chính
7	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nguồn gốc của lô cây con
8	Thủ tục hủy bỏ Chứng chỉ công nhận nguồn giống lâm nghiệp (do chủ nguồn giống tự nguyện đề nghị)
9	Thủ tục cải tạo rừng của tổ chức (trừ hộ gia đình, cá nhân, Vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
10	Thủ tục công nhận vườn cây đầu dòng đối với cây trồng lâm nghiệp
11	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên
12	Cấp phép khai thác chính, tận thu, tận dụng gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức
13	Thủ tục thẩm định và phê duyệt Phương án điều chế rừng cho các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh.
14	Thủ tục giao rừng gắn với đất lâm nghiệp đối với tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài
15	Thủ tục cho thuê rừng gắn với đất lâm nghiệp đối với tổ chức trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân người nước ngoài
16	Thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND tỉnh Kon Tum xác lập.
17	Thủ tục thu hồi rừng gắn với đất lâm nghiệp đối với các trường hợp Nhà nước sử dụng rừng và đất để phát triển rừng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế.
18	Thủ tục thu hồi rừng gắn với đất lâm nghiệp đối với chủ rừng được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng.
19	Thủ tục thu hồi rừng gắn với đất lâm nghiệp đối với chủ rừng được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn khi hết hạn.
20	Thủ tục thu hồi rừng gắn với đất lâm nghiệp thuộc trường hợp quy định tại điểm e, g, h và i khoản 1 Điều 26 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 (cụ thể là: Sau 12 tháng liền kể từ ngày được giao, được thuê rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất để bảo vệ và phát triển rừng mà chủ rừng không tiến hành các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; sau 24 tháng liền kể từ ngày được giao, được thuê đất để phát triển rừng mà chủ rừng không tiến hành các hoạt động phát triển rừng theo kế hoạch, phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chủ rừng sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; rừng được giao, cho thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng).
III. Lĩnh vực Kiểm lâm (12 TTHC)	
1	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý
2	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục

STT	Tên thủ tục hành chính
	dịch thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý
3	Xác nhận lâm sản lưu thông
4	Thủ tục đóng dấu búa kiểm lâm
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã (quy định tại Phụ lục I Công ước CITES)
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã (quy định tại Phụ lục II và III Công ước CITES)
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES
8	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi gấu
9	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển gấu
10	Thủ tục xử lý đối với gấu do chủ nuôi tự nguyện giao cho Nhà nước
11	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
12	Cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt đối với thực vật rừng (trừ gỗ) và sản phẩm chưa hoàn chỉnh của chúng; động vật rừng và sản phẩm của chúng (kể cả động vật gây nuôi) thuộc loài nguy cấp, quý hiếm
IV. Lĩnh vực Thú y (21 TTHC)	
1	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (<i>trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký</i>)
4	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y
5	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
7	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>trên cạn và thủy sản</i>) đối với cơ sở phải đánh giá lại
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
10	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>trên cạn hoặc thủy sản</i>)
11	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
13	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>trên cạn và thủy sản</i>) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận
14	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra

STT	Tên thủ tục hành chính
	khỏi địa bàn cấp tỉnh
15	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm
16	Cấp Giấy chứng nhận kiến thức an toàn thực phẩm
17	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
18	Thủ tục Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh
19	Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (<i>trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y</i>)
20	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh tham gia hội chợ triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ triển lãm
IV. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (11 TTHC)	
1	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật
2	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
5	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có cả hoạt động sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở trồng trọt</i>)
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở trồng trọt
7	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở (<i>đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn</i>)
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở trồng trọt, có hoạt động sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở (<i>trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận</i>)
9	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.
10	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật trên các phương tiện của địa phương
11	Cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, tập huấn an toàn hóa chất về thuốc bảo vệ thực vật
V. Lĩnh vực Thủy lợi (05 bộ)	
1	Thẩm định, phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Kon Tum.

STT	Tên thủ tục hành chính
2	Thủ tục cấp Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kon Tum
3	Thủ tục gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
4	Thủ tục cấp Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kon Tum
5	Gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi
VI. Lĩnh vực Tiếp công dân, xử lý đơn thư và Giải quyết khiếu nại, tố cáo (05 TTHC)	
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu
2	Giải quyết khiếu nại lần thứ hai
3	Giải quyết tố cáo
4	Tiếp công dân
5	Xử lý đơn thư
VII. Lĩnh vực Trồng trọt (16 TTHC)	
1	Chỉ định lại Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi tỉnh Kon Tum
2	Đăng ký mở rộng phạm vi chỉ định tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm cây trồng hoạt động trên phạm vi tỉnh Kon Tum
3	Miễn giám sát đối với tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm cây trồng hoạt động trên phạm vi tỉnh Kon Tum
4	Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn
5	Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (<i>Áp dụng cho phê duyệt lần đầu và điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thời gian thực hiện Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn</i>)
6	Công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Cấp mã số cho tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng
8	Nhận xét, đánh giá kết quả khảo nghiệm và khả năng sử dụng phân bón mới được khảo nghiệm trên địa bàn tỉnh
9	Đăng ký và công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trên địa bàn tỉnh (gọi là tiến bộ kỹ thuật) trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y và một số lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn
10	Thủ tục đăng ký công nhận nguồn giống là cây đầu dòng đối với cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
11	Thủ tục đăng ký công nhận nguồn giống là vườn cây đầu dòng đối cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
12	Thủ tục đăng ký công nhận lại nguồn giống đối với cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng của cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm

STT	Tên thủ tục hành chính
13	Thủ tục nhận xét kết quả khảo nghiệm giống cây trồng nông nghiệp mới
14	Thủ tục đăng ký được chỉ định là Tổ chức chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum
15	Thẩm định nội dung và cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo khuyến nông, trình diễn, khuyến cáo sử dụng phân bón hữu cơ và phân bón khác thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT
16	Thủ tục đăng ký được chỉ định là Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả an toàn
VIII. Lĩnh vực Thủy sản (03 TTHC)	
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá đóng mới)
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá
3	Cấp giấy phép khai thác thủy sản

Tổng cộng: 99 TTHC

Phần II:
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Tên thủ tục: Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản.</p> <p>- Địa chỉ: 462 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 3. Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.</p> <p>Bước 4. Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.</p> <p>Bước 5. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>* Đối với tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã (<i>có dấu xác nhận của tổ chức</i>); - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí lệ phí. <p>* Đối với cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân; - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân. - Trong thời gian 3 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.
Đối tượng thực hiện	Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh.
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản Kon Tum.
Kết quả	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (mẫu số 01a, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT); - Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (mẫu số 01b, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	- Luật vệ sinh an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; - Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương; - Quyết định 4780/QĐ-BNN-QLCL ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mẫu số 01a- đơn đề nghị xác nhận kiến thức về ATTP
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014
của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Kon Tum.

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân.....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số cấp
ngày tháng năm, nơi cấp

Địa chỉ: Số điện thoại

Số Fax E-mail

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành, chúng tôi / tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

....., ngày ... tháng năm

Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 01b- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của (tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

....., ngày tháng ... năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

2. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh sản phẩm (<i>ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả, và các sản phẩm từ rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; thực phẩm biến đổi gen; muối; gia vị; đường; chè; cà phê; ca cao; hạt tiêu; điều... và các nông sản thực phẩm khác;</i>) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản. - Địa chỉ: 462 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của cơ sở, bộ phận thường trực phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ;</p> <p>Bước 3. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bộ phận chuyên môn thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở (<i>nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại</i>).</p> <p>Bước 4. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>nếu đủ điều kiện</i>). Trường hợp không cấp không cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra thực tế.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (<i>ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên</i>). Bản sao chứng thực hoặc bản phô tô kèm theo bản chính để đối chiếu. - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (<i>theo mẫu</i>) (<i>ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên</i>); - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh); - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Giấy chứng nhận

Phí, lệ phí	<p>a. Phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản và thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000đ/1 lần/cơ sở; * Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản và thủy sản: (1 lần/cơ sở); - Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: + Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 1.000.000 đ + Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đ + Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đ - Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: + Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000đ + Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000đ * Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông sản và thủy sản (1 lần/cơ sở): + Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000đ + Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng: 1.000.000đ + Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≥ 100 triệu đồng: 1.500.000đ. <p>b. Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản: 150.000 đ/lần cấp. * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VI Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014</i>); - Bản thuyết minh Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VII Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<p>Không</p>
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ. - Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 471/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục VI

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45 /2014/TT-BNNPTNT ngày 03 /12/2014)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi:

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoạiFax Email.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-
...

Phụ lục VII

**BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT,
TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45 /2014/TT-BNNPTNT ngày 03 /12/2014)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH
Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài
DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần
DN tư nhân Khác
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
+ Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:
2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

- Nước máy công cộng Nước giếng khoan
 Hệ thống xử lý: Có Không
 Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

- Tự sản xuất Mua ngoài
 Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

- + Lao động trực tiếp: người.
 + Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

3. Tên thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Trước 6 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản. - Địa chỉ: 462 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận ATTP của cơ sở, bộ phận thường trực phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ;</p> <p>Bước 3. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bộ phận chuyên môn thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, phân loại cơ sở đo đơn vị đã thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở (<i>nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại</i>);</p> <p>Bước 4. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (nếu cơ sở đủ điều kiện). Trường hợp không cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra thực tế.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm: - Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận ATTP (<i>theo mẫu</i>); - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (<i>ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên</i>). Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu. - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh). - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản</p>
<p>Kết quả</p>	<p>Giấy chứng nhận</p>
<p>Lệ phí (nếu có)</p>	<p>a. Phí: * Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000 đ 1 lần/cơ sở; * Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản và</p>

	<p>thủy sản: (1 lần/cơ sở); - Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: + Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 1.000.000 đ + Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/ tháng: 2.000.000 đ + Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng /tháng: 3.000.000 đ - Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: + Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000đ + Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000đ * Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông sản và thủy sản (1 lần/cơ sở): + Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000đ + Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng: 1.000.000đ + Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≥ 100 triệu đồng: 1.500.000đ.</p> <p>b. Lệ phí: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản: 150.000 đ/lần cấp. * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VI Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 3/12/2014</i>)⁽¹⁾ - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VII Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 3/12/2014</i>)⁽²⁾</p>
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 38/2012/ND-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ. - Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính; - Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 471/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>

⁽¹⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 2, mục I-Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Phụ lục VI)

⁽²⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 2, mục I-Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Phụ lục VII)

4. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản.</p> <p>- Địa chỉ: 462 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bộ phận thường trực phải kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận ATTP (trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản hoặc dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra thực tế.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận ATTP (theo mẫu);</p> <p>- Giấy chứng nhận ATTP (đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP);</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí	<p>a. Phí:</p> <p>* Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực phẩm nông sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000 đ 1 lần/cơ sở;</p> <p>* Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản và thủy sản: (1 lần/cơ sở);</p> <p>- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm:</p> <p>+ Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 1.000.000 đ</p> <p>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/ tháng: 2.000.000 đ</p> <p>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng /tháng: 3.000.000 đ</p> <p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm:</p> <p>+ Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000đ</p> <p>+ Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000đ</p> <p>* Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (1 lần/cơ sở):</p> <p>+ Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000đ</p> <p>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng: 1.000.000đ</p> <p>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≥ 100 triệu đồng: 1.500.000đ.</p> <p>b. Lệ phí:</p> <p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đ/lần cấp</p>

	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục VI Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 3/12/2014) ⁽³⁾
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ. - Quyết định số 471/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính.

⁽³⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 2, mục I-Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Phụ lục VI)

5. Tên thủ tục: *Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu.*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam hoặc người kinh doanh dịch vụ quảng cáo của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm ủy quyền quảng cáo (<i>sau đây gọi tắt là cơ sở</i>) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản.</p> <p>- Địa chỉ: 462 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở, bộ phận thường trực phải thẩm tra sơ bộ hồ sơ, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.</p> <p>Bước 3. Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, cơ quan thường trực thông báo kết quả thẩm định cho cơ sở và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, nếu đạt hoặc thông báo kết quả không đạt.</p> <p>Bước 4. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo (nếu đủ điều kiện). Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5. Cơ sở nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>
<p>Thành phần số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (<i>theo mẫu - bản gốc</i>); - Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (<i>áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước</i>); - Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp của cơ sở sản xuất kinh doanh; - Bản sao có chứng thực thông báo tiếp nhận bán công bố hợp quy (<i>đối với sản phẩm phải công bố hợp quy</i>), công bố hợp chuẩn (<i>nếu có</i>); - Tài liệu khoa học chứng minh tính chất, công dụng của sản phẩm như nội dung đăng ký quảng cáo; - Đối với thực phẩm biến đổi gen, chiếu xạ nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) và các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật; - Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (<i>video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết</i>); - Giấy ủy quyền của cơ sở (<i>Đối với trường hợp đăng ký xác nhận quảng cáo bởi người kinh doanh dịch vụ quảng cáo</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở, bộ phận thường trực phải thẩm tra sơ bộ hồ sơ, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định. - Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, cơ quan thường trực thông báo kết quả thẩm định cho cơ sở và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, nếu đạt hoặc thông báo kết quả không đạt.

Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản Kon Tum.
Kết quả	Giấy xác nhận
Lệ phí	- Lệ phí cấp giấy Xác nhận nội dung quảng cáo: 150.000đ/lần cấp. - Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo: + Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000 đ/1lần/sản phẩm. + Truyền hình, phát thanh: 1.200.000 đ /1lần/sản phẩm
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (<i>Phụ lục 01 Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2011</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	- Luật vệ sinh an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; - Nghị định 38/ 2012/NĐ-CP ngày 25/ 4/ 2012; ; - Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Phụ lục 1. Mẫu giấy đề nghị

Tên tổ chức/cá nhân

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số fax:.....

Email:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lần đầu)

Số:.....

Kính gửi: [Tên cơ quan thường trực]

Căn cứ các quy định tại Thông tư số /2011/TT-BNNPTNT ngày..... tháng nămcủa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và để đáp ứng nhu cầu quảng cáo thực phẩm của [Cơ sở]; đề nghị [tên cơ quan thường trực] xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

2. Thông tin liên quan đến sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo

3. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

-
-

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

6. Tên thủ tục: Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam hoặc người kinh doanh dịch vụ quảng cáo của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm ủy quyền quảng cáo (<i>sau đây gọi tắt là cơ sở</i>) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản.</p> <p>- Địa chỉ: 462 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở, bộ phận thường trực phải thẩm tra sơ bộ hồ sơ, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.</p> <p>Bước 3. Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, cơ quan thường trực thông báo kết quả thẩm định cho cơ sở và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, nếu đạt hoặc thông báo kết quả không đạt.</p> <p>Bước 4. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo (nếu đủ điều kiện). Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5. Cơ sở nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm theo (<i>theo mẫu-Bản gốc</i>) - Bản thuyết minh kèm theo các tài liệu sửa đổi, bổ sung liên quan đến việc thay đổi nội dung quảng cáo thực phẩm (<i>Bản gốc</i>). - Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (<i>áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước</i>); - Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (<i>video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở, bộ phận thường trực phải thẩm tra sơ bộ hồ sơ, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định. - Trường hợp thay đổi nội dung quảng cáo thì thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, cơ quan thường trực thông báo kết quả thẩm định cho cơ sở và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, nếu đạt hoặc thông báo kết quả không đạt. - Trường hợp Giấy xác nhận nội dung bị mất, thất lạc hoặc bị hư hỏng : Trong thời gian 5 ngày làm việc cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, nếu đạt hoặc thông báo kết quả không đạt.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản Kon Tum.
Kết quả	Giấy xác nhận
Lệ phí (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy Xác nhận nội dung quảng cáo: 150.000đ/lần cấp. - Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo:

	+ Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000 đ 1lần/sản phẩm. + Truyền hình, phát thanh: 1.200.000 đ 1lần/sản phẩm.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đề nghị xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm (<i>Phụ lục 02 Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2011</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	- Luật vệ sinh an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, ngày 25/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 75/2011/TT- ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Phụ lục 2. Mẫu giấy đề nghị

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức/cá nhân **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Địa chỉ:..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số điện thoại:.....
Số fax:..... ngày.....tháng.....năm
Email:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại)

Số:.....

Kính gửi: [Tên cơ quan thường trực]

Ngày tháng năm, cơ sở đã được cơ quan [tên cơ quan thường trực] xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm (số); tuy nhiên,[lý do đăng ký lại]; đề nghị [tên cơ quan thường trực] xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

-
-

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (20 TTHC)

1. Tên thủ tục: *Cấp Chứng chỉ công nhận nguồn giống cây trồng của tỉnh (lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyên hóa, cây trội cây đầu dòng).*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PNTT. - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định.</p> <p>Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định nguồn giống Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Kiểm tra tại hiện trường.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.</p>
<p>Kết quả</p>	<p>Chứng chỉ</p>
<p>Phí và Lệ phí</p>	<p><i>* Phí công nhận nguồn giống cây trồng bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với những tổ chức, cá nhân có dưới 10 cây mẹ, cây đầu dòng 1.500.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 10 đến dưới 30 cây mẹ, cây đầu dòng 2.000.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 30 đến 50 cây mẹ, cây đầu dòng 2.500.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có trên 50 cây mẹ, cây đầu dòng 3.000.000 đồng/01 lần <p><i>* Phí công nhận bình tuyển, công nhận lâm phần tuyển chọn, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống chuyên hóa, rừng giống trồng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với những tổ chức, cá nhân có dưới 5 ha 4.500.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 5 - 10 ha 5.500.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có trên 10 ha 7.500.000 đồng/01 lần
<p>Tên mẫu đơn, tờ khai</p>	<p>- Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng (<i>mẫu biểu số 5, Quyết định 89/2005/QĐ-BNN</i>); - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (<i>Phụ lục số 12, Thông tư</i></p>

	25/2011/TT-BNNPTNT).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Phải đạt tiêu chuẩn công nhận giống cây trồng lâm nghiệp (soát xét lần 1) theo tiêu chuẩn ngành 04 TCN 147-2006.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i> - <i>Nghị định số 57/2005/NĐ-CP ngày 27/4/2005 của Chính phủ;</i> - <i>Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Quyết định số 4108/QĐ/BNN-KHCN ngày 29/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</i> - <i>Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum.</i>

MẪU BIỂU SỐ 05

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

***Kính gửi:* Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh**

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn	
Tên chủ nguồn giống (Đơn vị hoặc cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)	
Loại cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống xin công nhận	Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ... Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường: Vĩ độ: Kinh độ: Độ cao trên mặt nước biển:
Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:	
1. Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng): 2. Tuổi trung bình hoặc năm trồng: 3. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính): 4. Sơ đồ bố trí cây trồng: 5. Diện tích: 6. Chiều cao trung bình (m): 7. Đường kính trung bình ở 1.3m (m): 8. Đường kính tán cây trung bình (m): 9. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha): 10. Tình hình ra hoa, kết hạt: 11. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):	
Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):	
Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:	
<input type="checkbox"/> Lâm phần tuyển chọn <input type="checkbox"/> Rừng giống chuyển hóa <input type="checkbox"/> Rừng giống trồng <input type="checkbox"/> Cây mẹ (cây trội) <input type="checkbox"/> Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)	
Ngày ... tháng ... năm 20.... Chữ ký của người làm đơn (Con dấu của đơn vị nếu có)	

B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 20...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 20...

**Chi Cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp
hoặc Trưởng phòng Lâm nghiệp Sở
(Ký tên)**

Phụ lục 12: Mẫu báo cáo kỹ thuật về nguồn giống

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG

Kính gửi :

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

+ Nguồn gốc.

+ Tuổi trung bình hoặc năm trồng.

+ Nguồn vật liệu giống ban đầu.

+ Sơ đồ bố trí thí nghiệm; sơ đồ nguồn giống

+ Diện tích trồng.

+ Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quôn, chiều cao bình quôn, đường kính tán.

+ Mật độ trồng (Cự ly trồng); Mật độ hiện tại.

+ Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.

+ Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

Tổ chức, cá nhân báo cáo
(Ký tên và đóng dấu)

2. Tên thủ tục: Công nhận rừng giống cây trồng lâm nghiệp.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định.</p> <p>Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định nguồn giống Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (theo mẫu); - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (theo mẫu). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, Cá nhân
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Chứng chỉ
Phí và Lệ phí	<p>* <i>Phí công nhận bình tuyến, công nhận lâm phần tuyến chọn, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với những tổ chức, cá nhân có dưới 5 ha 4.500.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 5 - 10 ha 5.500.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có trên 10 ha 7.500.000 đồng/01 lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng của tỉnh (Mẫu số 05, Quyết định 89/2005/QĐ-BNN)⁽⁴⁾; - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (Mẫu biểu số 12, Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT)⁽⁵⁾.
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i> - <i>Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i> - <i>Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</i>

⁽⁴⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 1, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp (mẫu số 5)

⁽⁵⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 1, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp (mẫu số 12)

3. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc của lô giống cây trồng lâm nghiệp.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Tổ chức, cá nhân tham gia cùng với đoàn kiểm tra của Chi cục Kiểm lâm về nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp tại hiện trường.</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Kiểm tra tại hiện trường.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp (theo mẫu) chậm nhất 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống;</p> <p>- Kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo để xin cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, Cá nhân.
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm.</p>
Kết quả	Giấy chứng nhận.
Phí và Lệ phí	Phí công nhận nguồn gốc lô giống: 750.000 đồng/lô
Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp (Phụ lục số 15, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Chủ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp phải lưu giữ các văn bản, chứng từ liên quan, lập sổ theo dõi cập nhật để chứng minh được mọi loại vật liệu giống đưa vào sản xuất kinh doanh và lưu thông đều có mã số nguồn giống rõ ràng, chính xác với số lượng và năm sản xuất;</p> <p>- Mọi loại vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính lưu giữ trong kho hoặc trong quá trình lưu thông, vận chuyển phải được gắn nhãn với các thông tin sau đây: Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; Tên khoa học, tên Việt Nam và tên địa phương (nếu có) của vật liệu giống; Số lượng kèm mã số nguồn giống của từng lô hạt giống, từng dòng vô tính; Năm sản xuất;</p> <p>- Trong quá trình thu hoạch giống, chủ nguồn giống phải lập sổ cập nhật các số liệu sau:</p> <p>a) Đối với hạt giống:</p> <p>+ Khối lượng hạt thu hoạch được theo từng đợt tại hiện trường nguồn giống.</p> <p>+ Khối lượng hạt nhập kho sau khi đã phơi sấy và tinh chế.</p> <p>b) Đối với giống vô tính:</p> <p>+ Số hom hoặc số bình cây (mô) của từng dòng đưa vào nhân giống.</p> <p>+ Số cây giống vô tính đã nhân thành công của từng dòng đang được nuôi dưỡng.</p> <p>- Khi xuất bán các loại vật liệu giống, chủ nguồn giống có trách nhiệm:</p> <p>+ Lập phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng theo mẫu của Bộ Tài chính,</p>

	<p>ghi rõ khối lượng của từng nguồn giống (đối với hạt giống), số hom, số bình mô hoặc số cây con của từng dòng kèm theo mã số của nguồn giống/dòng để giao cho khách hàng và lưu tại đơn vị;</p> <p>+ Bản sao chứng nhận nguồn gốc của lô giống của lô giống bán cho khách hàng;</p> <p>+ Ghi chép cập nhật vào sổ theo dõi. Bản lưu phiếu xuất kho, hóa đơn tài chính và sổ theo dõi là chứng từ giải trình trong các kỳ thanh tra, kiểm tra.</p>
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i> - <i>Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i> - <i>Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i> - <i>Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính .</i>

Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của đơn vị thu hoạch giống

Ghi chú: Thông báo này được làm thành 3 liên. Liên đầu (bản gốc) được chủ nguồn giống lưu giữ và điền các thông tin thích hợp theo tiến độ thực hiện việc thu hoạch giống. Liên 2 được chủ nguồn giống gửi tới Chi cục Kiểm lâm tỉnh sau khi đã điền vào phần 1, chậm nhất là 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống. Liên 3 được gửi tới Chi cục Kiểm lâm tỉnh sau khi đã điền phần 2 và kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo để xin cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch.

4. Tên thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc của lô cây con.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Tổ chức, cá nhân tham gia cùng với đoàn kiểm tra của Chi cục Kiểm lâm về nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp tại hiện trường.</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm cây lâm nghiệp (theo mẫu); - Các văn bản, chứng từ liên quan; - Sổ theo dõi cập nhật để chứng minh được cây con của đơn vị đưa vào sản xuất, kinh doanh và lưu thông đều có nguồn gốc rõ ràng, chính xác với số lượng và năm sản xuất. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, Cá nhân.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm.
Kết quả	Giấy chứng nhận
Phí và Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm cây lâm nghiệp (Phụ lục số 14, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i> - <i>Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .</i> - <i>Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

Phụ lục 14: Mẫu thông báo kết quả sản xuất cây con lâm nghiệp
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm cây lâm nghiệp

Kính gửi: - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum.

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính, chúng tôi xin thông báo kết quả sản xuất cây con của vụ/ năm.....và đề nghị quý cơ quan thẩm định đề cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống cho lô cây con sau đây:

Tên đơn vị SXKDGLN	
Địa chỉ của đơn vị SXKDGLN	
Loại cây con được sản xuất	<input type="checkbox"/> Cây ươm từ hạt <input type="checkbox"/> Cây giâm hom <input type="checkbox"/> Cây nuôi cấy mô
Mã số nguồn giống gốc được công nhận dùng để nhân giống	
Số lượng (kèm bản sao chứng nhận nguồn gốc lô giống và bản sao hoá đơn tải chính, phiếu xuất kho nếu mua vật liệu giống từ đơn vị khác)	<input type="checkbox"/> Khối lượng (kg) hạt được đưa vào gieo ươm <input type="checkbox"/> Số lượng hom/binh cây <input type="checkbox"/> Số lượng cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn
Ngày ... tháng ... năm 20...	Trưởng đơn vị SXKDGLN (ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo này phải được gửi tới Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum chậm nhất là 10 ngày trước khi đơn vị bán/giao cây con cho khách hàng.

5. Tên thủ tục: *Hủy bỏ Chứng chỉ công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp (do chủ nguồn giống tự nguyện đề nghị).*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Tổ chức, cá nhân tham gia cùng đoàn kiểm tra của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kiểm tra nguồn giống.</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Kiểm tra tại hiện trường.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn xin hủy bỏ Chứng chỉ công nhận nguồn giống;</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	Chưa quy định
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, Cá nhân
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Quyết định hành chính
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Chủ nguồn giống tự nguyện đề nghị hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống (<i>Áp dụng đối với các chứng chỉ nguồn giống trên địa bàn tỉnh</i>).
Căn cứ pháp lý	<p>- <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i></p> <p>- <i>Nghị định số 57/2005/NĐ-CP ngày 27/4/2005 của Chính phủ;</i></p> <p>- <i>Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i></p> <p>- <i>Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</i></p>

6. Tên thủ tục: *Cải tạo rừng của tổ chức (trừ hộ gia đình, cá nhân, Vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho tổ chức biết để hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cải tạo rừng (<i>theo mẫu</i>); - Dự án cải tạo rừng (<i>theo mẫu</i>); - Biên bản nghiệm thu, kiểm tra thiết kế ngoại nghiệp; <p>b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định; - 07 ngày tiếp theo kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có báo cáo thẩm định và trình UBND tỉnh ra quyết định.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phúc tra hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cải tạo rừng (<i>Phụ lục 16, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT</i>); - Mẫu Dự án cải tạo rừng (<i>Phụ lục 17, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

Phụ lục 16: Mẫu đơn đề nghị cải tạo rừng của tổ chức

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẢI TẠO RỪNG

Kính gửi :

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Căn cứ Thông tư 99/2006/TT-BNN ngày 06/11/2006 về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng, tôi làm đơn này đề nghị (Bộ NN và PTNT/ UBND tỉnh) cho phép cải tạo rừng tự nhiên.

Thuộc lô..... khoảnh..... diện tích.....ha; diện tích cải tạo:.....ha
trữ lượng:...../ha; loài cây chính:.....

Phương án cải tạo:

- Khai thác:
- Vận chuyển:.....
- Sử dụng sản phẩm:.....
- Trồng lại rừng:

Thời gian thực hiện: từ ngày.....tháng.....năm 20... đến ngàythángnăm 20...

Chúng tôi cam đoan thực hiện đúng phương án cải tạo trên./.

Người đại diện của tổ chức
(chữ ký)

Phụ lục 17: Mẫu dự án cải tạo rừng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu dự án cải tạo rừng

Phần I. Khái quát dự án

1. Tên dự án
2. Địa điểm thực hiện.
3. Thời gian thực hiện.
4. Chủ quản dự án (cấp quyết định đầu tư).
5. Chủ dự án.
6. Cơ quan lập dự án và phối hợp.
7. Tổng vốn và nguồn vốn

Phần II. Nội dung dự án.

1. Cơ sở pháp lý.
2. Sự cần thiết phải đầu tư dự án.
3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
4. Mục tiêu dự án.
5. Phạm vi, quy mô dự án.
6. Hiện trạng khu vực dự án (có bản đồ kèm theo)
7. Phương án cải tạo và các giải pháp lâm sinh (có bản đồ kèm theo)
 - 7.1. Điều tra trữ lượng lô rừng cải tạo
 - 7.2. Điều tra loài cây theo cỡ kính
 - 7.3. Phương án cải tạo
 - Khai thác; Vận chuyển; Vệ sinh rừng sau khai thác.
 - Trồng rừng; Chăm sóc; Bảo vệ rừng
8. Lập dự toán
 - Chi phí thực hiện các hoạt động điều tra
 - Chi phí hoạt động khai thác, vận chuyển.
 - Chi phí hoạt động trồng lại rừng.
 - Tổng mức đầu tư của dự án.
9. Các nội dung khác của dự án:
 - Nguồn vốn
 - Kế hoạch tiến độ thực hiện.
 - Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội và hiệu quả đầu tư của dự án.
 - Đánh giá tác động môi trường.
 - Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện
 - Rủi ro và những biện pháp giảm thiểu.
 - Tính bền vững của dự án.
 - Hình thức quản lý dự án
 - Kết luận và kiến nghị

7. Tên thủ tục: Công nhận vườn cây đầu dòng đối với cây trồng lâm nghiệp.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định.</p> <p>Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định nguồn giống Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (theo mẫu); - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (theo mẫu). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Chứng chỉ
Phí và Lệ phí	<p>* <i>Phí công nhận nguồn giống cây trồng bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với những tổ chức, cá nhân có dưới 10 cây mẹ, cây đầu dòng 1.500.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 10 đến dưới 30 cây mẹ, cây đầu dòng 2.000.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 30 đến 50 cây mẹ, cây đầu dòng 2.500.000 đồng/01 lần - Đối với những tổ chức, cá nhân có trên 50 cây mẹ, cây đầu dòng 3.000.000 đồng/01 lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng của tỉnh (Mẫu biểu số 05 Quyết định 89/2005/QĐ-BNN); - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (Phụ lục số 12 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004; - Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn	
Tên chủ nguồn giống (Đơn vị hoặc cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)	
Loài cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống xin công nhận	Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ... Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường: Vĩ độ: Kinh độ: Độ cao trên mặt nước biển:
Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:	
12. Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng): 13. Tuổi trung bình hoặc năm trồng: 14. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính): 15. Sơ đồ bố trí cây trồng: 16. Diện tích: 17. Chiều cao trung bình (m): 18. Đường kính trung bình ở 1.3m (m): 19. Đường kính tán cây trung bình (m): 20. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha): 21. Tình hình ra hoa, kết hạt: 22. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):	
Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):	
Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:	
<input type="checkbox"/> Lâm phần tuyển chọn <input type="checkbox"/> Rừng giống chuyển hóa <input type="checkbox"/> Rừng giống trồng <input type="checkbox"/> Cây mẹ (cây trội) <input type="checkbox"/> Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)	
Ngày ... tháng ... năm 20... Chữ ký của người làm đơn (Con dấu của đơn vị nếu có)	

B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 20...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 20...
Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm Lâm
(Ký tên)

Phụ lục 12: Mẫu báo cáo kỹ thuật về nguồn giống
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG

Kính gửi :.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

- + Nguồn gốc.
- + Tuổi trung bình hoặc năm trồng.
- + Nguồn vật liệu giống ban đầu.
- + Sơ đồ bố trí thí nghiệm; sơ đồ nguồn giống
- + Diện tích trồng.
- + Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.
- + Mật độ trồng (Cụ ly trồng); Mật độ hiện tại.
- + Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.
- + Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

Tổ chức, cá nhân báo cáo
(Ký tên và đóng dấu)

8. Tên thủ tục: *Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển hồ sơ cho Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, nếu hợp lệ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và PTNT cấp phép khai thác.</p> <p>Bước 4. Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ thiết kế khai thác (<i>theo mẫu</i>); - Phương án quản lý rừng bền vững; - Chứng chỉ quản lý rừng bền vững; - Văn bản cho phép của Thủ tướng Chính phủ; - Biên bản nghiệm thu thiết kế khai thác giữa chủ rừng và đơn vị tư vấn (nếu thuê đơn vị tư vấn); - Các tài liệu và bản đồ khu khai thác. <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định. - 10 ngày tiếp theo để cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
Đối tượng thực hiện	Các tổ chức có khai thác chính gỗ rừng tự nhiên.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Đơn vị tư vấn, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (<i>Phụ lục 3, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT</i>); - Hồ sơ thiết kế khai thác (<i>mẫu tại Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i> - <i>Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

Phụ lục 3: Mẫu giấy đề nghị cấp phép khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC

Kính gửi:.....

- Tên chủ rừng, hoặc đơn vị khai thác.....

- Địa chỉ:.....

đượcgiao quản lý, sử dụngha rừng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, rừng sốngày..... tháng....năm..... (hoặc Quyết định giao, cho thuê đất, rừng số.....ngày.....tháng....năm..... của)

Xin đăng ký khai thác.....tại lô.....khoảnh.....tiểu

khu.....; với số lượng, khối lượng gỗ, lâm sản.

Kèm theo các thành phần hồ sơ gồm:

.....
.....
.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét, cho ý kiến./.

Chủ rừng (Đơn vị khai thác)

(ký tên ghi rõ họ tên đóng dấu nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ
THIẾT KẾ KHAI THÁC CHỌN
GỖ RỪNG TỰ NHIÊN
TÊN CHỦ RỪNG...
NĂM KHAI THÁC...

Địa danh khai thác (tiểu khu, khoảnh)	Tổng số lô khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Sản lượng khai thác (m ³)
			1. Tổng gỗ: - Gỗ thân (gỗ lớn) khai thác chính: - Gỗ cành, ngọn khai thác chính: - Gỗ tận dụng: 2. Củi:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ...
NĂM THIẾT KẾ...

Phần I TÌNH HÌNH CƠ BẢN

1. Vị trí, diện tích

a) Vị trí

Khu vực thiết kế khai thác nằm ở khoảnh..., tiểu khu... thuộc xã..., huyện..., tỉnh... .Có tọa độ X, Y theo bản đồ địa hình VN 2000:

Toạ độ X:

Toạ độ Y:

b) Diện tích

Diện tích thiết kế khai thác... ha (theo khoảnh, tiểu khu)

2. Điều kiện tự nhiên

2.1. Địa hình

TT	Yếu tố địa hình	Tối thiểu	Trung bình	Tối đa
1	Độ cao tuyệt đối (m)			
2	Độ dốc (độ)			

2.2. Đất đai

Loại đất, thành phần cơ giới, tỷ lệ đá lẫn, cấp đất...

2.3. Khí hậu, thủy văn

a) Nhiệt độ không khí

- Nhiệt độ trung bình năm
- Nhiệt độ trung bình năm cao nhất
- Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất

b) Lượng mưa

- Lượng mưa trung bình năm
- Lượng mưa trung bình năm cao nhất
- Lượng mưa trung bình năm thấp nhất
- Mùa mưa: Từ tháng... đến tháng... trong năm

c) Tình hình sông, suối trong khu vực

Phần II ĐỐI TƯỢNG RỪNG, TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Đối tượng rừng thiết kế khai thác

Thuộc rừng sản xuất, phòng hộ; loại rừng (rừng rất giàu, giàu hay trung bình). 2. Diện tích, trữ lượng rừng

a) Diện tích rừng

b) Trữ lượng rừng

3. Các nhân tố bình quân

D1.3m (cm), Hvn (m), M/ha (m³), G/ha (m²), N/ha (cây)

4. Tổ thành rừng

5. Đánh giá chung về tình hình rừng

6. Độ tàn che

Phần III CÁC CHỈ TIÊU KHAI THÁC

1. Phương thức khai thác

2. Luân kỳ khai thác

3. Trữ lượng rừng
 - a) Tổng trữ lượng rừng
 - b) Trữ lượng bình quân/ha
4. Cường độ khai thác bình quân
5. Tổng số cây bài khai thác
 - 5.1. Cây bài khai thác chính
 - 5.2. Cây bài khai thác tận dụng
 - a) Cây bài khai thác trên các công trình sản xuất (VX,VC, BG...)
 - b) Cây bài chặt vệ sinh, thải loại
6. Trữ lượng cây bài khai thác
 - 6.1. Trữ lượng cây bài khai thác chính
 - 6.2. Trữ lượng cây bài khai thác tận dụng
 - a) Trữ lượng cây bài khai thác trên các công trình sản xuất (VX,VC, BG...)
 - b) Trữ lượng cây bài chặt vệ sinh, thải loại
7. Tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi
 - a) Gỗ thân (gỗ lớn)
 - b) Gỗ cành, ngọn
 - c) Củi
8. Sản lượng gỗ, củi
 - a) Gỗ khai thác chính
 - Gỗ thân (gỗ lớn)
 - Gỗ cành, ngọn
 - b) Gỗ khai thác tận dụng
 - c) Củi

Phần IV CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT

1. Dự kiến đường vận chuyển
Đường vận chuyển ra bãi giao có tổng chiều dài dự kiến là..., trong đó:
 - Đường vận chuyển dự kiến làm mới:
 - Đường vận chuyển cũ phải sửa chữa:
 - Đường vận chuyển cũ còn sử dụng được không phải sửa chữa:
 2. Đường vận xuất
 - a) Yêu cầu đường vận xuất:
 - b) Loại hình vận xuất: Máy kéo bánh xích, bánh hơi hay vận xuất bằng trâu, voi...
 - c) Cụ ly vận xuất bình quân:
 - d) Mật độ đường vận xuất/ha:
 - e) Tổng số tuyến vận xuất: ... tuyến với chiều dài... m.
 3. Bãi gom
 - a) Yêu cầu bãi gom:
 - b) Tổng số bãi gom:... bãi với diện tích... m², trong đó:
 - Bãi gom số 1: Bố trí tại lô..., diện tích là... m², chứa gỗ lô..., khoanh..., tiểu khu...
 - Bãi gom số 2:...
 4. Lán trại
Vị trí, diện tích...
 5. Bãi giao
Vị trí, diện tích...
- ...

Phần V

KHAI THÁC, VẬN XUẤT, VẬN CHUYÊN

1. Chuẩn bị rừng trước khai thác

Các công việc phải làm trước khi khai thác bao gồm: bàn giao hồ sơ tài liệu, giao nhận rừng, luồng phát rừng, làm đường vận xuất, vận chuyên, bãi gom theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

2. Khai thác

2.1. Đối tượng khai thác: Chỉ được phép khai thác những cây có dấu búa bài khai thác (nêu quy định về bài cây khai thác chính, cây khai thác tận dụng gỗ đường, gỗ bãi, bài vệ sinh thải loại).

2.2. Kỹ thuật khai thác:

- Nêu kỹ thuật khai thác áp dụng, các nội dung công việc phải thực hiện, các quy định về khai thác như: phát dọn quanh gốc cây chặt, làm đường tránh, đèo bạnh về, mở miệng, cắt gáy chọn hướng đổ, chiều cao gốc chặt, trình tự khai thác...

3. Vận xuất, phân loại, lập lý lịch gỗ tại bãi gom

Trình tự vận xuất, phân loại, lập lý lịch gỗ theo quy định hiện hành.

4. Vận chuyên gỗ ra bãi giao

Trình tự gỗ vận chuyên ra bãi giao và nghiệm thu đóng búa kiểm lâm.

5. Vệ sinh rừng sau khai thác

Thời gian chậm nhất phải hoàn thành vệ sinh rừng sau khai thác, kỹ thuật vệ sinh rừng sau khai thác, tận dụng gỗ, củi trong quá trình vệ sinh rừng.

Phần VI

CÔNG ĐÀU TƯ

1. Tổng công ra bãi giao

Trong đó:

- Ra bãi gom
- Ra bãi giao
- Công quản lý

2. Công bình quân một đơn vị sản phẩm ra bãi giao

Trong đó:

- Ra bãi gom
- Ra bãi giao
- Công quản lý

Phần VII

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Kiến nghị

THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

Ngày tháng năm
CHỦ NHIỆM CÔNG TRÌNH

Biểu 2: BIỂU SẢN PHẨM KHAI THÁC**Biểu 2a. BIỂU SẢN PHẨM KHAI THÁC THEO LOẠI CÂY CHỦ YẾU**

TK	K	Lô	Tổng (m3)	Xoay	Giỏi	Re								

Biểu 2b. BIỂU SẢN PHẨM KHAI THÁC THEO NHÓM GỖ, CẤP KÍNH VÀ ĐỘ CỨNG

TK	K	Lô	Tổng (m3)	Phân loại sản phẩm																
				Phân theo nhóm gỗ (8 nhóm)					Phân theo cấp kính (cm)				Phân theo độ cứng (4 cấp)							
				I	II	III	IV	V	40-50	51-60	61-70	...	ĐB cứng	Cứng	Vừa	Mềm		

Ngày tháng năm

Người lập biểu

Biểu 3: BIỂU CÁC CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Bãi gom		
1	Số bãi	Bãi	
2	Diện tích	m ²	
II	Đường vận xuất	m	
	...		
III	Đường vận chuyển	m	
1	Đường vận chuyển dự kiến mở mới	m	
2	Bảo dưỡng đường vận chuyển	m	
	...		
IV	Lán trại	m²	
V	Bãi giao	m²	
...			

Ngày tháng năm

Người lập biểu

Biểu 4: BIỂU CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ- KỸ THUẬT ÁP DỤNG

TT	Hạng mục	ĐVT	Số bình quân	Ghi chú
I	Đặc điểm sản xuất			
1	Cự ly vận xuất bình quân	m		
2	Mật độ đường vận xuất/ha	m/ha		
3	Diện tích bãi gom trên 1 ha	m ² /ha		
4	Cự ly vận chuyển đến bãi giao	m		
5	Tỷ trọng cơ giới, thủ công	%		
	- Chặt hạ, cắt khúc	"		
	- Vận xuất	"		
	- Vận chuyển	"		
	- Làm đường, làm bãi	"		
	...			
II	Định mức áp dụng			
1	Chặt hạ, cắt khúc	m ³ /ca		
2	Vận xuất	"		
3	Bóc, dỡ gỗ	"		
4	Phân loại gỗ	"		
5	Chặt vệ sinh, bãi thải	"		
6	Làm bãi	Ca+ C/km		
7	Làm đường vận xuất	Ca+ C/km		
8	Làm đường vận chuyển	Ca+ C/km		
9	Bảo dưỡng đường vận chuyển	Ca+ C/km		
10	Giao nhận rừng	Công/ha		
11	Giao nhận sản phẩm	Công/m ³		
12	Bảo vệ bãi	Người/khu KT		
13	Sửa chữa xe, máy	Công/tháng/xe		
14	Làm lán trại	m ² /công		
15	Vận chuyển lâm sản	Tấn/km/xe/năm		
16	Cung ứng vật tư	Công/1.000m ³		
	...			
17	Công quản lý	%		
18	Thiết kế khai thác	Công/m ³		
19	Thẩm định thiết kế khai thác	Công/m ³		
20	Luồng phát rừng	Công/ha		
21	Vệ sinh rừng sau khai thác			
	...	Công/ha		

Ngày tháng năm

Người lập biểu

Biểu 5: BIỂU TÍNH CÔNG ĐẦU TƯ

TT	Hạng mục	Khối lượng	Công/m3	Ghi chú
	Tổng			
A	Ra bãi gom			
I	Công trực tiếp			
1	Chặt hạ, cắt khúc			
2	Vận xuất			
3	Phân loại, xếp đống			
	...			
II	Công phục vụ			
1	Làm bãi gỗ			
2	Làm đường vận xuất			
3	Giao nhận rừng			
4	Giao nhận sản phẩm			
5	Bảo vệ bãi gỗ			
6	Làm lán trại			
	...			
III	Các công khác			
1	Thiết kế khai thác			
2	Thẩm định thiết kế			
3	Luồng phát rừng			
4	Chặt vệ sinh bãi thái			
5	Vệ sinh rừng sau khai thác			
	...			
B	Ra bãi giao			
1	Lái phụ xe vận chuyển lâm sản			
2	Bốc, dỡ gỗ			
3	Dồn, phân loại gỗ			
4	Bảo vệ			
5	Sửa chữa xe, máy			
6	Cung ứng vật tư			
7	Bảo dưỡng đường vận chuyển			
	...			
C	Công quản lý			
	Công quản lý ra bãi giao	15 % (A+B+C)		

Ngày tháng năm
 Người lập biểu

Biểu 6: BIỂU TÍNH CHI PHÍ SẢN XUẤT

TT	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí nhân công				
1	Chặt hạ, cắt khúc				
2	Vận xuất				
3	Phân loại, xếp đống				
4	Làm bãi gỗ				
5	Làm đường vận xuất				
6	Giao nhận rừng				
7	Nghiệm thu sản phẩm				
8	Bảo vệ bãi gỗ				
9	Làm lán trại				
10	Phục vụ sinh hoạt				
11	Luồng phát rừng				
12	Vệ sinh rừng sau khai thác				
13	Vận chuyển lâm sản				
14	Sửa chữa xe, máy				
15	Cung ứng vật tư				
16	Sửa chữa đường vận chuyển				
	...				
II	Chi phí nhiên liệu, vật tư				
1	Làm đường vận xuất				
2	Sửa chữa đường vận chuyển				
3	Làm bãi gỗ				
4	Chặt hạ, cắt khúc				
5	Chi phí vận xuất				
6	Chi phí phân loại, xếp đống				
7	Chi phí vận chuyển				
8	Dồn gỗ phân loại gỗ				
9	Chặt vệ sinh bãi thải				
	...				
III	Chi phí khác				
1	Thiết kế khai thác				
2	Thẩm định thiết kế				
	...				
IV	Công quản lý				
V	Cộng (I, II, III,IV)				
	...				
	Tổng chi phí sản xuất				

Ngày tháng năm
 Người lập biểu

9. Tên thủ tục: Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển hồ sơ cho Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, nếu hợp lệ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và PTNT cấp phép khai thác.</p> <p>Bước 4. Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản (<i>theo mẫu</i>); - Các tài liệu và bản đồ khu khai thác; - Biên bản nghiệm thu thiết kế khai thác giữa chủ rừng và đơn vị tư vấn (nếu thuê đơn vị tư vấn). <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định. - 10 ngày tiếp theo để cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Đơn vị tư vấn, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (<i>Phụ lục 3, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT</i>)¹⁶⁾; - Đề cương hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản theo (<i>Phụ lục 1, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<p>Khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng trồng</p> <p>1. Rừng phòng hộ là rừng trồng do ngân sách nhà nước đầu tư chi được khai thác cây trồng xen, cây phụ trợ, tia thưa; thu gom cây gỗ nằm, gỗ khô mục, lóc lõi, gỗ cháy, cành, ngọn, gốc, rễ cây, nhưng phải bảo đảm mật độ cây trồng chính còn lại ít nhất là 600 cây/hecta.</p> <p>2. Rừng phòng hộ là rừng trồng có hỗ trợ của ngân sách nhà nước, hỗ trợ của chương trình, dự án có nguồn gốc ngân sách nhà nước.</p> <p>a) Khai thác cây trồng xen, cây phụ trợ; tia thưa, tận thu, tận dụng gỗ;</p> <p>b) Được chặt chọn cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác với cường độ khai thác không quá 20 phần trăm trữ lượng, sau khi khai thác rừng vẫn đạt tiêu chuẩn định hình quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg (<i>có phụ lục kèm theo</i>) hoặc khai thác trắng theo băng, đám xen kẽ nhau, với tổng diện tích khai thác hàng năm không vượt quá 20 phần trăm diện tích rừng trồng đã đạt tiêu chuẩn định hình và diện tích mỗi khu chặt trắng tối đa không quá 03 (ba) hecta; sau</p>

¹⁶⁾ Sử dụng mẫu Giấy đề nghị tại TTHC số 8, mục II - Lĩnh vực Lâm nghiệp (phụ lục 3)

	<p>khai thác phải trồng lại vào vụ trồng rừng kế tiếp. Băng khai thác phải thiết kế theo đường đồng mức, có chiều rộng tối đa là 20 mét đối với rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu và 30 mét đối với rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu; đám khai thác có diện tích tối đa là 01 (một) hecta đối với rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu và 02 (hai) hecta đối với rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu. 3. Đối với rừng phòng hộ là rừng trồng do người được giao, thuê hoặc khoán rừng phòng hộ tự đầu tư a) Được khai thác cây trồng xen, cây phủ trợ; tia thưa, tận thu, tận dụng gỗ; b) Được chặt chọn cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác với cường độ khai thác không quá 30 phần trăm trữ lượng, sau khi khai thác rừng vẫn đạt tiêu chuẩn định hình quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg (có phụ lục kèm theo). Phương thức khai thác thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 nêu trên.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT, ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>

Phụ lục 1: Mẫu đề cương thiết kế khai thác

(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị chủ quản:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên đơn vị.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỒ SƠ
THIẾT KẾ KHAI THÁC, TẬN DỤNG, TẬN THU LÂM SẢN**

I. Đặt vấn đề:

- Tên chủ rừng (đơn vị khai thác).....
- Mục đích khai thác.....

II. Tình hình cơ bản khu khai thác

1. Vị trí, ranh giới khu khai thác:

a) Vị trí: Thuộc lô....., khoảnh ,..... Tiểu khu;

b) Ranh giới:

- Phía Bắc giáp.....
- Phía Nam giáp.....
- Phía Tây giáp.....
- Phía Đông giáp.....

2. Diện tích khai thác:.....ha;

3. Loại rừng đưa vào khai thác.

III. Các chỉ tiêu kỹ thuật lâm sinh:

- 1. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân.....
- 2. Sản lượng cây đứng...
- 3. Tỷ lệ lợi dụng:
- 4. Sản lượng khai thác.

(kèm theo biểu tài nguyên và các chỉ tiêu lâm học)

IV. Sản phẩm khai thác:

- Tổng sản lượng khai thác..... (phân ra từng lô, khoảnh), cụ thể:

+ Gỗ: số cây....., khối lượngm³

+ Lâm sản ngoài gỗ.....((m³/ cây/tấn..)

- Chung loại sản phẩm (Đối với gỗ phân theo từng loài, từng nhóm gỗ; đối với lâm sản ngoài gỗ phân theo từng loài)

(kèm theo biểu sản phẩm khai thác)

V. Biện pháp khai thác, thời gian hoàn thành.

a) Chặt hạ:

b) Vận xuất:

c) Vận chuyển

d) Vệ sinh rừng sau khai thác

e) Thời gian hoàn thành.

VI. Kết luận, kiến nghị.

Chủ rừng /đơn vị khai thác

(kỳ tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục:

Điều 6. Tiêu chuẩn định hình khu rừng phòng hộ (Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Các khu rừng phòng hộ định hình khi đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này.
2. Tiêu chuẩn định hình chung đối với các khu rừng phòng hộ khi đạt các tiêu chí sau:
 - a) Tỷ lệ diện tích đất có rừng trên diện tích của toàn khu rừng phòng hộ phải từ 70 phần trăm trở lên;
 - b) Diện tích có rừng liền khoảnh từ 0,5 hecta trở lên, nếu là dải cây rừng phải có chiều rộng tối thiểu 20 mét và có từ 03 hàng cây trở lên;
 - c) Là một hệ sinh thái, trong đó thành phần chính là các loài cây lâu năm thân gỗ, cau dừa, tre nứa có chiều cao vút ngọn từ 5,0 mét trở lên (trừ một số loài cây rừng ngập mặn ven biển).
3. Tiêu chuẩn định hình cụ thể bổ sung đối với từng loại rừng phòng hộ
 - a) Khu rừng phòng hộ đầu nguồn đạt tiêu chuẩn định hình khi rừng có khả năng duy trì, điều tiết nguồn nước, bảo vệ đất, giảm xói mòn. Độ tàn che của rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu phải từ 0,8 trở lên; độ tàn che của rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu phải từ 0,6 trở lên;
 - b) Khu rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay đạt tiêu chuẩn định hình khi cây rừng đã khép tán, rừng đã phát huy tác dụng ngăn chặn hoặc làm suy giảm tác hại của gió, cát cho vùng sản xuất và khu dân cư, nâng cao hoặc ổn định năng suất cây nông nghiệp;
 - c) Khu rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển đạt tiêu chuẩn định hình khi cây rừng đã khép tán, hệ rễ phát triển, rừng phát huy tác dụng chắn sóng, ổn định đất, tăng khả năng bồi lấp bờ biển, ngăn chặn hoặc làm giảm sạt lở, bảo vệ các công trình ven biển, ven sông;
 - d) Khu rừng phòng hộ bảo vệ môi trường đạt tiêu chuẩn định hình khi rừng đã có tác dụng ngăn chặn hoặc giảm ô nhiễm không khí, điều hòa khí hậu, tạo cảnh quan, môi trường trong sạch cho khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch, nghỉ ngơi.

10. Tên thủ tục: Thẩm định và phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Tổ chức tham gia họp kiểm tra Phương án quản lý rừng bền vững tại Chi cục Kiểm lâm và trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững.</p> <p>Bước 5. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững (<i>theo mẫu</i>); - Biên bản nghiệm thu ngoại nghiệp kết quả điều tra hiện trạng rừng giữa chủ rừng và đơn vị tư vấn; - Phương án quản lý rừng bền vững kèm theo hệ thống bảng biểu, bản đồ (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định; - 20 ngày tiếp theo để cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Đơn vị tư vấn, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định phương án (<i>Phụ lục VI, Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT</i>); - Bản thuyết minh phương án quản lý rừng bền vững (<i>Phụ lục II - đối với rừng tự nhiên; Phụ lục III - đối với rừng trồng, Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng phải thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ (<i>Có phụ lục kèm theo</i>); - Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ phải thực hiện theo Điều 16 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ (<i>Có phụ lục kèm theo</i>).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ - Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ

PHỤ LỤC VI

(Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

MẪU TỜ TRÌNH

CQ QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-...

....., ngày tháng năm ...

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định/ phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT

Căn cứ Thông tư /2014/TT-BNNPTNT ngày / /2014 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn về Phương án quản lý rừng bền vững, đề nghị Sở NN&PTNT thẩm định/ phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững với những nội dung sau:

1. Tên chủ rừng.
2. Địa chỉ.
3. Mục tiêu Phương án.
4. Hiện trạng tài nguyên rừng, đất đai và kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng.
5. Bố trí quy hoạch sử dụng đất, sử dụng rừng; kế hoạch sản xuất, kinh doanh; nhu cầu, nguồn vốn đầu tư; hiệu quả của Phương án.
6. Hệ thống giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện Phương án.

Kính trình quý sở xem xét thẩm định/ phê duyệt Phương án./.

Người đại diện của chủ rừng
(ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG (Đối với rừng tự nhiên)

Phần 1

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN

Mở đầu

Trong phần này nêu được các nội dung chính sau:

1. Khái quát chung về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác quản lý bảo vệ rừng của chủ rừng.
2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững (sau đây viết tắt là Phương án).

Chương 1

CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

Trong phần này liệt kê những văn bản có nội dung liên quan đến việc xây dựng và thực hiện Phương án, gồm: Luật; Pháp lệnh; Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của các bộ, ngành Trung ương và những văn bản pháp lý, chỉ đạo của cơ quan cấp tỉnh, huyện.

II. CAM KẾT QUỐC TẾ

Liệt kê những Công ước, thỏa thuận Quốc tế mà Việt Nam đã ký kết có nội dung có liên quan đến việc xây dựng và thực hiện Phương án.

III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

Trong phần này liệt kê những tài liệu được sử dụng trong xây dựng Phương án, ví dụ như:

1. Bản đồ: bản đồ tài nguyên rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch 3 loại rừng.
2. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, huyện.
3. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, quy hoạch sử dụng đất của đơn vị.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị được thành lập khi nào, chức năng và nhiệm vụ, nêu sơ đồ tổng quát.
2. Tổ chức sản xuất của đơn vị thế nào: tên bộ phận, nhiệm vụ sản xuất; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; tay nghề công nhân.
3. Nêu số lượng và đánh giá chất lượng của các trang thiết bị máy móc làm việc và phục vụ sản xuất; mô tả sơ đồ công nghệ ở những khâu sản xuất chính.

Nhận xét những vấn đề gì ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

II. ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG

1. Đơn vị thuộc vùng khí hậu nào, chế độ gió, hướng gió thịnh hành; mùa mưa, mùa khô là thời gian nào trong năm.
2. Thủy văn: lượng mưa trung bình, cao nhất, thấp nhất; sự phân bố của hệ thống sông, suối chính.
3. Địa chất và thổ nhưỡng: loại đất chủ yếu, tầng dày, tình hình phân bố.

Nhận xét: với những đặc điểm trên thì có ảnh hưởng tích cực, hoặc tiêu cực như thế nào đối với

hoạt động của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

III. ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Đa dạng thực vật rừng: mô tả các loài cây chủ yếu và các loài cây quý hiếm, khu vực cần được bảo vệ nguồn gen.

2. Đa dạng động vật rừng (cũng tương tự như thực vật rừng).

Nhận xét: có những vấn đề gì cần quan tâm chú ý về tính đa dạng sinh học khi xây dựng và thực hiện Phương án.

IV. GIAO THÔNG

Nêu tên, chiều dài các tuyến đường giao thông (quốc lộ, liên tỉnh, liên huyện...), trong khu vực mà có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của đơn vị. Mô tả khái quát về chất lượng của các tuyến đường trên và những vấn đề cần quan tâm.

Nhận xét: có những thuận lợi, khó khăn gì trong công tác quản lý rừng về hiện trạng giao thông này. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

V. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

Mô tả đặc điểm về dân số, lao động, độ tuổi, dân tộc; mật độ dân số bình quân, trình độ dân trí, chất lượng lao động, thu nhập bình quân; thống kê các cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi của địa phương tại khu vực hoạt động của đơn vị.

Nhận xét: tình hình kinh tế - xã hội có những ảnh hưởng gì đối với công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

VI. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Mô tả tại lâm phần của đơn vị có những loại dịch vụ môi trường rừng nào (hoạt động du lịch, sản xuất nguồn nước sinh hoạt; nước công nghiệp, sản xuất thủy điện...). Địa điểm, diện tích hoặc quy mô các dịch vụ đó.

Nhận xét: có những thuận lợi, khó khăn gì khi sử dụng các loại dịch vụ môi trường rừng ở địa phương. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

VII. TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Mô tả quy mô về diện tích, địa danh (tên tiểu khu) 3 loại rừng (sản xuất, phòng hộ, đặc dụng) của đơn vị.

2. Mô tả về hiện trạng rừng và sử dụng đất, cụ thể:

- Diện tích rừng tự nhiên, rừng gỗ lá rộng theo loại rừng; rừng hỗn giao; rừng lá kim; rừng ngập mặn; rừng núi đá;
- Diện tích rừng trồng: rừng có trữ lượng; rừng chưa có trữ lượng;
- Diện tích đất lâm nghiệp không có rừng;
- Đất khác nằm xen kẽ trong lâm phần của đơn vị;
- Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân, khả năng khai thác và những vấn đề khác có liên quan đến chất lượng tài nguyên (nếu có).

Nhận xét: tình hình tài nguyên có những ảnh hưởng thuận lợi, khó khăn gì đối với công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

VIII. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

1. Quản lý rừng tự nhiên: diện tích bao nhiêu, chất lượng thế nào, phương thức quản lý ra sao, hiện có khai thác không, nếu có thì khai thác bao nhiêu, hiệu quả kinh tế.

2. Quản lý rừng trồng: diện tích bao nhiêu, loại cây gì, phương thức quản lý ra sao, hiện có khai thác không, nếu có thì khai thác bao nhiêu, hiệu quả kinh tế.

3. Công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy và sâu bệnh hại rừng: tổ chức thực hiện thế nào, trang thiết bị, cơ sở vật chất đầu tư cho công tác này.

4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ: có loại lâm sản chủ yếu nào, có khai thác không, phương thức khai thác thế nào, hiệu quả kinh tế mang lại.

5. Quản lý dịch vụ: có những cơ sở chế biến nào, sản phẩm chế biến là gì, nguồn nguyên liệu cung ứng, hiệu quả kinh tế.

6. Các hoạt động sản xuất khác như thế nào (nếu có).

Nhận xét: những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý rừng, tổ chức sản xuất. Những vấn đề gì ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

Chương 3

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU

Trong phần này nêu được mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể cho Phương án phải đạt được trong một luân kỳ, trong đó phải xác định được các nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu kinh tế

a) Sản lượng gỗ khai thác ổn định từ rừng tự nhiên và rừng trồng, khối lượng nguyên liệu đưa vào chế biến trong cả luân kỳ, các giai đoạn 5 năm và từng năm.

b) Giá trị sản xuất từ các hoạt động sản xuất khác trong cả luân kỳ, các giai đoạn 5 năm và từng năm.

c) Tổng doanh thu lợi nhuận đạt được, giá trị nộp ngân sách trong cả luân kỳ, các giai đoạn 5 năm và từng năm.

2. Mục tiêu xã hội - môi trường

a) Giải quyết được bao nhiêu việc làm, thu nhập bình quân của người lao động; cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được xây dựng.

b) Tổng diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng, độ che phủ của rừng đạt được sau luân kỳ; giai đoạn 5 năm và từng năm.

II. PHÂN LOẠI RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

1. Vùng có giá trị bảo tồn cao

Khu vực không khai thác gỗ chỉ thực hiện các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và khai thác lâm sản ngoài gỗ theo phương thức phân tán.

2. Vùng kinh doanh rừng

Khu vực khai thác gỗ hạn chế được thực hiện các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên kết hợp trồng bổ sung; khai thác lâm sản ngoài gỗ. Đối với khai thác gỗ phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Khu vực sản xuất gỗ được tổ chức mọi hoạt động quản lý bảo vệ, phát triển vốn rừng và sử dụng rừng theo kế hoạch sản xuất của đơn vị.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG BỀN VỮNG

Thuyết minh các kế hoạch quản lý rừng bền vững ở Mục 3, Chương 2 của Thông tư này (nếu có).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về công tác quản lý

Đề đáp ứng được yêu cầu kinh doanh bền vững thì công tác quản lý phải có những đổi mới, mô tả mô hình quản lý đối với từng khâu công việc. Những khâu công việc nào cần được tăng cường, chú ý về công tác quản lý.

2. Giải pháp về quan hệ và phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng và tổ chức sản xuất kinh doanh của đơn vị

Nội dung này, nêu các nội dung phối hợp, trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan, bao gồm: đối với cơ quan chuyên môn; đối với chính quyền địa phương các cấp; đối với người dân và cộng đồng địa phương.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ.

Những lĩnh vực, khâu sản xuất nào cần phải đầu tư về khoa học công nghệ, phương thức tổ chức thực hiện, nhu cầu vốn đầu tư.

4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

Dự báo nhu cầu nhân lực, nêu biện pháp huy động nhân lực, kế hoạch đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động ở từng lĩnh vực, từng khâu công việc.

5. Giải pháp về tài chính và tín dụng

Xác định cụ thể về khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư cho từng hạng mục công việc đã xác định trong Phương án, đề ra những biện pháp tài chính, tín dụng để tránh rủi ro trong sản xuất, kinh doanh.

V. HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Hiệu quả kinh tế.
2. Hiệu quả xã hội - môi trường.

Chương 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Mô tả và phân công cụ thể về trách nhiệm đối với từng vị trí, bộ phận, tổ sản xuất của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ đã xác định trong Phương án.

II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Mô tả được mục tiêu của công tác kiểm tra, giám sát phải đạt được là gì. Xác định cụ thể các chỉ tiêu kiểm tra, giám sát đối với từng khâu công việc.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Những nội dung cơ bản có tính chất tổng hợp nhất đã được xác định trong Phương án. Việc thực hiện Phương án sẽ đạt được những kết quả gì nổi bật so với phương thức trước đó.
2. Để thực hiện Phương án đạt mục tiêu đề ra, những vấn đề gì khó khăn phải kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền để tháo gỡ, hoặc cần phải bổ sung cơ chế, chính sách gì./.

Phần 2 HỆ THỐNG BIỂU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG (Đối với rừng tự nhiên)

Biểu 01: Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng

STT	Hạng mục	Diện tích		Trữ lượng (m ³ /1000 cây)	
		ha	%	m ³ /1000 cây	% (với gỗ)
1	2	3	4	5	6
	Tổng diện tích tự nhiên				
I	Diện tích có rừng				
1	Rừng tự nhiên				
1.1	Rừng gỗ				
1.1.1	Rừng lá rộng TX và nửa rụng lá				
	- Rất giàu				
	- Giàu				
	- Trung bình				
	- Nghèo				
1.1.2	Rừng lá rộng rụng lá				
	- Rất giàu				
	- Giàu				
	- Trung bình				
	- Nghèo				
1.1.3	Rừng lá kim				
1.1.4	Rừng gỗ hỗn giao LR + LK				
1.2	Rừng gỗ + tre nửa				
1.3	Rừng tre nửa + gỗ				
1.4	Rừng tre nửa				

2	Rừng trồng				
2.1	Rừng gỗ				
2.2	Rừng tre nứa				
2.3	Rừng đặc sản				
2.4	Loại khác				
II	Đất LN chưa có rừng				
1	Ia				
2	Ib				
3	Ic				
III	Đất nông nghiệp				
IV	Đất khác				

Biểu 02: Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng theo tiểu khu

Tên tiểu khu	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)											Diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng (ha)	Diện tích đất nông nghiệp (ha)	Diện tích đất khác (ha)	
		Cộng	Rừng gỗ tự nhiên													Rừng trồng
			Rừng rất giàu	Rừng giàu	Rừng trung bình	Rừng nghèo	Rừng lá kim	Rừng hỗn giao LR-LK	Rừng hỗn giao tre nứa, gỗ	Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa	Rừng tre nứa					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1. Rừng phòng hộ																
125																
-																
129																
Cộng																
2. Rừng sản xuất																
139																
-																
142																
Cộng																
Tổng cộng																

Biểu 03: Trữ lượng các loại rừng theo tiểu khu

Số hiệu TK	Tổng cộng	Trữ lượng rừng (m ³ /ha; 1000 cây/ha)											
		Cộng	Rừng gỗ tự nhiên										Rừng trồng
			Rừng rất giàu	Rừng giàu	Rừng trung bình	Rừng nghèo	Rừng lá kim	Rừng hỗn giao LR-LK	Rừng hỗn giao tre nứa, gỗ	Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa	Rừng tre nứa		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1. Rừng phòng hộ													
125													
-													
129													
Cộng													

2. Rừng sản xuất																	
139																	
-																	
142																	
Cộng																	
Tổng cộng																	

Biểu 04: Dân sinh - kinh tế - xã hội (thống kê các xã liên quan đến lâm phần của đơn vị)

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số hộ	Nhân khẩu			Lao động			Diện tích canh tác bình quân (ha/hộ)			Thu nhập bình quân (1000 đồng/hộ)			Nhu cầu sử dụng lâm sản hàng năm (m ³ /hộ; tấn/hộ)		
			Tổng	Kinh	DT khác	Tổng	Nam	Nữ	Tổng	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Tổng	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Gỗ	Củi	Lâm sản khác
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Xã A																
1	Làng 1																
2	Làng 2																
-																	
-																	
II	Xã B																
1	Làng 1																
2	Làng 2																
-																	
-																	
...																	
	Tổng cộng																

Biểu 05: Hiện trạng đường giao thông thống kê trong lâm phần và khu giáp ranh

STT	Loại đường	Tên tuyến	Số hiệu tuyến (nếu có)	Cấp đường	Chiều dài (km)	Mô tả đánh giá
1	2	3	4	5	6	7
I.	Trong lâm phần					
1	Liên xã					
2	Liên huyện					
...						
	Quốc lộ					
II	Khu vực giáp ranh					
1	Liên xã					
2	Liên huyện					
...						
	Quốc lộ					
Tổng						

Biểu 06: Quy hoạch, bố trí sử dụng đất đai

DVT: ha

STT	Hạng mục	Tổng	Phân ra				
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất trồng	Đất nông nghiệp	Đất khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng diện tích tự nhiên						
I	Quy hoạch đất lâm nghiệp						
1	Quy hoạch vùng bảo vệ						
-	Bảo vệ đất						
-	Bảo vệ lưu vực nước						
-	Bảo vệ dọc sông suối						
-	Rừng có giá trị bảo tồn cao						
-	Bảo vệ môi trường sông của động vật						
-	Bảo vệ di tích, văn hóa, tín ngưỡng						
	...						
2	Quy hoạch vùng sản xuất						
-	Khu vực khai thác gỗ rừng tự nhiên						
-	Khu vực khai thác gỗ rừng trồng						
-	Khu vực khai thác lâm sản ngoài gỗ						
II	Quy hoạch đất nông nghiệp						
-	Quy hoạch ruộng nước						
-	Quy hoạch đất trồng màu						
-	Quy hoạch trồng cây công nghiệp						
-	Quy hoạch đất nông nghiệp khác						
	...						
III	Quy hoạch khác						
-	Thủy điện						
-						

Biểu 07. Kế hoạch bảo rừng

STT	Giai đoạn/năm	Địa danh (TK)	Diện tích (ha)	Nội dung	Dự kiến KH	
					Cơ sở vật chất (nếu có)	Kinh phí (đồng)
1	Giai đoạn 1					
-	Năm 201..					
-	Năm 201..					
-	Năm 201..					
-	Năm 201..					
-	Năm 201..					
2	Giai đoạn ...					

Biểu 08: Kế hoạch khai thác gỗ rừng tự nhiên

STT	Giai đoạn	Địa danh		Diện tích (ha)	Trữ lượng bình quân (m ³ /ha)	Sản lượng khai thác dự kiến (m ³)		
		Khoảnh	Tiểu khu			Gỗ lớn	Gỗ tận dụng	Củi
1	2	3	4	5	6	7	8	
I	20....							

II	20... - 20...								
III									
	Tổng cộng								

Biểu 11: Kế hoạch làm giàu rừng

STT	Giai đoạn	Địa danh		Diện tích tác động (ha)	Số lượng tận dụng (m ³)		Biện pháp kỹ thuật	Vốn đầu tư (đồng)	
		Khoảnh	Tiểu khu		Gỗ	Củi		Đơn giá	Kinh phí
I	20... - 20...								
1									
2									
3									
4									
5									
II	20... - 20...								
III									
	Tổng cộng								

Biểu 12: Kế hoạch cải tạo rừng

STT	Giai đoạn	Địa danh		Diện tích tác động (ha)	Số lượng tận dụng (m ³)		Biện pháp kỹ thuật	Vốn đầu tư (đồng)	
		Khoảnh	Tiểu khu		Gỗ	Củi		Đơn giá	Kinh phí
I	20... - 20...								
1									
2									
3									
II	20... - 20...								
III									
	Tổng cộng								

Biểu 13: Kế hoạch trồng rừng

STT	Giai đoạn	Hạng mục					
		Địa danh		Diện tích (ha)	Loài cây trồng	Đơn giá (đồng)	Dự toán (đồng)
		Khoảnh	Tiểu khu				
1	2	3	4	5	6	7	8
I	20..- 20..						
1							
2							
3							
4							
5							
II	20..- 20..						
1							
2							
-							
-							
	cộng						
	T.cộng						

Biểu 14: Kế hoạch khai thác rừng trồng

STT	Giai đoạn	Hạng mục				
		Địa danh		Diện tích (ha)	Sản lượng (m ³)	
		Khoảnh	Tiểu khu		Gỗ	Củi
1	2	3	4	5	6	7
I	20..- 20..					
1						
2						
3						
4						
5						
II	20..- 20..					
1						
2						
-						
-						
	T.cộng					

Biểu 15: Kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ

STT	Giai đoạn	Tre nứa		Song mây		Nhựa thông	
		Diện tích (ha)	Sản lượng (1000 cây)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)		
I	20..-20..								
1									
2									
3									
II	20..-20..								
1									
2									

-										
-										
	T.cộng									

Biểu 16: Kế hoạch sản xuất nông lâm kết hợp

Giai đoạn	20... -20...		20... -20...		20... -20...		20... -20...	
	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
I/ Trồng cây lương thực								
-								
-								
...								
II/ Trồng cây công nghiệp								
-								
-								
...								

Biểu 17: Kế hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm gỗ

STT	Giai đoạn	Khối lượng gỗ tròn (m ³)	Sản phẩm chính			
			Gỗ xẻ (m ³)	Ván nhân tạo (m ³)
1	20.. - 20..					
2	20.. - 20..					

Biểu 18: Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	20..- 20...	20..- 20...	20..- 20...	20..- 20...	20..- 20...
1	Làm đường Vận chuyển Vận xuất	km					
2	Xây nhà Nhà làm việc Trạm bảo vệ rừng	cái					
3	...						
	Tổng						

Biểu 19: Kế hoạch cung cấp dịch vụ môi trường rừng

STT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Sản xuất thủy điện				
2	Du lịch				
3	Sản xuất nước sạch				
	Tổng				

Biểu 20: Kế hoạch lâm nghiệp cộng đồng

STT	Hạng mục	Địa điểm (làng, xã)	Khối lượng	Số hộ được hưởng (hộ)	Thu nhập bình quân hộ (1.000đ/hộ)
1	Tham gia thực hiện nhiệm vụ				
	Giao khoán bảo vệ rừng (ha)				
	Khoán trồng rừng (ha)				
	Khoán chăm sóc rừng (ha)				
	...				
2	Hỗ trợ cộng đồng				
	Gỗ làm nhà (m ³)				
	Lâm sản khác (m ³ , cây, tấn)				
	...				
	Tổng				

Biểu 21: Tổng hợp nhu cầu vốn

ĐVT: 1000 đồng

Hạng mục	Tổng cộng	Cụ thể từng năm, từng giai đoạn							
		20..	20..	20..	20..				
1. Sản xuất lâm nghiệp									
- Trồng rừng									
- Cải tạo rừng									
- Nuôi dưỡng rừng									
- Lâm giàu rừng									
- Khoanh nuôi rừng									
...									
2. Sản xuất nông nghiệp									
3. Sản xuất công nghiệp									
- Khai thác									
- Chế biến									
...									
4. Xây dựng cơ bản									
- Đường trục									
- Nhà cửa									
- Cơ sở hạ tầng khác									
...									
Cộng									

Biểu 22: Tổng hợp khả năng huy động vốn

DVT: 1000 đồng

Nguồn huy động	Tích lũy/ĐVSP	Khối lượng	Tổng vốn huy động	Cụ thể từng năm, từng giai đoạn				
				20..	20..	20..	20...	...
1. Tiền bán lâm sản								
2. Gia công chế biến								
3. Dịch vụ môi trường								
4. Nguồn thu khác								
...								
Tổng								

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG (Đối với rừng trồng)

Phần 1

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

LỜI NÓI ĐẦU

1. Thông tin về đơn vị gồm: năm thành lập, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, địa chỉ; điện thoại, số fax, email, tài khoản giao dịch (nếu có); chức năng, nhiệm vụ chủ yếu.
2. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết, những căn cứ, nguồn gốc số liệu, tài liệu xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững.

Chương 1

KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA ĐƠN VỊ

1. Vị trí địa lý, phạm vi ranh giới, diện tích

- Rừng và đất rừng của đơn vị nằm trong địa phận của tỉnh, huyện, xã.
- Giới cận theo các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc.
- Cách các trung tâm quan trọng như thành phố, thị xã, thị trấn, các nhà máy chế biến, tiêu thụ sản phẩm, đường quốc lộ bao nhiêu km về phía nào.
- Diện tích đơn vị quản lý: trình bày khái quát về tổng diện tích, diện tích rừng, diện tích đất trồng.

2. Điều kiện tự nhiên

2.1. Địa hình

- Loại địa hình
- Độ dốc (độ dốc trung bình, độ dốc cao nhất)
- Độ cao so với mực nước biển (độ cao trung bình, độ cao cao nhất).

2.2. Điều kiện khí hậu, thủy văn

2.2.1. Khí hậu

Sử dụng tài liệu của trạm khí tượng nằm trong khu vực của đơn vị, nếu không có, sử dụng tài liệu của trạm khí tượng gần nhất. Các thông tin cần thu thập:

- Nhiệt độ bình quân năm, nhiệt độ bình quân tháng nóng nhất, tháng lạnh nhất; nhiệt độ cao nhất, thấp nhất.
- Độ ẩm trung bình theo mùa.
- Lượng mưa trung bình hàng năm, các tháng mùa mưa, các tháng mùa khô.
- Các hướng gió chính, gió hại (nếu có), thời gian xuất hiện.

Các yếu tố khí hậu cực đoan như bão, sương muối, gió nóng, gió khô (nếu có), số lần, thời gian thường xuất hiện.

2.2.2. Thủy văn

- Mạng lưới sông suối, hồ, đập.
- Nếu có khả năng vận chuyển sản phẩm thì ghi rõ số km có khả năng lợi dụng và hướng vận chuyển.
- Tình trạng lũ lụt, sạt lở đất cần đề phòng.

2.3. Đặc điểm về đất đai

- Sự biến động về quản lý đất đai trong 5 năm gần đây.
- Hiện trạng, quy hoạch bố trí sử dụng đất đai (phân chia 3 loại rừng, diện tích đã đưa vào sử dụng theo các mục đích khác nhau, diện tích đất trồng chưa sử dụng, phân bố đất đai cho

các đơn vị quản lý, tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, thuê đất và liên kết sản xuất).

- Phân loại đất và các đặc tính chính của từng loại: diện tích, khu vực phân bố, đá mẹ, độ dày tầng đất, độ đá lẫn, thành phần cơ giới, độ PH, thực bì chỉ thị.

- Đánh giá tổng quát về đất, đặc biệt là đất chưa có rừng (mức độ tốt, xấu, diễn biến độ phì đất sau khi trồng rừng (với các loài cây chính, khu vực chính).

2.4. Rừng và các tài nguyên thiên nhiên khác

2.4.1. Tài nguyên rừng

- Rừng tự nhiên: tổng diện tích, trạng thái, trữ lượng bình quân/ha.

- Rừng trồng: tổng diện tích, phân bố theo loài cây, tuổi, tình hình tăng trưởng, sản lượng bình quân khi khai thác, sâu bệnh hại, cháy rừng, phá rừng.

- Lâm sản ngoài gỗ.

- Kỹ thuật và công nghệ lâm sinh đang sử dụng (rừng trồng, rừng tự nhiên)

- Đánh giá chung về tài nguyên rừng và đất rừng.

2.4.2. Các loại tài nguyên thiên nhiên khác (nếu có).

2.4.3. Tài nguyên đa dạng sinh học và các khu rừng có giá trị bảo tồn cao.

2.5. Đánh giá khái quát về thuận lợi và hạn chế của điều kiện tự nhiên đối với kinh doanh rừng.

3. Đặc điểm kinh tế và xã hội

(phạm vi huyện, các xã trong và liên kế địa bàn hoạt động của đơn vị).

3.1. Đặc điểm xã hội

- Dân số, dân tộc, lao động (dư thừa lao động, khả năng huy động lao động cho các hoạt động của đơn vị)

- Trình độ dân trí (tỷ lệ người biết chữ, cấp học phổ thông, tỷ lệ sinh đẻ, trình độ canh tác, trường học, trạm xá), an ninh.

3.2. Đặc điểm kinh tế

- Cơ cấu kinh tế của huyện, xã; những ngành nghề chính trong vùng, tỷ lệ đói, nghèo; phát triển công, nông nghiệp và dịch vụ.

- Tình hình chế biến và thị trường lâm sản: số cơ sở chế biến gỗ và lâm sản, sản phẩm chính; giá cả thị trường.

- Tình hình tiêu thụ gỗ (tại chỗ, trong tỉnh, ngoài tỉnh, loại sản phẩm, khối lượng, giá cả, khó khăn, thuận lợi, khả năng tiêu thụ gỗ trong tương lai).

3.3. Kết cấu hạ tầng: mạng lưới đường xá, đường dân sinh; mạng lưới điện; chợ, ngân hàng, bưu điện, trường học, phương tiện vận tải hàng hóa.

3.4. Đánh giá chung về tình hình kinh tế xã hội, thuận lợi, khó khăn.

4. Hiện trạng mạng lưới đường xá, phương tiện vận chuyển, hệ thống thông tin liên lạc của đơn vị

- Mạng lưới đường trục vận chuyển lâm sản: km, cấp đường, chất lượng đường.

- Phương tiện vận chuyển chính.

5. Hiện trạng nguồn nhân lực, lao động của đơn vị

- Nguồn nhân lực: cán bộ quản lý (trình độ đại học, trung cấp, sơ cấp), lao động hợp đồng dài hạn, thời vụ, nguồn lao động (đã qua đào tạo, chưa qua đào tạo).

- Số hộ nhận khoán theo công việc.

6. Đánh giá về hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong 5 năm gần đây

- Đánh giá về các kế hoạch đã xây dựng và tình hình thực hiện về khối lượng, về chất lượng; thi hành luật pháp, chính sách, quy trình, quy phạm; ưu điểm, tồn tại và nguyên nhân.

- Hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường.

Chương 2 KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kinh tế

- Tổng diện tích rừng và đất rừng được đưa vào quản lý, sử dụng và phát triển.
- Diện tích rừng trồng, năng suất rừng trồng đạt được và tăng so với hiện tại.
- Về sản lượng khai thác bình quân/năm khi định hình và tăng so với hiện tại.

1.2.2. Về xã hội

- Giải quyết công ăn việc làm, thu hút bao nhiêu lao động, giá trị ngày công lao động.
- Đóng góp nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ của người dân đối với nghề rừng
- Đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng: đường xá, cụm dân cư, các công trình công cộng; phát triển ngành nghề nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.
- Giải quyết tốt mối quan hệ với các tổ chức và cộng đồng địa phương.

1.2.3. Về môi trường

- Nâng cao độ che phủ của rừng, tăng cường các biện pháp cải tạo đất, chống xói mòn thông qua các biện pháp kỹ thuật lâm sinh.
- Bảo vệ tính đa dạng sinh học, các loài động vật, thực vật quý hiếm, trồng các loài cây bản địa quý hiếm, trồng cây cung cấp gỗ nhỏ, kết hợp gỗ lớn, giảm sức ép đối với rừng tự nhiên. Các mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường được chứng minh bằng số liệu cụ thể.

2. Quy hoạch, bố trí sử dụng đất đai

2.1. Quy hoạch sử dụng đất

2.2. Xác định diện tích đất theo quy hoạch 3 loại rừng

2.3. Xác định các khu vực loại trừ

- a) Rừng đáp ứng những nhu cầu quan trọng của cộng đồng dân cư địa phương.
- b) Rừng phòng hộ cục bộ.
- c) Đất ven ruộng lúa của dân.
- d) Các khu vực mục đích bảo tồn.

2.4. Đất rừng sản xuất

- Đất có rừng trồng.
- Đất có rừng tự nhiên.
- Đất chưa có rừng.
- + Đất dành cho trồng rừng, cây gỗ nhỏ, cây gỗ nhỏ kết hợp sản xuất gỗ lớn, cây gỗ lớn.
- + Đất dành cho sản xuất nông lâm kết hợp.

3. Tổ chức bộ máy quản lý và các đơn vị trực thuộc

- Tổ chức bộ máy, sơ đồ tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ
- Tổ chức các đội sản xuất: địa điểm, diện tích quản lý, nhân lực.
- Tổ chức các đơn vị dịch vụ (cung ứng vật tư, vườn ươm, dịch vụ sản xuất khác). Mô tả địa điểm, quy mô, nhiệm vụ.

4. Lập kế hoạch quản lý, sản xuất kinh doanh

4.1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn

4.1.1. Phòng cháy, chữa cháy

- Biện minh về các khu vực và thời gian cần phòng chống cháy
- Các giải pháp thiết bị, kỹ thuật (chòi canh, đường ranh cản lửa rừng, mốc băng, trang thiết bị...)

- Tổ chức lực lượng để thực hiện và tuyên truyền giáo dục.

4.1.2. Kế hoạch phòng trừ sâu bệnh hại

- Dự báo, giám sát
- Kỹ thuật phòng trừ
- Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật (phụ lục cấm).

4.1.3. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu vực có giá trị bảo tồn

- Xác định địa điểm, diện tích, mục đích, nội dung bảo vệ
- Xác định các biện pháp bảo vệ.

4.1.4. Chống chặt phá phi pháp lấy gỗ, lấy đất để canh tác

- Biện minh về các khu vực cần bảo vệ (những khu vực gần đường giao thông, các khu rừng có cây đặc yêu cầu của thị trường, nơi có nhu cầu canh tác nương rẫy)

- Tổ chức tuần tra canh gác
- Tổ chức trạm gác cửa rừng (số lượng, địa điểm)
- Tuyên truyền giáo dục, tổ chức mạng lưới dân để phát hiện kịp thời các vụ việc
- Dự toán kinh phí.

4.2. Trồng rừng

- Xác định tổng diện tích cần trồng rừng (trồng lại rừng sau khai thác và trồng rừng mới)
- Mục đích trồng rừng
- Chọn loài cây trồng, thuyết minh về lựa chọn loài cây; mô tả đặc trưng về loài cây lựa chọn; dự kiến diện tích trồng cho từng loài trên các dạng đất khác nhau.
- Xác định địa danh, diện tích trồng từng năm trong chu kỳ kinh doanh.
- Thuyết minh một số nội dung kỹ thuật cơ bản.
- Chu kỳ, năng suất dự kiến đạt được.
- Xác định đơn giá và vốn đầu tư.

4.3. Khai thác rừng trồng

4.3.1. Những cơ sở và kỹ thuật xây dựng kế hoạch khai thác

- Xác định chu kỳ khai thác theo loài cây
- Chọn đối tượng rừng đưa vào khai thác
- Tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi
- Loại sản phẩm, quy cách sản phẩm
- Kỹ thuật và công nghệ theo tiêu chuẩn khai thác tác động thấp.

4.3.2. Xây dựng kế hoạch cho một chu kỳ: trình tự đưa các lô vào khai thác bảo đảm ổn định trong chu kỳ, xác định cụ thể địa danh, diện tích, sản lượng khai thác.

4.3.3. Công cụ và công nghệ khai thác

Biện minh về công cụ sử dụng, kỹ thuật mở đường vận xuất, vận chuyển (chiều rộng đường, mật độ đường, cự ly giữa các tuyến), kỹ thuật khai thác, an toàn lao động theo kỹ thuật khai thác tác động thấp.

4.3.4. Tổ chức khai thác, tiêu thụ sản phẩm

- Tự tổ chức khai thác hay bán cây đứng cho đơn vị khai thác
- Tiêu thụ gỗ (tiêu thụ trong tỉnh hay ngoài tỉnh).

4.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng

- Duy tu bảo dưỡng đường số km, tên tuyến, thời gian thực hiện
- Mở đường mới, đường nhánh, số km, tên tuyến, giá trị sử dụng, thời gian thực hiện
- Hệ thống bãi gỗ, số lượng, địa điểm, diện tích
- Xây dựng các công trình phúc lợi (nếu có) như nhà làm việc, câu lạc bộ, trạm quản lý bảo vệ, chòi canh, chỉ rõ mục đích, số lượng, thời gian thực hiện
- Xây dựng vườn ươm, mục đích, địa điểm, diện tích, công suất, thời gian thực hiện
- Dự toán kinh phí.

4.5. Kế hoạch nhân lực và đào tạo

- Kế hoạch nhân lực
- + Thuyết minh về nhu cầu lao động bình quân cho 1 năm cho từng khâu công việc
- + Kế hoạch huy động lao động phục vụ trồng rừng, khai thác và các dịch vụ khác (lao động thường xuyên, lao động thời vụ); Kế hoạch khoán theo công việc.
- Kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nhân lực: đối tượng, nội dung đào tạo, hình thức đào tạo (ngắn hạn, dài hạn) số lượng người, số lớp.

4.6. Kế hoạch giám sát, đánh giá

- 4.6.1. Giám sát, đánh giá các chỉ tiêu về kinh tế
- 4.6.2. Giám sát, đánh giá các chỉ tiêu về môi trường
- 4.6.3. Giám sát, đánh giá các chỉ tiêu về xã hội.

Chương 3 PHÂN TÍCH, TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ KINH DOANH

1. Kinh tế

1.1. Giá trị sản phẩm thu được

1.2. Sản phẩm từ các hoạt động lâm sinh, từ rừng trồng

1.3. Tăng vốn rừng (Tăng về diện tích, trữ lượng rừng trồng)

2. Xã hội

Đối tượng bị tác động và mức độ ảnh hưởng, bao gồm cả tác động tích cực và tác động tiêu cực (giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập của người dân, nâng cao năng lực, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường, nguồn nước).

3. Môi trường

Tiên lượng các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường, về bảo tồn đa dạng sinh học và các mẫu sinh thái có giá trị bảo tồn; tăng độ che phủ của rừng, phát triển các loài cây bản địa, tác dụng của việc bảo vệ các khu vực loại trừ và thực hiện khai thác tác động thấp.

Chương 4 TỒN TẠI, KIẾN NGHỊ

1. Tồn tại

Nêu những khó khăn những tồn tại về mặt kỹ thuật, về chính sách, về thể chế.

2. Kiến nghị:

Nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch đã xây dựng./.

Phần 2 HỆ THỐNG BIỂU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG (Đối với rừng trồng)

Biểu 01: Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng

STT	Hạng mục	Diện tích		Trữ lượng (m ³ /1000 cây)	
		ha	%	m ³ /1000 cây	% (với gỗ)
1	2	3	4	5	6
	Tổng diện tích quản lý				
	I Diện tích có rừng				
	1 Rừng tự nhiên				
1.1	Rừng gỗ				
1.2	Rừng gỗ + tre nứa				
1.3	Rừng tre nứa + gỗ				
1.4	Rừng tre nứa				
	2 Rừng trồng				
2.1	Rừng gỗ				
2.2	Rừng tre nứa				
2.3	Rừng đặc sản				
2.4	Loại khác				
	II Đất LN chưa có rừng				
1	la				
2	lb				
3	lc				
	III Đất nông nghiệp				
	IV Đất khác				

Biểu 02: Hiện trạng sử dụng đất

STT (1)	Mục đích sử dụng (2)	Diện tích (ha) (4)	Cơ cấu (%) (5)
	Tổng diện tích quản lý		
1	Đất lâm nghiệp		
1.1	Đất rừng sản xuất		
1.2	Đất rừng phòng hộ		
1.3	Đất rừng đặc dụng		
2	Đất phi nông nghiệp		
2.1	Đất có nhà ở		
2.2	Đất chuyên dùng...		
3	Đất nông nghiệp		
3.1	Đất trồng cây hàng năm		
3.2	Đất trồng cây lâu năm...		
4	Đất khác		

Biểu 03: Hiện trạng rừng trồng theo loài cây và tuổi

Loài cây	Diện tích (ha)	Tuổi rừng				
		1	2	3
1. Keo						
2. Bồ đề						
Tổng số						

Biểu 04: Hiện trạng hệ thống đường (trong lâm phần và khu vực giáp ranh)

STT	Loại đường	Tên tuyến	Số hiệu tuyến (nếu có)	Cấp đường	Chiều dài (km)	Mô tả đánh giá
I	Trong lâm phần					
1	Liên xã					
2	Liên huyện					
	Quốc lộ					
II	Khu vực giáp ranh					
1	Liên xã					
2	Liên huyện					
	Quốc lộ					
Tổng						

Biểu 05: Kết quả sản xuất kinh doanh 5 năm gần nhất

Hạng mục	Đơn vị	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Năm ...	Tổng cộng	Tăng trưởng
1. Trồng rừng								
- Kế hoạch	ha							
- Thực hiện	ha							
- % hoàn thành	%							
2. S.lượng gỗ KT								
- K.hoạch khai thác	m ³							
- Thực hiện	m ³							
- Sản lượng TB	m ³ /ha							
- % hoàn thành	%							
3. Giá trị TSL	tr.đ							
4. Doanh thu	tr.đ							
5. Lãi (lỗ)	tr.đ							

6. Nộp ngân sách	tr.d							
7. Nộp BHXH	tr.d							
8. Lương bình quân/người/tháng	Nghìn đồng							

Biểu 06: Quy hoạch, bố trí sử dụng đất

Loại đất	Đơn vị	Hiện trạng	Quy hoạch	Ghi chú
Tổng diện tích	ha			
1. Đất sản xuất lâm nghiệp	ha			
- Đất rừng sản xuất	ha			
- Đất rừng phòng hộ	ha			
- Đất rừng đặc dụng	ha			
2. Đất sản xuất nông nghiệp	ha			
3. Đất phi nông nghiệp	ha			
4. Đất không thể trồng rừng	ha			

Biểu 07: Kế hoạch trồng rừng cho 1 chu kỳ kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Loại cây trồng				
		Keo lá tràm	Keo tai tượng
1	Năm...					
-	Địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu)					
-	Diện tích (ha)					
-	Mật độ (cây/ha)					
-	Chu kỳ khai thác (năm)					
-	Mục tiêu kinh doanh					
-	Năm khai thác					
-	Sản lượng khai thác ước tính (m ³)					
-	Số lượng cây giống trồng rừng (cây)					
2	Năm...					
-					
-					
3	Năm...					
-					
-					
-					

Biểu 08: Kế hoạch chăm sóc rừng trồng

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích chăm sóc							
		Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
	
Năm thứ nhất	ha								
Năm thứ hai	ha								
Năm thứ ba	ha								

Biểu 09: Kế hoạch khai thác rừng trồng cho 1 chu kỳ kinh doanh

Năm khai thác	Diện tích (ha)	Loài cây	Các chỉ tiêu rừng trồng				Sản lượng dự kiến (m ³)		Tổ/đội SX hoặc địa danh
			Tuổi (năm)	D bq (cm)	H bq (m)	Trữ lượng (m ³)		bq/ha	
						bq/ha	tổng M		
Cộng									

Biểu 10: Nhu cầu lao động cho 1 chu kỳ kinh doanh

Năm	Nhu cầu lao động (người)	L.động trong đơn vị (người)	L.động thuê khoán (người)	Ghi chú

Phụ lục:

Điều 14, 20, 21 Nghị định số 117/2010/ND-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ

Điều 14. Quản lý nhà nước về rừng đặc dụng

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước đối với hệ thống rừng đặc dụng trong phạm vi cả nước; trực tiếp tổ chức quản lý các khu rừng đặc dụng trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước đối với hệ thống rừng đặc dụng ở địa phương; trực tiếp quản lý các vườn quốc gia; phân cấp quản lý các khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài, sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan.

Điều 20. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập

1. Ban quản lý khu rừng đặc dụng tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ nghiên cứu khoa học theo chương trình, đề tài, dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo, nhà khoa học, học sinh, sinh viên thực hiện việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại khu rừng đặc dụng phải đảm bảo các quy định sau đây:

a) Có kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại khu rừng đặc dụng được Ban quản lý khu rừng đặc dụng đó chấp thuận;

b) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, quy chế quản lý và sự hướng dẫn của Ban quản lý khu rừng đặc dụng;

c) Sau mỗi đợt nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại khu rừng đặc dụng, chậm nhất là hai tuần báo cáo về các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại khu rừng đặc dụng; sau khi công bố kết quả nghiên cứu chậm nhất hai tháng phải báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng;

d) Đối với tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo, nhà khoa học, học sinh, sinh viên nước ngoài thì chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại khu rừng đặc dụng phải được Tổng cục Lâm nghiệp đồng thuận bằng văn bản và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với người nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

đ) Chỉ thu thập mẫu vật, nguồn gen của những loài với số lượng được xác định tại chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được duyệt; đối với tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo, nhà khoa học, học sinh, sinh viên nước ngoài thì còn phải được Tổng cục Lâm nghiệp đồng thuận bằng văn bản. Việc vận chuyển, lưu giữ, công bố mẫu vật, nguồn gen thực hiện theo quy định của Nhà nước và sự hướng dẫn, giám sát của Ban quản lý khu rừng đặc dụng;

e) Thanh toán chi phí dịch vụ cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng.

Điều 21. Sử dụng bền vững tài nguyên rừng

Các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong rừng đặc dụng phải đảm bảo chức năng bảo tồn, duy trì và phát triển sự đa dạng sinh học của rừng, đảm bảo môi trường sống của các loài thực vật rừng, động vật rừng đặc hữu, quý hiếm; loài thực vật rừng, động vật rừng có giá trị cao về khoa học, giáo dục; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, các giá trị cảnh quan, văn hóa, lịch sử và môi trường. Thủ tục, biện pháp kỹ thuật khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong rừng đặc dụng phải tuân theo quy chế quản lý rừng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1. Đối với vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài, sinh cảnh

a) Được khai thác, thu dọn, làm vệ sinh những cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, thực vật

rừng trong phân khu dịch vụ hành chính theo quy định của Nhà nước; được tận thu gỗ, củi, thực vật rừng trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Được khai thác, sử dụng bền vững các loài thực vật ngoài gỗ và không thuộc danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm trong phân khu phục hồi sinh thái và phân khu dịch vụ hành chính theo đề án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định này phê duyệt và quy định của pháp luật.

c) Được thu thập mẫu vật, nguồn gen sinh vật theo quy định tại mục d, Khoản 2, Điều 20 của Nghị định này.

2. Đối với khu rừng bảo vệ cảnh quan

a) Được tận thu gỗ, củi, thực vật rừng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh để bảo tồn, tôn tạo, khôi phục hệ sinh thái, cảnh quan, văn hóa, lịch sử và trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Được khai thác, sử dụng bền vững các loài thực vật không thuộc danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm theo đề án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định này phê duyệt.

c) Được thu thập mẫu vật, nguồn gen sinh vật theo quy định tại mục d, Khoản 2, Điều 20 của Nghị định này.

3. Đối với rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học

a) Được phép khai thác lâm sản theo chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt.

b) Được tận thu gỗ, củi, thực vật rừng trong quá trình thực hiện các tác động điều chỉnh tổ thành rừng, nuôi dưỡng rừng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật khác theo chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt và trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Được khai thác, sử dụng bền vững các loài thực vật, động vật, vi sinh vật phục vụ nghiên cứu khoa học theo chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này phê duyệt.

d) Được thu thập mẫu vật, nguồn gen sinh vật theo quy định tại mục d, Khoản 2, Điều 20 của Nghị định này.

Điều 6, 13, 14, 15, 16 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Điều 6. Tiêu chuẩn định hình khu rừng phòng hộ

1. Các khu rừng phòng hộ định hình khi đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này.

2. Tiêu chuẩn định hình chung đối với các khu rừng phòng hộ khi đạt các tiêu chí sau:

a) Tỷ lệ diện tích đất có rừng trên diện tích của toàn khu rừng phòng hộ phải từ 70 phần trăm trở lên;

b) Diện tích có rừng liền khoảnh từ 0,5 hecta trở lên, nếu là dải cây rừng phải có chiều rộng tối thiểu 20 mét và có từ 03 hàng cây trở lên;

c) Là một hệ sinh thái, trong đó thành phần chính là các loài cây lâu năm thân gỗ, cau dừa, tre nứa có chiều cao vút ngọn từ 5,0 mét trở lên (trừ một số loài cây rừng ngập mặn ven biển).

3. Tiêu chuẩn định hình cụ thể bổ sung đối với từng loại rừng phòng hộ

a) Khu rừng phòng hộ đầu nguồn đạt tiêu chuẩn định hình khi rừng có khả năng duy trì, điều tiết nguồn nước, bảo vệ đất, giảm xói mòn. Độ tàn che của rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu phải từ 0,8 trở lên; độ tàn che của rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu phải từ 0,6 trở lên;

b) Khu rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay đạt tiêu chuẩn định hình khi cây rừng đã khép tán, rừng đã phát huy tác dụng ngăn chặn hoặc làm suy giảm tác hại của gió, cát cho vùng sản xuất và khu dân cư, nâng cao hoặc ổn định năng suất cây nông nghiệp;

c) Khu rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển đạt tiêu chuẩn định hình khi cây rừng đã khép tán, hệ rễ phát triển, rừng phát huy tác dụng chắn sóng, ổn định đất, tăng khả năng bồi lấp bờ biển, ngăn chặn hoặc làm giảm sạt lở, bảo vệ các công trình ven biển, ven sông;

d) Khu rừng phòng hộ bảo vệ môi trường đạt tiêu chuẩn định hình khi rừng đã có tác dụng ngăn chặn hoặc giảm ô nhiễm không khí, điều hòa khí hậu, tạo cảnh quan, môi trường trong sạch cho khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch, nghỉ ngơi.

Điều 13. Nguyên tắc khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ

1. Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ không làm giảm chức năng phòng hộ của rừng và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

2. Sản lượng khai thác quy định tại các Điều 14, 15 và 16 của Quy chế này.

3. Trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên không được khai thác những loài động, thực vật rừng nguy cấp quý, hiếm và những loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tận thu, tận dụng gỗ trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên

1. Đối với rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; rừng phòng hộ bảo vệ môi trường là rừng tự nhiên không được phép khai thác gỗ.

2. Đối với rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu là rừng tự nhiên chỉ được phép tận thu gỗ là những cây, lóng, khúc, bìa bấp gỗ đã khô mục, lóc lõi, gỗ cháy; cành, ngọn, góc, rễ gỗ và khai thác bền vững các loại lâm sản ngoài gỗ; khai thác tận dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác ở những đối tượng rừng tự nhiên là rừng giàu và rừng trung bình. Sau khi khai thác, rừng vẫn đạt tiêu chuẩn định hình rừng phòng hộ quy định tại Điều 6 của Quy chế này và các quy định hiện hành về khai thác lâm sản.

Điều 15. Khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng trồng

1. Rừng phòng hộ là rừng trồng do ngân sách nhà nước đầu tư chỉ được khai thác cây trồng xen, cây phụ trợ, tía thưa; thu gom cây gỗ nằm, gỗ khô mục, lóc lõi, gỗ cháy, cành, ngọn, góc, rễ cây, nhưng phải bảo đảm mật độ cây trồng chính còn lại ít nhất là 600 cây/hecta.

2. Rừng phòng hộ là rừng trồng có hỗ trợ của ngân sách nhà nước, hỗ trợ của chương trình, dự án có nguồn gốc ngân sách nhà nước.

a) Khai thác cây trồng xen, cây phụ trợ; tía thưa, tận thu, tận dụng gỗ;

b) Được chặt chọn cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác với cường độ khai thác không quá 20 phần trăm trữ lượng, sau khi khai thác rừng vẫn đạt tiêu chuẩn định hình quy định tại Điều 6 của Quy chế này hoặc khai thác trắng theo băng, đám xen kẽ nhau, với tổng diện tích khai thác hàng năm không vượt quá 20 phần trăm diện tích rừng trồng đã đạt tiêu chuẩn định hình và diện tích mỗi khu chặt trắng tối đa không quá 03 (ba) hecta; sau khai thác phải trồng lại vào vụ trồng rừng kế tiếp.

Băng khai thác phải thiết kế theo đường đồng mức, có chiều rộng tối đa là 20 mét đối với rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu và 30 mét đối với rừng phòng hộ đầu nguồn

xung yếu; đám khai thác có diện tích tối đa là 01 (một) hecta đối với rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu và 02 (hai) hecta đối với rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu.

3. Đối với rừng phòng hộ là rừng trồng do người được giao, thuê hoặc khoán rừng phòng hộ tự đầu tư

a) Được khai thác cây trồng xen, cây phụ trợ; tia thưa, tận thu, tận dụng gỗ;

b) Được chặt chọn cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác với cường độ khai thác không quá 30 phần trăm trữ lượng, sau khi khai thác rừng vẫn đạt tiêu chuẩn định hình quy định tại Điều 6 của Quy chế này. Phương thức khai thác thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định, hướng dẫn trình tự, thủ tục, quy trình kỹ thuật khai thác gỗ rừng tự nhiên.

Điều 16. Khai thác tre, lâm sản ngoài gỗ từ rừng phòng hộ

Ban quản lý rừng phòng hộ; người được giao, thuê hoặc khoán rừng phòng hộ được khai thác tre, nứa với cường độ không quá 30 phần trăm trữ lượng; sau khi khai thác, rừng vẫn đạt tiêu chuẩn định hình rừng phòng hộ quy định tại Điều 6 của Quy chế này. Khai thác các lâm sản ngoài gỗ khác phải đảm bảo các nguyên tắc về khai thác lâm sản quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

11. Tên thủ tục: *Giao rừng đối với tổ chức.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Tổ chức tham gia họp thẩm định hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tham gia cùng đoàn kiểm tra của Sở Nông nghiệp & PTNT kiểm tra hiện trạng khu rừng dự kiến giao.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và PTNT trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký quyết định giao rừng cho tổ chức.</p> <p>Bước 4. Sau khi nhận được kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính. Tổ chức tham gia cùng Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành bàn giao rừng tại thực địa.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (<i>theo mẫu</i>); - Phương án quản lý, sử dụng bền vững khu rừng (bản chính). <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thực hiện Bước 2: không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức; - Thời gian thực hiện Bước 3: không quá 3 (ba) ngày làm việc; - Thời gian thực hiện Bước 4: không quá 3 (ba) ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Tổ chức xin giao rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (<i>Phụ lục 05, Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	- <i>Thông tư số 20/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>

Phụ lục 05: Mẫu đề nghị giao rừng, cho thuê rừng dùng cho tổ chức
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20 /2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (1)
 2. Địa chỉ trụ sở chính.....
 3. Địa chỉ liên hệ..... Điện thoại.....
 4. Địa Điểm khu rừng đề nghị giao, cho thuê (2).....
 5. Diện tích đề nghị giao rừng, cho thuê (ha).....
 6. Để sử dụng vào Mục đích (3).....
 7. Thời hạn sử dụng (năm).....
 8. Phương thức nộp tiền sử dụng rừng (nếu có).....
 9. Cam kết sử dụng rừng đúng Mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nộp tiền sử dụng rừng (nếu có) đầy đủ, đúng hạn.....
- Các cam kết khác (nếu có):

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ, tên chức danh và đóng

1. Đối với tổ chức phải ghi rõ: tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập tổ chức.
2. Địa Điểm khu rừng đề nghị giao ghi rõ tên xã (phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và tên tiểu khu, Khoảnh, lô.
3. Mục đích để quản lý, bảo vệ, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch, nghiên cứu khoa học..

12. Tên thủ tục: Cho thuê rừng đối với tổ chức.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Tổ chức tham gia họp thẩm định hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tham gia cùng đoàn kiểm tra của Sở Nông nghiệp & PTNT kiểm tra hiện trạng khu rừng dự kiến cho thuê.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và PTNT trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký quyết định cho thuê rừng cho tổ chức.</p> <p>Bước 4. Sau khi nhận được kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính. Tổ chức tham gia cùng Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành bàn giao rừng tại thực địa.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (<i>theo mẫu</i>); - Phương án quản lý, sử dụng bền vững khu rừng (bản chính). <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thực hiện Bước 2: không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức. - Thời gian thực hiện Bước 3: không quá 3 (ba) ngày làm việc. - Thời gian thực hiện Bước 4: không quá 3 (ba) ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Tổ chức xin giao rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (<i>Phụ lục 05, Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT</i>) ⁽⁷⁾ .
Yêu cầu, điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	- <i>Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>

⁽⁷⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 11, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp (Phụ lục 05)

13. Tên thủ tục: Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND tỉnh Kon Tum xác lập.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, nếu hợp lệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị của các địa phương, đơn vị (theo mẫu); - Báo cáo hiện trạng rừng; các tiêu chí và chỉ số cho phép xác lập loại rừng đó. <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định. - 10 ngày tiếp theo kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng cho địa phương, đơn vị.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng (mẫu tại Quyết định 34/2011/QĐ-TTg ngày 24/6/2011);
Yêu cầu, điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 34/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

Kính gửi:

Tên đơn vị (đối với tổ chức) hoặc họ và tên (đối với hộ gia đình, cá nhân)

Địa chỉ: được giao quản lý, sử dụng ha rừng, tại khoảnh, tiểu khu thôn, bản xã huyện tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ngày tháng năm (hoặc quyết định giao đất, giao rừng số/..... ngày tháng năm).

Hiện trạng rừng đang quản lý ha, trong đó:

- Rừng sản xuất: ha;
- Rừng phòng hộ: ha;
- Rừng đặc dụng: ha;

Đề nghị được chuyển mục đích sử dụng từ rừng sang rừng cụ thể:

Vị trí chuyển đổi: lô khoảnh tiểu khu thôn, bản xã huyện tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương)

Diện tích chuyển đổi:

Đề nghị xem xét, giải quyết.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(hoặc chủ hộ gia đình)

(Ký tên, đóng dấu)

14. Tên thủ tục: Thu hồi rừng gắn với đất lâm nghiệp đối với các trường hợp Nhà nước sử dụng rừng và đất để phát triển rừng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (Trường hợp thu hồi rừng chưa có dự án đầu tư).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì lập phương án tổng thể về bồi thường, thu hồi rừng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (Lập phương án bồi thường, thu hồi rừng phải: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt).</p> <p>Bước 2. Trình duyệt phương án bồi thường và quyết định về thu hồi rừng: Việc trình duyệt phương án bồi thường và quyết định về thu hồi rừng như sau: - Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo cho các chủ rừng bị thu hồi rừng. Trong đó nói rõ lý do, đặc điểm khu rừng thu hồi, thời gian và kế hoạch di chuyển, phương án bồi thường thu hồi rừng. - Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập và trình phương án bồi thường của địa phương mình. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm trình quyết định thu hồi rừng lên Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.</p> <p>Bước 3. Phê duyệt phương án bồi thường và quyết định thu hồi rừng: - Sau khi nhận được hồ sơ thu hồi rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện và của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng, quyết định xét duyệt phương án bồi thường, thu hồi rừng cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Trường hợp diện tích rừng thu hồi có rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn đang sử dụng thì sau khi nhận được quyết định thu hồi rừng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ký quyết định thu hồi rừng cụ thể đối với mỗi chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.</p> <p>Bước 4. Quản lý rừng, giao rừng sau khi bồi thường, thu hồi rừng: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bồi thường, thu hồi rừng và giải quyết quản lý diện tích rừng thu hồi như sau: - Trường hợp chưa có dự án đầu tư thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. - Trường hợp rừng được thu hồi để chuyển mục đích sử dụng ngoài mục đích lâm nghiệp, việc khai thác tận dụng, tận thu được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý khai thác rừng. Ngoài các quy định trên, trình tự, thủ tục thu hồi rừng còn được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về bồi thường, thu hồi tài sản khi nhà nước thu hồi đất cho các mục đích kinh tế, an ninh, quốc phòng.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra tại hiện trường.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm: - Quyết định giao rừng hoặc cho thuê rừng, quyền sử dụng rừng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đã cấp); - Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (theo mẫu).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Chưa quy định.</p>

Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Biểu thông kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>Phụ lục 05, Thông tư số 38/2007/TT-BNN, ngày 25/4/2007</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	- Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 30/2008/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh Kon Tum.

BIỂU THỐNG KÊ**ĐẶC ĐIỂM KHU RỪNG GIAO, CHO THUÊ, THU HỒI RỪNG**

(kèm theo Quyết định số , ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân.....)

Tỉnh, thành phố:.....

Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:.....

Xã, phường, thị trấn:.....

STT	Vị trí, địa điểm			Diện tích	Loại rừng	Trạng thái	Trữ lượng	Mật độ	Cấp Phòng Hộ	Độ tàn che	Chiều cao	Loài cây	Năm trồng
	Tiểu khu	Khoảnh	Lô										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
01													
02													
03													
04													
05													
06													
07													
08													
09													
10													
Cộng						x			x			x	

Đơn vị tư vấn (1):
Người lập biểu

Ngày tháng năm 200...
Thủ trưởng đơn vị (2)
(ký tên và đóng dấu)

1. Đơn vị tư vấn là cơ quan trực tiếp đo đếm, xác định các đặc điểm của khu rừng
2. Mẫu biểu này được sử dụng kèm theo quyết định giao rừng, cho thuê rừng và hợp đồng thuê rừng. Biểu được thống kê theo từng xã
3. Cột 10 ghi lô đó thuộc cấp phòng hộ nào; rất xung yếu, xung yếu hay ít xung yếu.
4. Cột 13 trường hợp là rừng tự nhiên thì ghi tổ thành nhóm loài cây chủ yếu, nếu là rừng trồng thì ghi tên loài cây trồng.
5. Cột 14 ghi năm trồng đối với rừng trồng

15. Tên thủ tục: *Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài).*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Gửi văn bản về việc trả lại rừng: Khi chuyển đi nơi khác hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng, chủ rừng có trách nhiệm gửi văn bản trả lại rừng kèm theo quyết định giao rừng, cho thuê rừng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan nhà nước như sau: - Chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi văn bản trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum. + Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Xử lý văn bản: Sau khi nhận được văn bản trả lại rừng của chủ rừng, trong 15 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm tra, chỉ đạo xác minh đặc điểm khu rừng khi cần thiết; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định việc thu hồi rừng.</p> <p>Bước 3. Quyết định thu hồi rừng: - Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng trong thời gian 10 ngày làm việc (nếu có).</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trả lại rừng của chủ rừng. - Nộp lại quyết định giao rừng hoặc cho thuê rừng, quyền sử dụng rừng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp huyện.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>Phụ lục 05, Thông tư số 38/2007/TT-BNN, ngày 25/4/2007</i>) ⁽⁸⁾ .
Yêu cầu, điều kiện	Không

⁽⁸⁾ Sử dụng mẫu Biểu thống kê tại TTHC số 14, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp (Phụ lục 05)

Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định 30/2008/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh Kon Tum .
-----------------------	--

16. Tên thủ tục: *Thu hồi rừng gắn với đất lâm nghiệp đối với chủ rừng được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn khi hết hạn (đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài).*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Trong 30 ngày trước khi hết hạn sử dụng rừng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi rừng.</p> <p>Bước 2. Sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>- Chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng (nếu có).</p> <p>Bước 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý khu rừng thu hồi và đưa vào quỹ rừng để giao, cho thuê.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp lại quyết định giao rừng hoặc cho thuê rừng, quyền sử dụng rừng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Chưa quy định.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>Phụ lục 05, Thông tư số 38/2007/TT-BNN, ngày 25/4/2007</i>) ⁽⁹⁾ .
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 30/2008/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh Kon Tum.

⁽⁹⁾ Sử dụng mẫu Biểu thống kê tại TTHC số 14, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp (Phụ lục 05)

17. Tên thủ tục: *Thu hồi rừng gắn với đất lâm nghiệp thuộc trường hợp quy định tại điểm e, g, h và i khoản 1 Điều 26 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 cụ thể là: Sau 12 tháng liên kế từ ngày được giao, được thuê rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất để bảo vệ và phát triển rừng mà chủ rừng không tiến hành các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; sau 24 tháng liên kế từ ngày được giao, được thuê đất để phát triển rừng mà chủ rừng không tiến hành các hoạt động phát triển rừng theo kế hoạch, phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chủ rừng sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; rừng được giao, cho thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng (đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài).*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Chậm nhất là 10 ngày kể từ khi nhận được kết luận của cơ quan thanh tra về việc phá thu hồi rừng, chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có trách nhiệm gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính kết luận đó đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Sau khi nhận được kết luận của thanh tra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm tra, xác minh đặc điểm khu rừng khi cần thiết, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thu hồi rừng.</p> <p>Bước 3. Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>Bước 4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý khu rừng thu hồi và đưa vào quỹ rừng để giao, cho thuê.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan;</p> <p>- Kiểm tra tại hiện trường.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Kết luận của cơ quan thanh tra về việc phá thu hồi rừng.</p> <p>- Nộp lại quyết định giao rừng hoặc cho thuê rừng, quyền sử dụng rừng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;</p> <p>- Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Chưa quy định.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.</p>
Kết quả	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>Phụ lục 05, Thông tư số 38/2007/TT-BNN, ngày 25/4/2007</i>) ⁽¹⁰⁾ .

⁽¹⁰⁾ Sử dụng mẫu Biểu thống kê tại TTHC số 14, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp (Phụ lục 05)

Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 30/2008/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh Kon Tum.

18. Tên thủ tục: *Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Chủ rừng xây dựng và nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển hồ sơ cho Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, nếu hợp lệ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và PTNT cấp phép khai thác.</p> <p>Bước 4. Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (theo mẫu); - Bảng kê lâm sản khai thác (theo mẫu). <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định. - 10 ngày tiếp theo để cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Đơn vị tư vấn, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (Phụ lục 3, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016)⁽¹⁾; - Bảng kê lâm sản khai thác (Phụ lục 2, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016).
Yêu cầu, điều kiện	Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; - Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT, ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

⁽¹⁾ Sử dụng mẫu Giấy đề nghị tại TTHC số 8, mục II - Lĩnh vực Lâm nghiệp (phụ lục 3)

Phụ lục 2: Mẫu bảng kê lâm sản khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ LÂM SẢN KHAI THÁC

1. Thông tin chung

- Tên chủ rừng, hoặc đơn vị khai thác
- Thời gian thực hiện.....
- Địa danh khai thác: lô.....khoảnh.....tiểu khu.....;
- Diện tích khai thác:ha (nếu xác định được);

2. Sản phẩm đăng ký khai thác, tận thu: (thống kê cụ thể theo từng lô, khoảnh)

a) Khai thác, tận dụng, tận thu gỗ:

TT	Địa danh			Loại cây	Đường kính	Khối lượng (m ³)
	Tiểu khu	khoảnh	lô			
1.	TK: 150	K: 4	a b	giổi dầu	45	1,5
Tổng						

b) Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản khác:

TT	Địa danh			Loại lâm sản	Khối lượng (m ³ , cây, tấn)
	Tiểu khu	khoảnh	lô		
1.	TK: 150	K: 4	a b	Song mây Bời lời	1000 cây 100 tấn
Tổng					

Xác nhận (nếu có)

Chủ rừng /đơn vị khai thác

(ký tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

19. Tên thủ tục: *Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng của các tổ chức.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển hồ sơ cho Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, nếu hợp lệ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và PTNT cấp phép khai thác.</p> <p>Bước 4. Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Giấy đề nghị cấp phép khai thác <i>(theo mẫu)</i>;</p> <p>- Bảng kê lâm sản khai thác <i>(theo mẫu)</i>.</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.</p> <p>- 10 ngày tiếp theo để cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.</p>
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Đơn vị tư vấn, Chủ rừng.</p>
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Giấy đề nghị cấp phép khai thác <i>(Phụ lục 3, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016)</i>⁽¹²⁾;</p> <p>- Bảng kê lâm sản khai thác <i>(Phụ lục 2, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016)</i>⁽¹³⁾.</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Việc khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng phải thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ <i>(phụ lục kèm theo TTHC số 10, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp)</i>.</p> <p>- Việc khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ phải thực hiện theo Điều 16 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ <i>(phụ lục kèm theo TTHC số 10, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp)</i>.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT, ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>

⁽¹²⁾ Sử dụng mẫu Giấy đề nghị tại TTHC số 8, mục II - Lĩnh vực Lâm nghiệp (phụ lục 3)

⁽¹³⁾ Sử dụng mẫu Giấy đề nghị tại TTHC số 18, mục II - Lĩnh vực Lâm nghiệp (phụ lục 2)

20. Tên thủ tục: *Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền hàng năm nay giải thể, phá sản.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Khi nhận được quyết định giải thể, phá sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ rừng có trách nhiệm gửi quyết định giải thể, phá sản trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Sau khi nhận được quyết định giải thể hoặc phá sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm tra, xác minh khu rừng trong thời gian 10 ngày làm việc, lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi rừng.</p> <p>Bước 3. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời 03 ngày làm việc, xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đến Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng trong thời gian 07 ngày làm việc (nếu có). <p>Bước 4. Sau khi thu hồi rừng Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý khu rừng thu hồi và đưa vào quỹ rừng để giao, cho thuê.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giải thể, phá sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Nộp lại quyết định giao rừng hoặc cho thuê rừng, quyền sử dụng rừng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Biểu thống kê đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi rừng (<i>Phụ lục 05, Thông tư số 38/2007/TT-BNN, ngày 25/4/2007</i>) ⁽¹⁴⁾ .
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 30/2008/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁴⁾ Sử dụng mẫu Biểu thống kê tại TTHC số 14, mục II-Lĩnh vực Lâm nghiệp (Phụ lục 05)

III. LĨNH VỰC KIỂM LÂM (12 TTHC)

1. Tên thủ tục: *Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Hạt Kiểm lâm huyện, thành phố trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản.- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hạt Kiểm lâm phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh. <p>Bước 3: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Hạt Kiểm lâm chuyển đến, Chi cục Kiểm lâm phải lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác, báo cáo đánh giá quần thể; lập biên bản thẩm định; báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác, cơ quan cấp giấy phép gửi kết quả cho cơ quan Kiểm lâm sở tại tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính của các ngày làm việc hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bản chính đề nghị cấp giấy phép khai thác thể hiện rõ các nội dung: tên, địa chỉ, số giấy phép kinh doanh hoặc số chứng minh nhân dân của tổ chức, cá nhân đề nghị; tên loài, số lượng, địa danh, thời gian; mục đích, phương thức khai thác (<i>theo mẫu</i>).- Bản chính thuyết minh phương án khai thác thể hiện rõ các nội dung: tên, địa chỉ, số giấy phép kinh doanh hoặc số chứng minh nhân dân của tổ chức, cá nhân đề nghị; mô tả hiện trạng của khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên loài, số lượng khai thác; phương tiện, công cụ, phương thức, danh sách những người thực hiện khai thác (<i>theo mẫu</i>).- Bản chính báo cáo đánh giá quần thể loài động vật rừng thông thường đề nghị khai thác từ tự nhiên thể hiện rõ các nội dung: giới thiệu về đơn vị tư vấn; tổng quan khu vực, phương pháp, thời gian, kết quả; phương án khai thác; kết luận và kiến nghị (<i>theo mẫu</i>).- Báo cáo đánh giá quần thể do tổ chức được pháp luật quy định có chức năng điều tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học về lâm nghiệp, sinh học lập;- Bản sao có chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh đối với tổ chức hoặc số chứng minh nhân dân đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép;- Bản chính giấy chấp thuận phương án khai thác của chủ rừng hoặc hợp đồng hợp tác với chủ rừng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép không đồng thời là chủ rừng. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ</p>

Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm huyện, thành phố. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Chi cục Kiểm lâm, chủ rừng; cơ quan quản lý lâm nghiệp, cơ quan Môi trường, cơ quan Thú y.
Kết quả:	Giấy phép
Lệ phí (nếu có):	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường (Mẫu số 1 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT, ngày 25/9/2012) - Thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường (Mẫu số 2 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT, ngày 25/9/2012) - Báo cáo đánh giá quần thể động vật rừng thông thường (Mẫu số 3 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT, ngày 25/9/2012)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	- Có giấy phép khai thác do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Sử dụng công cụ, phương tiện đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác, không gây tổn hại sinh cảnh và môi trường; - Được sự đồng ý của chủ rừng đối với tổ chức, cá nhân khai thác không đồng thời là chủ rừng; - Không khai thác vì mục đích thương mại trong các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên.
Căn cứ pháp lý:	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ - Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Mẫu số 1: Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2012/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TỪ TỰ NHIÊN
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân:

- *Tổ chức: ghi tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp*

- *Cá nhân: họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp*

2. Nội dung đề nghị khai thác động vật rừng thông thường:

- Tên loài đề nghị cấp giấy phép khai thác (bao gồm tên thông thường và tên khoa học)

- Số lượng, đơn vị tính (bằng số và bằng chữ): ; trong đó:

+ Con non:

+ Con trưởng thành:

+ Khác (nếu rõ):

- Địa danh khai thác (ghi rõ tới tiểu khu và tên chủ rừng)

- Thời gian dự kiến khai thác: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

3. Mục đích khai thác:

4. Phương thức khai thác:

5. Tài liệu gửi kèm:

- Thuyết minh phương án khai thác

- Báo cáo đánh giá quần thể

-

....., ngày tháng năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Mẫu số 2: Thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2012/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TỪ TỰ NHIÊN
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

1. Tên tổ chức, cá nhân:

- *Tổ chức: tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp*

- *Cá nhân: họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp*

2. Giới thiệu chung:

Giới thiệu về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác; mục đích khai thác; tác động của việc khai thác, v.v.

3. Mô tả hiện trạng của khu vực đề nghị khai thác:

a) *Vị trí khu vực khai thác: thuộc lô: ... , khoảnh: ... , tiểu khu: ...*

b) *Ranh giới: mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm bản đồ khu khai thác tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000*

c) *Diện tích khu vực khai thác:*

d) *Tên chủ rừng: địa chỉ, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao, cho thuê đất rừng: (trường hợp có 2 chủ rừng trở lên thì lập bảng kèm theo)*

d) *Loại rừng/ hệ sinh thái khu vực khai thác:*

4. Thời gian khai thác: *từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

5. Loài đề nghị khai thác:

- *Tên loài (bao gồm tên thông thường và tên khoa học):*

- *Số lượng, đơn vị tính (bằng số và bằng chữ): ... ; trong đó:*

+ *Con non:*

+ *Con trưởng thành:*

+ *Khác (nêu rõ):*

6. Phương án khai thác:

- *Phương tiện, công cụ khai thác:*

- *Phương thức khai thác (săn, bẫy, lưới,...):*

- *Danh sách những người thực hiện khai thác:*

..... ngày..... tháng năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Mẫu số 3: Báo cáo đánh giá quần thể động vật rừng thông thường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2012/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên đơn vị tư vấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẦN THỂ ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

1. Đặt vấn đề:

Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành, quá trình thực hiện các hoạt động có liên quan, v.v. của đơn vị tư vấn, tổ chức thực hiện việc khai thác; mục đích xây dựng báo cáo đánh giá quần thể; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và những nghiên cứu đã được thực hiện ở địa bàn trước đây và các thông tin khác có liên quan.

2. Tổng quan khu vực thực hiện:

Nêu rõ địa điểm, ranh giới, diện tích khu vực điều tra; hiện trạng rừng, khu hệ động vật, thực vật khu vực thực hiện điều tra, đánh giá.

3. Phương pháp, thời gian thực hiện (thống kê các nội dung điều tra và các phương pháp đã thực hiện các nội dung đó, kèm theo các mẫu biểu nếu có):

4. Kết quả điều tra, đánh giá loài đề nghị khai thác:

- Mô tả đặc tính sinh học của loài;
- Xác định kích thước quần thể, phân bố theo sinh cảnh, mật độ/ trữ lượng; tăng trưởng số lượng (số lượng sinh sản trung bình hàng năm, tỷ lệ sống sót); tử vong (tổng số tử vong, tỷ lệ tử vong trước tuổi trưởng thành sinh dục); tỷ lệ di cư, nhập cư; tuổi và giới tính (tuổi trung bình của quần thể, tháp cấu trúc tuổi, tuổi trưởng thành sinh dục trung bình);
- Xác định khả năng khai thác, mùa sinh sản, mùa khai thác; số lượng, loại, thời gian được phép khai thác để đảm bảo phát triển bền vững;
- Đánh giá sự biến đổi của quần thể sau khi khai thác trong thời gian tới.
- Xây dựng bản đồ điều tra, phân bố loài đề nghị khai thác tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000.

5. Đề xuất phương án khai thác: *Phương tiện, công cụ, hình thức khai thác*

6. Kết luận và kiến nghị:

7. Phụ lục: *trình bày những thông tin chưa được nêu trong phần kết quả như: danh lục động vật, thực vật, các bảng số liệu, hình ảnh và các tài liệu khác có liên quan.*

8. Tài liệu tham khảo:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Tên thủ tục: Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Hạt Kiểm lâm trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản và gửi hồ sơ đến Chi cục Kiểm lâm. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hạt Kiểm lâm phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh. <p>Bước 3: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Hạt Kiểm lâm chuyển đến, Chi cục Kiểm lâm gửi hồ sơ và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác, cơ quan cấp giấy phép gửi kết quả cho cơ quan Kiểm lâm sở tại tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính của các ngày làm việc hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính đề nghị cấp giấy phép khai thác thể hiện rõ các nội dung: tên, địa chỉ, số giấy phép kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức đề nghị; tên loài, số lượng, địa danh, thời gian; mục đích, phương thức khai thác (theo mẫu); - Bản chính thuyết minh phương án khai thác thể hiện rõ các nội dung: tên, địa chỉ, số giấy phép kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức đề nghị; mô tả hiện trạng của khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên loài, số lượng khai thác; phương tiện, công cụ, phương thức, danh sách những người thực hiện khai thác (theo mẫu); - Bản sao có chứng thực văn bản ký kết về chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học hoặc quyết định thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học đối với mẫu vật nghiên cứu khoa học; hoặc văn bản đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với trường hợp khai thác phục vụ ngoại giao, trao đổi giữa các vườn thú, triển lãm phi lợi nhuận, biểu diễn xiếc phi lợi nhuận, trao đổi mẫu vật với Cơ quan quản lý CITES các nước thành viên; - Bản sao có chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	13 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm huyện, thành phố, - Cơ quan phối hợp (nếu có): Chi cục Kiểm lâm.

Kết quả:	Giấy phép
Lệ phí (nếu có):	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường (Mẫu số 1 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT, ngày 25/9/2012) ⁽¹⁵⁾ - Thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường (Mẫu số 2 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT, ngày 25/9/2012) ⁽¹⁶⁾
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	1. Có giấy phép khai thác do cơ quan có thẩm quyền cấp. 2. Sử dụng công cụ, phương tiện đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác, không gây tổn hại sinh cảnh và môi trường; 3. Được sự đồng ý của chủ rừng đối với tổ chức, cá nhân khai thác không đồng thời là chủ rừng;
Căn cứ pháp lý:	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ - Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

⁽¹⁵⁾ Sử dụng mẫu Giấy đề nghị tại TTHC số 1, mục III-Lĩnh vực Kiểm lâm (Mẫu số 1)

⁽¹⁶⁾ Sử dụng mẫu Thuyết minh phương án tại TTHC số 1, mục III-Lĩnh vực Kiểm lâm (Mẫu số 2)

3. Tên thủ tục: *Xác nhận lâm sản lưu thông.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xác nhận lâm sản lưu thông tại Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố, Hạt Kiểm lâm các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng (<i>gọi chung là cơ quan kiểm lâm sở tại</i>), UBND cấp xã đề nghị xác nhận lâm sản lưu thông vào giờ hành chính của các ngày làm việc.</p> <p>Bước 2. Công chức Kiểm lâm được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ lâm sản xác nhận lưu thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ xin xác nhận lâm sản đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết giấy hẹn. - Nếu hồ sơ chưa đủ thì hướng dẫn chủ lâm sản bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc; trong trường hợp phải xác minh nguồn gốc lâm sản, số lượng, khối lượng lâm sản thì thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ hoặc trả lời cho chủ lâm sản biết lý do không xác nhận lâm sản lưu thông. <p>Bước 3. Kiểm tra thực tế lâm sản xin xác nhận lưu thông, lập biên bản kiểm tra và ký xác nhận vào Bảng kê lâm sản.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả hồ sơ lâm sản lưu thông tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại, UBND cấp xã vào giờ hành chính của các ngày làm việc.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết tại trụ sở cơ quan Kiểm lâm sở tại, UBND cấp xã - Kiểm tra thực tế nơi có lâm sản xin xác nhận lưu thông.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập 02 bản gốc (<i>theo mẫu</i>); - Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; - Các tài liệu chứng minh nguồn gốc lâm sản hợp pháp; <p>Trường hợp lâm sản mua của nhiều cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân khai thác từ vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán thì người mua lâm sản lập bảng kê lâm sản, có chữ ký xác nhận của đại diện cộng đồng, hộ gia đình.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (<i>01 bộ gốc và 01 bộ phô to</i>).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>05 ngày làm việc trong trường hợp phải xác minh nguồn gốc lâm sản, số lượng, khối lượng lâm sản.</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư
Cơ quan thực hiện	Cơ quan Kiểm lâm sở tại, UBND cấp xã.
Kết quả:	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản kiểm tra; - Bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại, UBND cấp xã.
Lệ phí (nếu có):	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Bảng kê lâm sản (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</i>

Mẫu số 01: Bảng kê lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

.....
.....
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BKLS

Tờ số:.....

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theongày...../...../20... của.....)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	Quy cách lâm sản	Số lượng	Khối lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....
**TÓ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN**

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4. Tên thủ tục: *Đóng dấu búa Kiểm lâm.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân, nộp hồ sơ xin đóng búa kiểm lâm trực tiếp tại Chi cục Kiểm lâm hoặc Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính của các ngày làm việc.</p> <p>Bước 2: Công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ đề nghị đóng búa Kiểm lâm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ thì hướng dẫn chủ rừng hoặc chủ gỗ bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. <p>Bước 3: Tiến hành xác minh đối tượng, nguồn gốc gỗ theo quy định trước khi đóng búa kiểm lâm. Lập biên bản kiểm tra gỗ đề nghị đóng búa kiểm lâm theo quy định.</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ công chức Kiểm lâm được giao nhiệm vụ tiến hành đóng búa kiểm lâm.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Chi cục Kiểm lâm hoặc Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính của các ngày làm việc.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức quản lý người nộp hồ sơ đề nghị đóng búa kiểm lâm. - Lý lịch gỗ do chủ rừng hoặc chủ gỗ lập (<i>theo mẫu</i>). - Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp. <p>b) Số lượng: 02 bộ (<i>01 bộ gốc và 01 bộ photo</i>)</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Kiểm lâm; Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản xác nhận gỗ đóng búa Kiểm lâm; - Bảng kê (lý lịch) gỗ đóng búa Kiểm lâm có xác nhận của Chi cục Kiểm lâm; Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố.
Phí, lệ phí (Nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Lý lịch gỗ tròn hoặc gỗ xẻ (<i>Phụ lục I, Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Quyết định số 107/2007/QĐ-BNN ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</i>

**Phụ lục I (kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01 tháng 6 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)**

LÝ LỊCH GỖ TRÒN

Kèm theo.....
số.....ngày..... tháng..... năm.....

Số TT	Tên gỗ	Nhóm gỗ	Số hiệu lóng	Dấu búa bài	Chiều dài (m)	Đường kính hoặc vanh (m)	Khối lượng (m ³)	Dấu búa kiểm lâm	Ghi chú

Tổng cộng: - Số lượng lóng (khúc)..... (bằng chữ.....)
- Khối lượng.....m³ (bằng chữ.....)

Đại diện chủ gỗ **Đại diện chủ rừng** **Cán bộ đóng búa** **Người lập lý lịch**
(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Phụ lục I (kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01 tháng 6 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)**

LÝ LỊCH GỖ XÈ

Kèm theo.....
số.....ngày.....tháng.....năm.....

Số TT	Tên gỗ	Nhóm gỗ	Dài (m)	Dày (cm)	Rộng (cm)	Số lượng (thanh, tấm)	Khối lượng (m ³)	Dấu búa KL	Ghi chú

Tổng cộng: số lượng.....(bằng chữ.....)
khối lượng.....m³ (bằng chữ.....)

Đại diện chủ gỗ **Đại diện chủ rừng** **Cán bộ đóng búa** **Người lập lý lịch**
(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

5. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của CITES.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định và gửi hồ sơ đã thẩm định cho Cơ quan quản lý CITES Việt Nam. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ; trong thời hạn năm (05) ngày làm việc Cơ quan quản lý CITES Việt Nam phải thông báo lý do từ chối cho Cơ quan thẩm định hồ sơ và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo. Trường hợp chấp nhận hồ sơ, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam phải xem xét, gửi hồ sơ đăng ký cho Ban Thư ký Công ước CITES quốc tế để xem xét, chấp nhận trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ đăng ký đã được thẩm định. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến chấp nhận của Ban Thư ký CITES quốc tế, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam phải cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo vì mục đích thương mại loài thuộc Phụ lục I của CITES cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận (<i>theo mẫu</i>). - Hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã (<i>theo mẫu</i>); <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính</p>
Thời hạn giải quyết	<p>15 ngày làm việc (Mục đích tiêu thụ trong nước)</p> <p>35 ngày làm việc (Mục đích xuất khẩu nước ngoài).</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ban thư ký CITES Quốc tế - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Cơ quan quản lý CITES Việt Nam - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Mẫu đề nghị cấp giấy phép, chứng nhận cơ sở trồng cây nhân tạo các loài phụ lục I của Công ước CITES (<i>Phụ lục III-A Nghị định số</i>

	<p>98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011).</p> <p>- Mẫu hồ sơ gửi kèm công văn đề nghị đăng ký các trại nuôi sinh sản động vật hoang dã qui định tại phụ lục I của Công ước CITES (Phụ lục III-B Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011)</p>
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<p>1. Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trường động vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại nuôi. - Đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát. - Đăng ký trại nuôi sinh trường những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh trường không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên. - Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước. - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật nuôi sinh sản, nuôi sinh trường, chăm sóc loài vật nuôi và ngăn ngừa dịch bệnh. - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác con non, trứng từ tự nhiên để nuôi sinh trường, ấp nở nhằm mục đích thương mại phải được cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Nghị định 82/2006/NĐ-CP cho phép (có phụ lục kèm theo). <p>2. Cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thực vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài cây trồng và năng lực sản xuất của cơ sở trồng cây nhân tạo. - Cơ sở trồng cây nhân tạo phải được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc trồng cây nhân tạo không ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên. - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật trồng cây nhân tạo, chăm sóc cây trồng và ngăn ngừa dịch bệnh.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ.

PHỤ LỤC III-A

MẪU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP, CHỨNG NHẬN CƠ SỞ TRỒNG CÂY NHÂN TẠO CÁC LOÀI PHỤ LỤC I CỦA CÔNG ƯỚC CITES

(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

1. Tên và địa chỉ của cơ sở/Name and address of the requested farm:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện/Full name owners or their representatives:
Số CMND/Hộ chiếu/ID/Passport: Ngày cấp/date: Nơi cấp/place:
3. Loài đăng ký trồng cây nhân tạo (tên khoa học, tên thông thường)
4. Số lượng loài thực vật đăng ký trồng cây nhân tạo
5. Mô tả nguồn giống của loài đăng ký trồng cây nhân tạo (tài liệu chứng minh nguồn giống được khai thác hoặc nhập khẩu hợp pháp:
6. Mô tả phương pháp trồng cây nhân tạo:
7. Mô tả điều kiện hạ tầng cơ sở:
8. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới:
9. Giấy chứng nhận mẫu vật không mang dịch bệnh hoặc không gây hại cho các hoạt động kinh tế khác của quốc gia đối với các cơ sở trồng cây nhân tạo những loài không phân bố ở Việt Nam:
10. Các thông tin khác theo yêu cầu của Công ước CITES đối với những loài thực vật quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES:

PHỤ LỤC III-B

MẪU HỒ SƠ GỬI KÈM CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CÁC TRẠI NUÔI SINH SẢN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC I CỦA CÔNG ƯỚC CITES
(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

1. Tên và địa chỉ của trại:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:
Số CMND/Hộ chiếu/ID/Passport: Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Loài đăng ký gây nuôi sinh sản (tên khoa học, tên thông thường):
4. Thông tin chi tiết về số lượng và tuổi của con đực, cái trong đàn giống sinh sản:
5. Tài liệu chứng minh các con giống có nguồn gốc hợp pháp theo quy định hiện hành hoặc nếu nhập khẩu thì phải chứng minh được việc nhập khẩu phù hợp với các quy định của Công ước CITES và luật pháp quốc gia:
6. Nếu trại mới sản xuất được thế hệ F1 thì cung cấp tài liệu chứng minh trại được quản lý và hoạt động theo phương pháp mà một trại khác đã áp dụng và được công nhận đã sản xuất được thế hệ F2:
7. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới:
8. Loại sản phẩm (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác):
9. Mô tả chi tiết phương pháp đánh dấu mẫu vật (dùng thẻ, chíp điện tử, cắt tai, cắt vây), nhằm xác định nguồn giống sinh sản, các thế hệ kế tiếp và các loại sản phẩm xuất khẩu:
10. Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: diện tích, công nghệ chăn nuôi, cung cấp thức ăn, khả năng thú y, vệ sinh môi trường, cách thức lưu trữ thông tin:
11. Các trại nuôi sinh sản những loài không phân bố ở Việt Nam phải trình bằng chứng nguồn giống là mẫu vật tiền Công ước, có nguồn gốc từ mẫu vật tiền Công ước hoặc được đánh bắt tại quốc gia có loài đó phân bố theo đúng các quy định của Công ước và luật pháp của quốc gia đó:
12. Các trại nuôi sinh sản những loài không phân bố ở Việt Nam phải trình giấy chứng nhận mẫu vật không mang dịch bệnh hoặc không gây hại cho các hoạt động kinh tế của quốc gia:
13. Các thông tin khác theo yêu cầu của Công ước CITES đối với những loài động vật quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES:

Phụ lục: Điều 9 Nghị định 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ

Điều 9. Trách nhiệm quản lý nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm

1. Cơ quan Kiểm lâm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cơ quan Kiểm lâm tỉnh) có trách nhiệm quản lý, xác nhận năng lực sản xuất của các trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm (trừ các loài thủy sinh) quy định tại Nghị định này. Những địa phương không có cơ quan kiểm lâm thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện trách nhiệm này.

2. Cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý, xác nhận năng lực sản xuất của các trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thủy sinh. Những địa phương không có cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản thì sở quản lý chuyên ngành về thủy sản thực hiện trách nhiệm này.

6. Tên thủ tục: Cấp Chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của CITES.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Chi cục kiểm lâm tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Chi cục Kiểm lâm thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Kiểm lâm tiến hành thẩm định và cấp giấy chứng nhận. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>Thời gian: Giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận. - Hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã (<i>theo mẫu</i>); <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính</p>
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ kèm theo công văn đề nghị đăng ký cơ sở trồng cấy nhân tạo thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của Công ước CITES và theo quy định của pháp luật Việt Nam (<i>Phụ lục IV-A Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011</i>). - Hồ sơ kèm theo công văn đề nghị đăng ký trại nuôi sinh sản động vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của Công ước CITES và theo quy định của pháp luật Việt Nam (<i>Phụ lục IV-B Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<p>1. Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại nuôi. - Đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát. - Đăng ký trại nuôi sinh trưởng những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh trưởng không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên. - Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước. - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật nuôi sinh

	<p>sản, nuôi sinh trưởng, chăm sóc loài vật nuôi và ngăn ngừa dịch bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác con non, trứng từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, ấp nở nhằm mục đích thương mại phải được cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Nghị định 82/2006/NĐ-CP cho phép (<i>phụ lục kèm theo tại TTHC số 5, mục III-Lĩnh vực Kiểm lâm</i>). <p>2. Cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thực vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài cây trồng và năng lực sản xuất của cơ sở trồng cây nhân tạo. - Cơ sở trồng cây nhân tạo phải được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc trồng cây nhân tạo không ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên. - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật trồng cây nhân tạo, chăm sóc cây trồng và ngăn ngừa dịch bệnh.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ.</i>

PHỤ LỤC IV-A

HỒ SƠ KÈM THEO CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CƠ SỞ TRỒNG CÂY NHÂN TẠO THỰC VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC II, III CỦA CÔNG ƯỚC CITES VÀ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

1. Tên và địa chỉ của cơ sở:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:
Số CMND/Hộ chiếu/ID/Passport: Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Loài đăng ký trồng cây nhân tạo (tên khoa học và tên thông thường):
4. Mô tả số lượng nguồn giống khai thác hợp pháp từ tự nhiên:
5. Mô tả điều kiện hạ tầng và phương thức trồng cây/:
6. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới:

PHỤ LỤC IV-B

HỒ SƠ KÈM THEO CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TRẠI NUÔI SINH SẢN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TẠI CÁC PHỤ LỤC II, III CỦA CÔNG ƯỚC CITES VÀ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

Tên và địa chỉ của trại:

1. Họ, tên chủ trại hoặc người đại diện:
Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
2. Loài đăng ký nuôi sinh sản (tên khoa học và tên thông thường):
3. Thông tin chi tiết về số lượng và tuổi của con đực, cái trong đàn giống sinh sản:
4. Tài liệu chứng minh các con giống đó được đánh bắt hợp pháp theo quy định hiện hành hoặc nếu nhập khẩu thì phải chứng minh được việc nhập khẩu đó phù hợp với các quy định của Công ước CITES và luật pháp quốc gia:
5. Bản đánh giá nhu cầu và nguồn cung cấp mẫu vật để tăng cường nguồn giống sinh sản nhằm phát triển nguồn gen:
6. Loại sản phẩm xuất khẩu (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác) :
7. Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: diện tích, công nghệ chăn nuôi, cung cấp thức ăn, khả năng thú y, vệ sinh môi trường và cách thức lưu trữ thông tin:

7. Tên thủ tục: Cấp đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Chi cục Kiểm lâm thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành thẩm định và cấp giấy chứng nhận. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận. - Hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES (theo mẫu); <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính</p>
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Kiểm lâm tỉnh
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ kèm theo công văn đề nghị đăng ký cơ sở trồng cây nhân tạo thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của Công ước CITES và theo quy định của pháp luật Việt Nam (Phụ lục IV-A Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011)⁽¹⁷⁾. - Hồ sơ kèm theo công văn đề nghị đăng ký trại nuôi sinh sản động vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của Công ước CITES và theo quy định của pháp luật Việt Nam (Phụ lục IV-B Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011)⁽¹⁸⁾.
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<p>1. Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại nuôi. - Đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát. - Đăng ký trại nuôi sinh trưởng những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh

⁽¹⁷⁾ Sử dụng mẫu hồ sơ tại TTHC số 6, mục III - Lĩnh vực Kiểm lâm (Phụ lục IV-A)

⁽¹⁸⁾ Sử dụng mẫu hồ sơ tại TTHC số 6, mục III - Lĩnh vực Kiểm lâm (Phụ lục IV-B)

	<p>trường không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước. - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, chăm sóc loài vật nuôi và ngăn ngừa dịch bệnh. - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác con non, trứng từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, ấp nở nhằm mục đích thương mại phải được cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Nghị định 82/2006/NĐ-CP cho phép (<i>phụ lục kèm theo tại TTHC số 5, mục III-Lĩnh vực Kiểm lâm</i>). <p>2. Cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thực vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài cây trồng và năng lực sản xuất của cơ sở trồng cây nhân tạo. - Cơ sở trồng cây nhân tạo phải được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc trồng cây nhân tạo không ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên. - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật trồng cây nhân tạo, chăm sóc cây trồng và ngăn ngừa dịch bệnh.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ.</i>

8. Tên thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận trại nuôi gấu.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận giải quyết. Nếu hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. Trường hợp hồ sơ hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết nếu có lý do chính đáng thì hồ sơ được trả về cho cá nhân, tổ chức đã nộp kèm theo thông báo nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3. Cá nhân, tổ chức phải tham gia cùng đoàn của Hội đồng thẩm định để kiểm tra thực tế tại hiện trường.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đăng ký trại nuôi gấu (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ về nguồn gốc hợp pháp của gấu hoặc hồ sơ về gấu đã đăng ký quản lý và gắn chip điện tử; - Bản thuyết minh về điều kiện chuồng, trại nuôi bao gồm: Bản vẽ mô tả chi tiết chuồng, trại nuôi gấu có kèm theo ảnh, chế độ chăm sóc, thức ăn và hệ thống xử lý chất thải (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp đồng lao động với người có chuyên môn thú y hoặc hợp đồng với bác sĩ thú y hay cơ sở thú y để chăm sóc gấu nuôi; <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTIC: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Chi cục Thú y, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Cảnh sát môi trường, UBND xã (phường) nơi có trại nuôi gấu.
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu (<i>Phụ lục IV, Quyết định số 23/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014</i>) - Bản vẽ mô tả chi tiết chuồng, trại nuôi gấu (<i>phụ lục I, II Quyết định số 23/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<p>a) Gấu có nguồn gốc hợp pháp, gấu đã được lập hồ sơ quản lý và gắn chip điện tử.</p> <p>b) Có chuồng và trại nuôi gấu đảm bảo các điều kiện quy định như sau:</p> <p>* Trại nuôi gấu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trại nuôi gấu theo phương thức nuôi nhốt: <ol style="list-style-type: none"> a) Có nhà đặt chuồng (cũi) nuôi gấu hoặc có mái che đảm bảo tránh mưa, nắng và các điều kiện bất lợi của thời tiết đối với gấu; b) Xung quanh trại có tường xây dày tối thiểu 20 cm, cao tối thiểu 1,8 m; đảm bảo vững chắc, an toàn, gấu không thể thoát ra ngoài; c) Có hệ thống xử lý chất thải theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này. 2. Trại nuôi gấu theo phương thức bán hoang dã: <ol style="list-style-type: none"> a) Trại nuôi bán hoang dã phải có tường xây bao quanh dày ít nhất 40

cm, cao tối thiểu 2,5 m, phía trên có hàng rào kim loại cứng cao tối thiểu 50 cm, đảm bảo vững chắc, an toàn, gấu không thể thoát ra ngoài. Tường bao phải cách các công trình khác ít nhất 2 m (sơ đồ hàng rào bảo vệ trong Phụ lục I);

b) Mật độ nuôi gấu theo phương thức bán hoang dã phải đảm bảo tối thiểu 150 m²/01 cá thể.

*** Chuồng nuôi gấu**

1. Chuồng (cũi) nuôi gấu là chỗ để nuôi nhốt gấu bên trong, chuồng nuôi gấu có thể làm bằng kim loại cứng, xây bằng bê tông, gạch hoặc các vật liệu kiên cố khác. Quy định về chuồng nuôi dưới đây áp dụng cho việc nuôi một cá thể gấu (trừ trường hợp gấu con chưa tách mẹ), trường hợp chuồng nuôi nhiều cá thể gấu, thì kích thước chuồng nuôi phải lớn tương ứng với số lượng gấu.

2. Đối với chuồng làm bằng kim loại cứng:

a) Kích thước chuồng: Tối thiểu dài 1,5 m; rộng 1,5 m; cao 2 m;

b) Khung chuồng: Làm bằng ống kim loại cứng tròn đường kính tối thiểu 25 mm hoặc bằng kim loại cứng đặc đường kính tối thiểu 18 mm; các điểm nối khung chuồng được hàn với nhau đảm bảo vững chắc, an toàn (Bản vẽ mô tả khung chuồng tại Phụ lục II);

c) Mặt trước, mặt trên, mặt sau và hai mặt thành: Làm bằng kim loại cứng đặc đường kính tối thiểu 12 mm, các điểm nối được hàn với khung chuồng, mỗi thanh cách đều tối đa 7 cm, đảm bảo vững chắc, an toàn, gấu không thể thoát ra ngoài hoặc thò chi ra ngoài (Bản vẽ mô tả kết cấu các mặt tại Phụ lục II);

d) Mặt sàn: Làm bằng kim loại cứng đặc đường kính tối thiểu 12 mm, các điểm nối được hàn với khung chuồng, đan hai chiều (dọc và ngang dạng lưới), mỗi thanh cách đều tối đa 6 cm, đảm bảo vững chắc, an toàn, gấu không thể thoát ra ngoài. Mặt sàn cách mặt nền tối thiểu 25 cm (Bản vẽ mô tả mặt sàn tại Phụ lục II);

đ) Chuồng có máng ăn bằng kim loại cứng không gì để ở vị trí thuận tiện hoặc có thể tháo lắp để dọn vệ sinh thường xuyên; nền chuồng được láng xi măng hoặc lát gạch men dốc về một phía để thuận tiện cho việc dọn vệ sinh;

e) Cửa chuồng: Có chốt để khóa đảm bảo an toàn;

g) Vị trí đặt chuồng: Để nơi thoáng mát về mùa hè và tránh gió về mùa đông, các mặt của chuồng phải cách chuồng nuôi gấu khác hoặc tường rào, các vật thể khác tối thiểu 50 cm; riêng phía cửa chuồng phải có khoảng cách tối thiểu 3 m.

3. Đối với chuồng xây:

a) Kích thước chuồng: Tối thiểu dài 2 m; rộng 2 m; cao 2 m;

b) Tối đa chỉ xây ba mặt có chiều dày tối thiểu 20 cm (trường hợp bằng bê tông cốt kim loại cứng có chiều dày tối thiểu 10 cm); mặt tường và nền chuồng chất nhẵn bằng xi măng hoặc gạch, nền chuồng có độ dốc để thoát nước thải; các mặt làm bằng kim loại thì đảm bảo như quy định tại Điểm b, c Khoản 2, Điều 4 của Quy chế này;

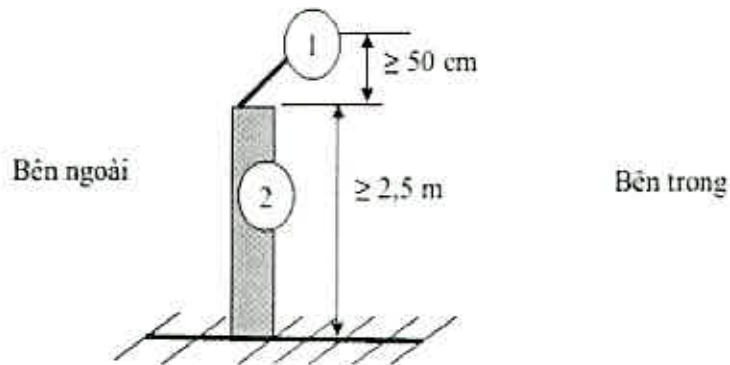
c) Chuồng có máng ăn để ở vị trí thuận tiện hoặc có thể tháo lắp để dọn vệ sinh thường xuyên;

d) Vị trí xây chuồng: Xây ở nơi thoáng mát, các mặt tường xây có thể liền với chuồng khác, các mặt bằng kim loại phải cách các chuồng nuôi gấu khác hoặc tường rào, các vật thể khác tối thiểu 50 cm; riêng phía cửa chuồng phải có khoảng cách tối thiểu 3 m.

4. Chuồng nuôi gấu bán hoang dã: Có thể xây hoặc làm bằng kim loại như quy định tại Khoản 2 và 3, Điều 4 của Quy chế này, có cửa trước để gấu ra vào và cửa sau để dọn vệ sinh, các cửa có thể đóng mở được

	<p>từ bên ngoài.</p> <p>* Vệ sinh môi trường và xử lý chất thải</p> <p>1. Có hệ thống xử lý chất thải phù hợp với tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như hầm biogas, bể phốt hoặc các biện pháp phù hợp khác không được thải trực tiếp các loại chất thải ra môi trường.</p> <p>2. Chuồng, trại được vệ sinh thường xuyên, không để thức ăn thừa, chất thải gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>* Chế độ ăn uống và chăm sóc thú y</p> <p>1. Trại nuôi gấu phải có nhân viên có chuyên môn thú y hoặc hợp đồng với bác sĩ thú y hay cơ sở thú y để chăm sóc và chữa bệnh cho gấu.</p> <p>2. Trại nuôi gấu phải có sổ ghi chép, theo dõi tình hình bệnh tật đối với từng cá thể gấu (theo mẫu quy định tại Phụ lục III).</p> <p>3. Có nơi chứa thức ăn riêng biệt; thức ăn, nước uống phải đảm bảo vệ sinh an toàn; cho gấu ăn, uống nước đủ định lượng hàng ngày.</p>
Căn cứ pháp lý:	- <i>Quyết định số 23/VBIIN-BNNPTNT ngày 06/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>

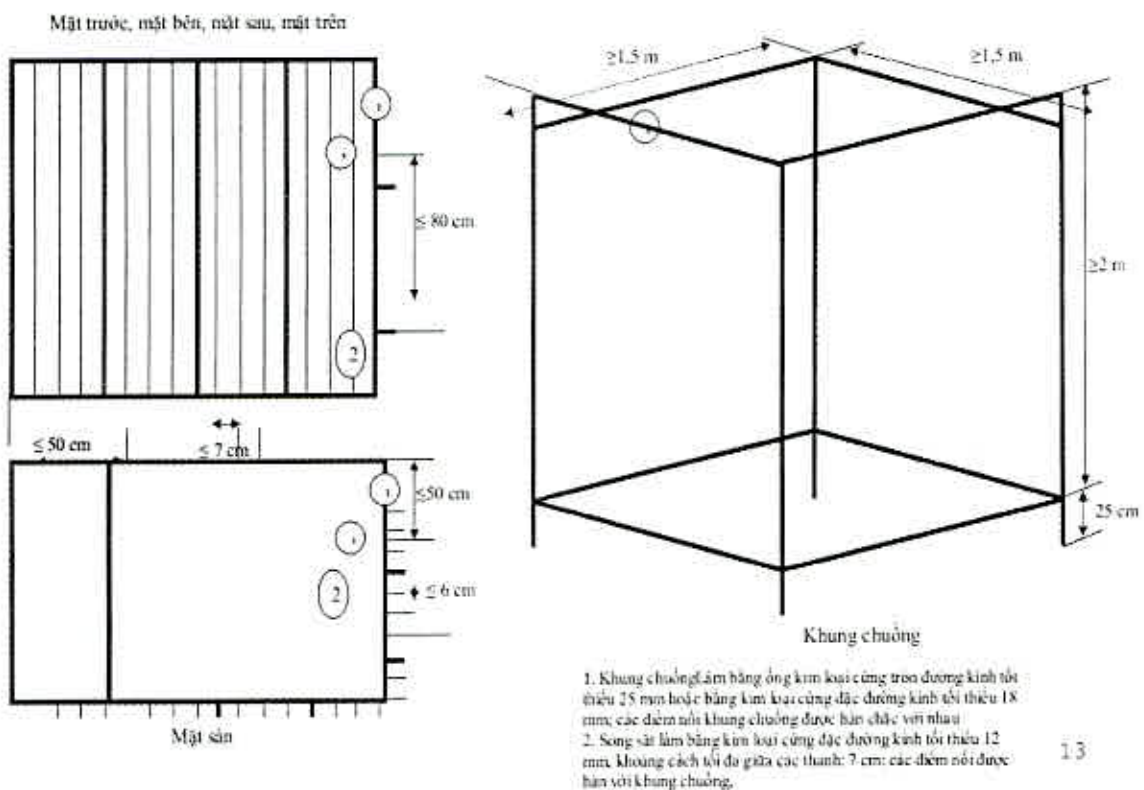
PHỤ LỤC I. SƠ ĐỒ MẶT CẮT HÀNG RÀO BẢO VỆ TRẠI NUÔI NUÔI GẤU BÁN HOANG DÃ



Ghi chú:

1. Hàng rào kim loại cứng phía trên;
2. Tường bảo vệ.

PHỤ LỤC II: BẢN VẼ MÔ TẢ CHUỒNG NUÔI GẤU



9. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép vận chuyển gấu.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Hạt kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận giải quyết. Nếu hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. Cá nhân, tổ chức phải tham gia cùng đoàn của Hạt Kiểm lâm sở tại để kiểm tra hồ sơ và chụp điện tử của gấu.</p> <p>Bước 3. Cá nhân, tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Hạt Kiểm lâm vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị vận chuyển gấu (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ về nguồn gốc hợp pháp của gấu hoặc hồ sơ về gấu đã đăng ký quản lý và gắn chip điện tử; - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi của nơi đến. Trường hợp vận chuyển gấu ra địa bàn ngoài tỉnh chủ nuôi gấu thông báo bằng văn bản với Cơ quan kiểm lâm sở tại đến làm biên bản kiểm tra xác nhận. - Chủ nuôi gấu phải thông báo bằng văn bản với Cơ quan kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận để đến làm biên bản kiểm tra xác nhận. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố
Kết quả	Giấy phép
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị di chuyển gấu (<i>Phụ lục VI, Quyết định số 23/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được phép vận chuyển các cá thể Gấu khi: Gấu có nguồn gốc hợp pháp, gấu đã được lập hồ sơ quản lý và gắn chip điện tử. - Đối với các cá thể gấu đã được lập hồ sơ và gắn chip điện tử thì trước khi vận chuyển phải được Hạt Kiểm lâm kiểm tra chip điện tử để xác định mã số chip tại nơi đi; - Nơi tiếp nhận gấu là các trại nuôi đã được cấp giấy chứng nhận trại nuôi hoặc các cơ sở cứu hộ theo quy định hiện hành của Nhà nước; - Đảm bảo các điều kiện về an toàn và sức khỏe của gấu trong quá trình vận chuyển.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Quyết định số 23/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

PHỤ LỤC VI: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ DI CHUYỂN GẤU NUÔI

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP DI CHUYỂN GẤU

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố

(Trường hợp địa phương nào không có Chi cục Kiểm lâm thì gửi Cơ quan kiểm lâm vùng)

Tên tôi là :.....

CMND số.....Cấp ngày..... Tại.....

Địa chỉ thường trú.....

Được cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu số ... ngày .../.../... Cơ quan cấp: ...

Đề nghị cho phép di chuyển số gấu như sau:

1. Loài.....Giới tính (dực, cái).....Nặng.....(kg)

Đặc điểm..... Số chip điện tử.....

2.

(nếu số lượng nhiều thì lập thành danh sách riêng kèm theo)

Đang nuôi nhốt tại địa chỉ:

Tới địa điểm mới là:

Lý do di chuyển:

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý gấu nuôi nhốt và đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển.

(kèm theo đây là bản sao hồ sơ các con gấu nói trên)

..... ngày ...tháng ...năm ...

Người làm đơn

(họ, tên, chữ ký; đóng dấu đối với tổ chức)

10. Tên thủ tục: Xử lý đối với gấu do chủ nuôi tự nguyện giao cho Nhà nước

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục kiểm lâm tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 05 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ tự nguyện chuyển giao gấu, Chi cục hoàn thiện các thủ tục, quyết định chuyển giao gấu cho các đơn vị đủ điều kiện nuôi nhốt theo quy định trên địa bàn tỉnh hoặc báo cáo Cục Kiểm lâm nếu trên địa bàn tỉnh không có đơn vị tiếp nhận. - Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ tự nguyện chuyển giao gấu, Cục Kiểm lâm phải hoàn tất các thủ tục chuyển giao gấu cho các đơn vị đủ điều kiện nuôi nhốt trong phạm vi cả nước <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị giao nộp gấu cho Nhà nước <i>(theo mẫu)</i>; - Hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp theo quy định hiện hành hoặc hồ sơ về gấu đã đăng ký quản lý và gắn chip điện tử. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ <i>(bản sao mang theo bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; bản sao có công chứng hoặc chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện)</i>.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Tiếp nhận và chuyển giao trong tỉnh: 05 ngày làm việc</p> <p>Tiếp nhận và chuyển giao ngoài tỉnh: 15 ngày làm việc</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Kiểm lâm, cơ sở đủ điều kiện nuôi gấu.
Kết quả	<p>Tiếp nhận và chuyển giao trong tỉnh: Quyết định</p> <p>Tiếp nhận và chuyển giao ngoài tỉnh: Báo cáo</p>
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị tự nguyện giao gấu cho nhà nước <i>(Phụ lục VII Quyết định số 23/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014)</i> .
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	Không
Căn cứ pháp lý:	- <i>Quyết định số 23/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

PHỤ LỤC VII: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TỰ NGUYỆN GIAO GẤU CHO NHÀ NƯỚC

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TỰ NGUYỆN GIAO GẤU CHO NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố

(Trường hợp địa phương nào không có Chi cục Kiểm lâm thì gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Họ và tên người đề nghị: (Trường hợp là tổ chức thì tên người đại diện)

Số CMND: ngày cấp: nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Tên tổ chức: Địa chỉ:

Giấy phép kinh doanh số: Nơi cấp:

Giấy chứng nhận trại nuôi gấu số:

Tự nguyện giao nộp cho Nhà nước ... con gấu với chi tiết sau:

TT	Tên loài và (tên khoa học)	Số chip điện tử (số hồ sơ)	Cân nặng (ước tính)	Nguồn gốc (Ghi rõ nguồn gốc từ đâu, thời gian nào, được nuôi theo Quyết định nào)	Ghi chú
1	Gấu ngựa (<i>Ursus thibetanus</i>)				
2	Gấu chó (<i>Ursus malayanus</i>)				

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm: ...

Lý do giao:

Tôi xin cam đoan tự nguyện giao số gấu trên cho Nhà nước.

Người làm đơn (ký, ghi rõ họ tên);
đồng dấu đối với tổ chức

11. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Hạt kiểm lâm các huyện, thành phố vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận trại nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xác minh và cấp giấy chứng nhận trại nuôi đồng thời lập sổ theo dõi. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: phải thông báo bằng văn bản lý do cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bổ sung hoàn chỉnh. <p>Bước 3: Cá nhân, tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Hạt Kiểm lâm vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp cấp mới: <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại phải thể hiện rõ các nội dung: tên, địa chỉ, số giấy phép kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức; tên loài, số lượng, nguồn gốc động vật nuôi; địa điểm; mô tả trại nuôi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu). - Bản sao có chứng thực phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết đảm bảo các điều kiện về vệ sinh, môi trường theo quy định của pháp luật. * Trường hợp cấp đổi, bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại phải thể hiện rõ các nội dung: tên, địa chỉ, số giấy phép kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức; tên loài, số lượng, nguồn gốc động vật nuôi; địa điểm; mô tả trại nuôi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Cấp mới: 05 ngày làm việc</p> <p>Cấp đổi, bổ sung: 03 ngày làm việc</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Kết quả:	Giấy chứng nhận
Lệ phí (nếu có):	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (Mẫu số 06 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở nuôi, trại nuôi phù hợp với đặc tính sinh trưởng, phát triển của loài nuôi; đảm bảo an toàn cho người và động vật nuôi; đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh; 2. Về nguồn gốc động vật rừng thông thường: <ol style="list-style-type: none"> a) Khai thác từ tự nhiên trong nước: có bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại. b) Nhập khẩu: có tờ khai hàng hóa nhập khẩu được cơ quan hải quan cửa khẩu xác nhận. Các loài ngoại lai xâm hại theo quy định của pháp luật không được gây nuôi dưới mọi hình thức. c) Mua của tổ chức, cá nhân khác: có hồ sơ mua bán, trao đổi động vật giữa người cung ứng và người nuôi. d) Xử lý tịch thu: có quyết định của người có thẩm quyền xử lý tang

	<p>vật hoặc vật chứng theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Động vật rừng thông thường đã nuôi trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, tổ chức, cá nhân đang nuôi lập bảng kê động vật rừng thông thường theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có cơ sở nuôi đó xác nhận.</p> <p>Tổ chức, cá nhân nuôi động vật rừng thông thường chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc hợp pháp của động vật nuôi.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Mẫu số 6: Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TRẠI NUÔI
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi:

1. Tên và địa chỉ tổ chức đề nghị:
Tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập
2. Nội dung đề nghị cấp đăng ký:
Cấp mới ; Cấp đổi ; Cấp bổ sung ; Khác (nêu rõ)
3. Loài động vật rừng thông thường đề nghị nuôi:

Stt	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Mục đích gây nuôi	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học				
1						
2						
3						
...						

4. Địa điểm trại nuôi:

5. Mô tả trại nuôi:

6. Các tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ nguồn gốc;

-

Xác nhận của
Ủy ban nhân dân cấp xã
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

..... ngày..... tháng năm

Tổ chức đề nghị
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

12. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt đối với động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm của chúng.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức được giao tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, công chức tiếp nhận và viết phiếu hẹn cho người nộp hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, công chức tiếp nhận hướng dẫn chi tiết, rõ ràng để người đến nộp hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung cho đầy đủ theo quy định. <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan;
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy giới thiệu của tổ chức quản lý người xin cấp giấy phép hoặc là người chủ lâm sản trực tiếp. - Giấy đề nghị cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt (<i>theo mẫu</i>); - Tài liệu chứng minh về nguồn gốc lâm sản hợp pháp là động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gốc và 01 bộ photo)</p>
Thời hạn giải quyết	Tối đa 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Chi cục Kiểm lâm Kon Tum
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy phép vận chuyển đặc biệt
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Mẫu giấy đề nghị cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt (<i>Phụ lục 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/ND-CP ngày 30/03/2006 của Chính Phủ; - Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT, ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Phụ lục 09: Mẫu giấy đề nghị cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt

Kính gửi:.....

1. Tên cá nhân, Tổ chức.....
2. Địa chỉ.....
3. Đề nghị được vận chuyển.....
Nơi đi.....
Nơi đến.....
4. Mục đích vận chuyển.....
5. Chủng loại.....
- Nguồn gốc.....
6. Số lượng:.....Khối lượng.....
7. Phương tiện vận chuyển.....
8. Thời gian vận chuyển.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ, tên)

IV. LĨNH VỰC THÚ Y (21 TTHC)

1. Tên thủ tục: Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận của Chi cục kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ viết giấy biên nhận hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>* Trường hợp cấp mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (theo mẫu); - Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y; - Giấy chứng nhận sức khỏe; - Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân (bản sao); - Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài) - 02 ảnh 4x6. <p>* Trường hợp gia hạn: trước khi hết hạn 30 ngày cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký gia hạn (theo mẫu) - Giấy chứng nhận sức khỏe; - Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp; - 02 ảnh 4x6. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cấp mới). - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cấp gia hạn).
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Chứng chỉ hành nghề thú y.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 100.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đăng ký cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (Phụ lục III, Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016).
Yêu cầu, điều kiện:	- Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo

	<p>về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. - Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. - Chứng chỉ hành nghề thú y về tiêm phòng, chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y được sử dụng trong phạm vi cả nước. Cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề không ghi vào Mục địa Điểm hành nghề; - Chứng chỉ hành nghề thú y của người phụ trách kỹ thuật tại cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y được sử dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Người hành nghề phải có đạo đức nghề nghiệp; - Người hành nghề có đủ sức khỏe hành nghề. - Có cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y theo quy định của pháp luật (đối với tổ chức).
Cơ sở pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

PHỤ LỤC III
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y
(Kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

.....

Địa chỉ hành nghề:

.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(Ghi chú: Nộp 02 ảnh 4x6)

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC III
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y
(Kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Đã được Chi cục..... cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

.....

Số CCHN:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

2. Tên thủ tục: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y nhưng bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan có nhu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận của Chi cục kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ viết giấy biên nhận hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp lại (theo mẫu); - Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất. - 02 ảnh 4x6. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Chứng chỉ hành nghề thú y
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 100.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	<p>a) Bị mất, sai sót, hư hỏng;</p> <p>b) Có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y.</p>
Cơ sở pháp lý:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p>

3. Tên thủ tục: *Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đăng ký kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử (email) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận VSTY của cơ sở, Chi cục Chăn nuôi và Thú y xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ; trường hợp chủ cơ sở nộp trực tiếp thì cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thụ lý và hẹn thời gian giải quyết; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3: Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y:</p> <p>* Trường hợp Cấp mới Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục thực hiện kiểm tra hồ sơ và tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện vệ sinh thú y tại cơ sở, cấp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y nếu đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và hẹn lịch tổ chức kiểm tra lại.</p> <p>* Trường hợp Cấp lại Giấy chứng nhận (hết hạn): Trước 01 (một) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận vệ sinh thú y hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận vệ sinh thú y trong trường hợp tiếp tục sản xuất kinh doanh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục thực hiện kiểm tra hồ sơ và tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện vệ sinh thú y tại cơ sở, cấp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y nếu đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và hẹn lịch tổ chức kiểm tra lại.</p> <p>* Trường hợp Cấp lại Giấy chứng nhận (bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin): Cơ sở phải có Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận vệ sinh thú y gửi Chi cục để được xem xét, cấp lại.</p> <p>- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận vệ sinh thú y của cơ sở, Chi cục thực hiện thẩm tra hồ sơ và xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận vệ sinh thú y cho cơ sở. Trường hợp không cấp lại, Chi cục phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Trường hợp cấp mới, cấp lại do hết hạn</p> <p>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (theo mẫu);</p> <p>- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở (theo mẫu);</p> <p>* Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận</p> <p>- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận VSTY (theo mẫu).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời gian giải quyết:</p>	<p>- 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp Cấp</p>

	mới, cấp lại do hết hạn) - 5 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp Cấp lại nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.
Phí, Lệ phí:	a/ Lệ phí: không. b/ Phí: - Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần; - Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (<i>Mẫu 01-Phụ lục II Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016</i>) - Mô tả tóm tắt về cơ sở (<i>Mẫu 02-Phụ lục II Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	Không
Cơ sở pháp lý:	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

Phụ lục II
HỒ SƠ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Kính gửi:

Cơ sở.....; được thành lập
ngày:.....
Trụ sở tại:.....
Điện thoại:.....Fax:.....
Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số:
.....; ngày cấp:..... đơn vị
cấp:..... (đối với doanh nghiệp);
Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....ngày cấp.....; Cơ quan
ban hành Quyết định.....
Lĩnh vực hoạt động:.....
Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:.....
Số lượng công nhân viên:..... (cố định:.....; thời vụ:.....)
Đề nghị Chi cục Thú y tỉnh Kon Tum cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y
cho cơ sở.....
Lý do cấp/cấp lại:
Cơ sở mới thành lập ; Thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh ; Giấy chứng nhận
ĐKVSTY hết hạn

Xin trân trọng cảm ơn./.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên & đóng dấu)

Gửi kèm gồm:

- Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 02).

....., ngày..... tháng..... năm.....

MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Mã số (nếu có):.....
3. Địa chỉ:.....
4. Điện thoại:..... Fax: Email:.....
5. Năm bắt đầu hoạt động:.....
6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
7. Công suất thiết kế:.....

II. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh m², trong đó:
 - + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu đầu vào: m²
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
 - + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: có

Không

Phương pháp xử lý:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:
 - + Lao động trực tiếp: người.
 - + Lao động gián tiếp: người.
- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:
- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

4. Tên thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đăng ký buôn bán thuốc thú y và gửi trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Cán bộ Chi cục tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ viết giấy biên nhận hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lại hồ sơ và hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3: Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi và thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y, nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan và kiểm tra tại cơ sở.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký, gia hạn kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (<i>theo mẫu</i>); - Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (<i>theo mẫu</i>); - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Chứng chỉ hành nghề thú y. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy Chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
Phí, lệ phí:	Phí kiểm tra, thẩm định điều kiện và tiêu chuẩn buôn bán thuốc thú y, cơ sở buôn bán: 230.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký, gia hạn kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (<i>Phụ lục XX Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT</i>). - Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (<i>Phụ lục XXII Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	<p>Điều kiện để tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp; - Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y
Cơ sở pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/ND-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

PHỤ LỤC XX

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN KIỂM TRA
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: ⁽¹⁾

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại:

Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm kinh doanh:

- Thuốc dược phẩm Vắc xin, chế phẩm sinh học
 Hóa chất Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ Điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm *(đối với đăng ký kiểm tra lần đầu)*:

- Đơn đăng ký kiểm tra Điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);
- Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện cơ sở

(ký tên và đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC XXII

**MẪU BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN,
NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN,
NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: ⁽¹⁾

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình Điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích quy mô cơ sở, các khu vực trưng bày/bày bán)
2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, âm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,.....)
3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng,...)
4. Danh Mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở

.....ngày tháng năm

Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

5. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký).

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ Chi cục tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ viết giấy biên nhận hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lại hồ sơ và hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3: Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi và thú y cấp lại; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan và kiểm tra tại cơ sở.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (theo mẫu);</p> <p>- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;</p> <p>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy Chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.
Phí, lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (Phụ lục XXXI Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Cơ sở pháp lý:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT.</p>

6. Tên thủ tục: *Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y trên các phương tiện: Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương; Bảng quảng cáo, băng-rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo; Phương tiện giao thông; Hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao; Người chuyên tài sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo; Các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử (email) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thụ lý và hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung.</p> <p>Bước 3: Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y, Chi cục thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký biết để hoàn thiện đối với những trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu;</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo quy định. Trường hợp không cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y; - Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự); - Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy xác nhận
Phí, Lệ phí:	Phí Thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần cấp.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (<i>Phụ lục XLII, Thông tư 13/2016/TI-BNNPTNT ngày 02/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Cơ sở pháp lý:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p>

	<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT;- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
--	---

PHỤ LỤC XLII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Kính gửi: ⁽¹⁾

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Fax:..... E-mail:

Số giấy phép hoạt động:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

Kính đề nghị xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc thú y sau:

TT	Tên thuốc thú y	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1			
2			

Các tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(ký tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu đăng ký quảng cáo tại địa phương; gửi Cục Thú y nếu đăng ký quảng cáo toàn quốc.

7. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định và thành lập Đoàn kiểm tra. Tại thời điểm kiểm tra, thu mẫu gửi Phòng thử nghiệm được chỉ định.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật của cơ sở hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh <i>(theo mẫu)</i>; - Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn <i>(theo mẫu)</i>; - Báo cáo kết quả giám sát; - Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (Kết quả thu mẫu xét nghiệm tại thời điểm kiểm tra); - Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có); - Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP còn hiệu lực (nếu có). <p>* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	20 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện:	Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã trong nước và nước ngoài có hoạt động chăn nuôi tại tỉnh Kon Tum.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
Phí, lệ phí:	Phí thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh : 300.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật <i>(Phụ lục VIa - đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb - đối với cấp xã, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT)</i>; - Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn <i>(Phụ lục IIa - đối với cơ sở hoặc Phụ lục IIb - đối với cấp xã Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT)</i>.
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

PHỤ LỤC VIA
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Đăng ký chứng nhận:

Lần đầu

Đánh giá lại

Cấp lại

Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác:

(ghi cụ thể lý do đổi với trường hợp Cấp đổi:

.....)

4. Loại hình hoạt động: Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh

trên đối tượng.....

7. Hồ sơ đăng ký gồm: *(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).*

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ()*

() Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

PHỤ LỤC VI B

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
TRÊN CẠM ĐỒI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an
toàn dịch bệnh động vật trên cạm

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2016/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạm.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Kèm theo là

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (để báo cáo);
-
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
Ký tên, đóng dấu

PHỤ LỤC II

MẪU BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN
CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

Kính gửi:

Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi:

Địa chỉ:Điện thoại

1. Mô tả vị trí địa lý

- Tổng diện tích đất tự nhiên.

- Vùng tiếp giáp xung quanh.

2. Cơ sở vật chất

- Hàng rào (tường) ngăn cách: Có. . . . Không

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực Có Không

Phòng giao dịch: Có Không

- Khu chăn nuôi: Ví dụ: Số nhà nuôi lợn nái Tổng diện tích

Số nhà nuôi lợn đực giống Tổng diện tích

Số nhà nuôi lợn thịt, lợn choai . . . Tổng diện tích.....

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt với diện tích

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi với diện tích

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: Có Không. . . .

(Nếu có mô tả hệ thống xử lý chất thải)

- Khu cách ly: Cách ly gia súc mới nhập: Có Không. . . .

Cách ly gia súc bệnh: Có. . . .Không. . . .

(Nếu có mô tả quy mô, Khoảng cách với khu khác).

- Khu tiêu hủy gia súc bệnh: Có. . . .Không

- Quần áo, ủng, mũ dùng trong khu chăn nuôi: Có Không

- Phòng thay quần áo: Có. . . .Không

- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: Có. . . . Không. . . .

(Nếu có mô tả phòng tắm, hoá chất sát trùng).

- Hồ sát trùng ở cổng trước khi vào trại: Có. . . . Không

(Nếu có mô tả, hoá chất sát trùng).

3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng

- Quy mô: Tổng đàn:
- Cơ cấu đàn: Ví dụ: Lợn náicon
Lợn đực giốngcon
Lợn con theo mẹ: sơ sinh đến khi cai sữa (theo mẹ).
Lợn con > 2 tháng đến < 4 tháng (lợn choai):
Lợn thịt > 4 tháng:
- Sản phẩm bán ra: (loại gia súc gì)
- Sản lượng hàng năm đối với mỗi loại sản phẩm:
.....
.....

4. Nguồn nhân lực

- Người quản lý:
- Số công nhân chăn nuôi: Số được đào tạo . . . Số chưa được đào tạo . .
- Cán bộ thú y chuyên trách hay kiêm nhiệm, trình độ?
.....

15. Hệ thống quản lý chăn nuôi

- Gồm những giống gia súc gì ? nhập từ đâu?
.....
- Nguồn thức ăn tổng hợp? tự chế biến ? thức ăn xanh?
.....
- Nguồn nước uống: nước máy, giếng khoan, nước tự nhiên?
.....
- Chăm sóc quản lý: Sử dụng loại máng ăn, máng uống, thời gian cho ăn, số lần trong ngày, thời gian tắm.
Hệ thống ghi chép: lý lịch gia súc, ngày phối, ngày đẻ, số con sinh ra, tỷ lệ nuôi sống, ngày chu chuyển đàn, ...
.....
.....
.....
- Chế độ vệ sinh chuồng trại trong ngày, trong tuần, tháng làm gì?
.....
.....
- Quy trình chăn nuôi đối với từng lứa tuổi, loại động vật: Có. .. Không
(nếu có cung cấp bản photo kèm theo)
- Nội quy ra vào trại: Có. . . . Không
(Nếu có photo kèm theo)
- Chế độ tiêm phòng: Loại vắc-xin, thời gian tiêm?
.....
.....
- Nơi tiêu thụ sản phẩm: Bán cho Công ty hoặc xí nghiệp nào?
.....
.....
- Tình hình chăn nuôi khu vực xung quanh bán kính cách trại 1 km: Người dân xung quanh chăn nuôi chủ yếu là con gì? ước tính số lượng mỗi loài, quy mô và phương thức chăn nuôi?
.....
.....
.....

6. Tình hình dịch bệnh ở trại trong 12 tháng qua

- Tình hình dịch bệnh động vật tại trại?

.....
.....

- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.

.....
.....

- Kết quả thực hiện giám sát dịch bệnh động vật tại trại?

.....
.....

- Tủ thuốc thú y gồm các loại thuốc, dụng cụ gì? Trị giá bao nhiêu?

.....
.....

....., ngày tháng năm

Chủ cơ sở

Ghi chú:

Nếu có hoặc không đánh dấu "v"

PHỤ LỤC IIB

MẪU BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CẤP XÃ

Kính gửi: Cục Thú y.

I. ĐIỀU KIỆN CỦA VÙNG

1. Địa Điểm vùng an toàn dịch bệnh:
2. Địa lý tự nhiên:
3. Khí hậu, thời Tiết:
4. Giao thông:
5. Sông rạch:
6. Đặc Điểm kinh tế - xã hội:
7. Hệ thống thú y:

II. CHĂN NUÔI VÀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

1. Đặc Điểm, tình hình phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn:
2. Tình hình dịch bệnh động vật trên địa bàn trong năm, nêu rõ nguyên nhân, nhận

định tình hình:

III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH

1. Mục đích, yêu cầu
2. Nội dung kế hoạch
3. Giải pháp thực hiện kế hoạch
 - 3.1. Về tổ chức, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra
 - 3.2. Về nguồn lực
 - a) Dự trữ vật tư, hóa chất, kinh phí và nguồn nhân lực để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch.
 - b) Dự trữ các trang thiết bị cần đầu tư, bổ sung, hiệu chỉnh để phục vụ công tác chẩn đoán xét nghiệm, giám sát, Điều tra ổ dịch, xây dựng bản đồ dịch tễ và phân tích số liệu.
 - 3.3. Kế hoạch sử dụng vắc xin (nêu kết quả cụ thể)
 - 3.4. Chương trình giám sát dịch bệnh (nêu kết quả cụ thể)
 - 3.5. Các giải pháp kỹ thuật khác
 - a) Các biện pháp xử lý khi có dịch bệnh xảy ra.
 - b) Về vệ sinh, khử trùng tiêu độc.
 - c) Về kiểm dịch vận chuyển
 - d) Kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y
 - đ) Về quản lý hoạt động kinh doanh thuốc thú y
 - e) Quản lý người hành nghề thú y
 - 3.6. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động thú y trên địa bàn; tập huấn cho người chăn nuôi, nhân viên thú y xã, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống thú y địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ trương, chính

sách, các quy định của nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

4. Nguồn kinh phí và cơ chế tài chính

5. Tổ chức thực hiện

Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai Kế hoạch; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Cơ quan Thú y vùng;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Ký tên, đóng dấu

8. Tên thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Cơ sở sản xuất thủy sản giống, nuôi trồng thủy sản có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ hồ sơ trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định, thành lập Đoàn đánh giá thực hiện kiểm tra, đánh giá tại cơ sở.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Kiểm tra tại cơ sở
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (theo mẫu); - Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (theo mẫu); - Báo cáo kết quả giám sát theo quy định; - Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có); - Bản sao Giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực (nếu có). <p>* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	20 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện:	Cơ sở nuôi trồng thủy sản, sản xuất thủy sản giống.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
Phí, lệ phí:	Phí thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh : 300.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT)⁽¹⁹⁾ - Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất giống thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> + Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản giống phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh; + Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh. - Cơ sở nuôi động vật thủy sản thương phẩm: <ul style="list-style-type: none"> + Người trực tiếp nuôi động vật thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát. + Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh. - Cơ sở đã thực hiện chương trình giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

⁽¹⁹⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục IV – Lĩnh vực Thú y (phụ lục VIa)

Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none">- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
-----------------------	---

Phụ lục VII
MẪU BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT
ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN
CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Kính gửi:

1. Vị trí cơ sở:

- Các khu vực xung quanh.....
- Hệ thống bao quanh cơ sở: Có Không ; ngăn cách với cơ sở xung quanh bằng
- Nguồn nước: Ngọt Mặn
- Vị trí giao thông:.....
- Hệ thống điện:

2. Điều kiện cơ sở sản xuất

2.1. Diện tích cơ sở (ghi chi tiết từng hạng mục):

2.2. Điều kiện cơ sở hạ tầng.....

2.2.1. Sơ đồ bố trí mặt bằng (bản vẽ kèm theo)

Hệ thống bể trong khu vực có mái che: Có Không

2.2.2. Hệ thống ao và cấp thoát nước

- Hệ thống ao bể Có Không
- Hệ thống cấp thoát nước Có Không
- Khu vực xử lý Có Không

2.3. Trang thiết bị phục vụ sản xuất

2.4. Thực trạng sản xuất

2.4.1. Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng đối với:

- Hệ thống ao, bể: Không Có Loại hóa chất:.....
- Thiết bị, dụng cụ: Không Có Loại hóa chất:.....
- Nguồn nước: Không Có Loại hóa chất:.....
- Xử lý thủy sản chết: Không Có Loại hóa chất:.....
- Vệ sinh cá nhân: Không Có

2.4.2. Biện pháp phòng bệnh

- Xử lý khi cải tạo ao, bể: Không Có
- Loại hóa chất:
- Thay nước định kỳ: Không Có
- Dinh dưỡng: Không Có Nếu có, ghi rõ
- Loại gì:
- Vệ sinh ao/bể: Không Có Nếu có, ghi rõ
- Loại hóa chất:

2.4.3. Tình hình sử dụng các loại hóa chất, kháng sinh:

- Kháng sinh Không Có Nếu có, ghi rõ
- Loại gì:

- Diệt khuẩn định kỳ Không Có Nếu có, ghi rõ
 Loại hóa chất:
- Bón vi sinh định kỳ Không Có Nếu có, ghi rõ
 Loại gì:

2.5. Hồ sơ ghi chép

2.5.1. Ghi chép theo dõi số lượng thủy sản bố mẹ nhập, xuất

Ghi chép theo dõi số lượng thủy sản giống xuất

Ghi chép quá trình nuôi, chăm sóc thủy sản

2.5.2. Ghi chép tình hình dịch bệnh tại cơ sở: Không Có Lý do:

Có xét nghiệm bệnh trước khi cho thủy sản sinh sản không?.....

Nếu có xét nghiệm bệnh gì?.....Đơn vị xét nghiệm?.....

Nếu phát hiện có tác nhân gây bệnh, xử lý như thế nào?.....

Chủ cơ sở
(ký tên, đóng dấu) (*)

*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

9. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Cơ sở có kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ hồ sơ trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định và thành lập Đoàn đánh giá thực hiện kiểm tra, đánh giá tại cơ sở.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã (theo mẫu);</p> <p>- Báo cáo kết quả khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện:	Cơ sở có kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
Phí, lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa-đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT) ⁽²⁰⁾ ;
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>

⁽²⁰⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục IV - Lĩnh vực Thú y (phụ lục VIa- đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã)

10. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: 03 (ba) tháng trước thời điểm Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hết hiệu lực, cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ hồ sơ trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận (đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng).</p> <p>Thành lập Đoàn kiểm tra đối với trường hợp vùng, cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc đã đánh giá định kỳ nhưng thời gian quá 12 tháng.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật của cơ sở hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (theo mẫu); - Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở; kết quả phòng bệnh bằng vắc xin; - Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm theo bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch; - Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<p>- 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng.</p> <p>- 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.</p>
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
Phí, lệ phí:	Phí thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh : 300.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa-đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã hoặc VIc-đối với cấp vùng, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT) ⁽²⁾
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	Thực hiện Kế hoạch giám sát dịch bệnh đối với bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn, bao gồm cả việc thu mẫu đúng, đủ số lượng với tần suất tối thiểu 01 (một) năm/lần và gửi mẫu xét nghiệm bệnh tại Phòng thử nghiệm được chỉ định.

⁽²⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục IV - Lĩnh vực Thú y (Phụ lục VIa- đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã)

Căn cứ pháp lý của TTHC:	<ul style="list-style-type: none">- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
---------------------------------	---

Phụ lục VIc
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN
VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT
ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v đăng ký chứng nhận vùng an
toàn dịch bệnh động vật trên cạm

Kính gửi: Cục Thú y.

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2016/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân huyện/tỉnh đề nghị Cục Thú y xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật trên cạm.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Kèm theo là:

-

-

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND cấp trên hoặc Bộ NN&PTNT (để báo cáo);
- Sở NN&PTNT;
- Chi cục Thú y;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Ký tên, đóng dấu

11. Tên thủ tục: *Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: 03 tháng trước thời điểm Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hết hiệu lực, cơ sở sản xuất thủy sản giống, nuôi trồng thủy sản có nhu cầu cấp lại gửi hồ sơ hồ sơ trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định hồ sơ và thành lập Đoàn kiểm tra (đối với trường hợp vùng, cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc đã đánh giá định kỳ nhưng thời gian quá 12 tháng).</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở;</p> <p>- Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch;</p> <p>- Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<p>- 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng;</p> <p>- 17 ngày: đối với trường hợp còn lại.</p>
Đối tượng thực hiện:	Cơ sở an toàn dịch bệnh động vật
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
Phí, lệ phí:	Phí thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh : 300.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>Phụ lục VIa, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT</i>) ⁽²²⁾
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Thực hiện Kế hoạch giám sát dịch bệnh đối với bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn, bao gồm cả việc thu mẫu đúng, đủ số lượng với tần suất tối thiểu 01 (một) năm/lần và gửi mẫu xét nghiệm bệnh tại Phòng thử nghiệm được chỉ định;</p> <p>- Thực hiện các quy định về phòng chống dịch bệnh tại cơ sở;</p> <p>- Báo cáo Chi cục Chăn nuôi và Thú y những thay đổi liên quan đến nội dung được chứng nhận chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày có thay đổi.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/ND-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng</p>

⁽²²⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục IV - Lĩnh vực Thú y (Phụ lục VIa)

*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.*

12. Tên thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Các cơ sở có Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật bị rách, cũ nát hoặc bị mất có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận gửi hồ sơ hồ sơ trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức - Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung. - Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật của cơ sở hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (theo mẫu). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	02 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện:	Cơ sở an toàn dịch bệnh đã được cấp giấy chứng nhận
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
Phí, lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa-đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT) ⁽²³⁾
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

⁽²³⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục IV - Lĩnh vực Thú y (Phụ lục VIa- đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã)

13. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật có nhu cầu bổ sung thêm bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ hồ sơ trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định, thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá tại cơ sở.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật của cơ sở hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (theo mẫu);</p> <p>- Báo cáo kết quả giám sát;</p> <p>- Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (là kết quả thu mẫu gửi xét nghiệm khi kiểm tra tại vùng).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	20 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện:	Cơ sở
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh
Phí, lệ phí:	Phí thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh: 300.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa-đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT) ⁽²⁴⁾
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định, không có ca bệnh của bệnh đăng ký bổ sung công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.
Căn cứ pháp lý của TTHC:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT;</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>

⁽²⁴⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục IV - Lĩnh vực Thú y (Phụ lục VIa- đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã)

14. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật có nhu cầu bổ sung thêm bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ hồ sơ trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định, thành lập Đoàn đánh giá tại cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Báo cáo kết quả giám sát</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	20 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện:	Cơ sở an toàn dịch bệnh
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
Phí, lệ phí:	Phí thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh: 300.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>Phụ lục VIa, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT</i>) ⁽²⁵⁾
Yêu cầu, điều kiện:	<p>* Cơ sở sản xuất giống thủy sản:</p> <p>+ Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản giống phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh;</p> <p>+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.</p> <p>* Đối với Cơ sở nuôi động vật thủy sản thương phẩm</p> <p>+ Người trực tiếp nuôi động vật thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát.</p> <p>+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.</p> <p>+ Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định. Không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 (sáu) tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>

⁽²⁵⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục IV - Lĩnh vực Thú y (Phụ lục VIa- đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã)

15. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Các cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận gửi hồ sơ hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc qua Email tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành thẩm định và thành lập Đoàn đánh giá tại cơ sở.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (theo mẫu);</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động duy trì;</p> <p>- Bản sao các kết quả xét nghiệm.</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	13 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện:	Cơ sở an toàn dịch bệnh
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
Phí, lệ phí:	Phí thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã là cơ sở an toàn dịch bệnh: 300.000 đồng/lần.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa-đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã, Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT) ⁽²⁶⁾
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Cơ sở có nhu cầu và tự nguyện đăng ký để được chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;</p> <p>- Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh được chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng kể từ khi nơi nuôi giữ động vật thủy sản mắc bệnh cuối cùng của cơ sở được tiêu hủy hoặc kể từ khi xử lý xong động vật thủy sản mang mầm bệnh hoặc không có ca bệnh của bệnh được chứng nhận an toàn trong ít nhất 03 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng được xử lý hoặc khỏi bệnh.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ ;</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>

⁽²⁶⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục IV - Lĩnh vực Thú y (Phụ lục VIa- đối với cơ sở hoặc Phụ lục VIb-đối với cấp xã)

16. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thụ lý và hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành đánh giá tại cơ sở.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đăng ký kiểm dịch (theo mẫu)</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	<p>- 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch (Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y)</p> <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh bắt buộc đối với bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo yêu cầu của chi cục Chăn nuôi và thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:</p> <p>+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, Chi cục Chăn nuôi và thú y quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum .
Kết quả:	Giấy chứng nhận kiểm dịch.
Phí, Lệ phí:	<p>1. Lệ phí: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. 70.000 đồng/ lần cấp giấy.</p> <p>2. Phí kiểm tra lâm sàng động vật, mức thu:</p> <p>+ Trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, đà điểu: 50.000 đồng/lô hàng/xe ô tô</p> <p>+ Lợn: 60.000 đồng/lô hàng/xe ô tô</p> <p>+ Hồ, báo, voi, hươu, nai, sư tử, bò rừng và động vật khác có khối lượng tương đương: 300.000 đồng/lô hàng/xe ô tô</p> <p>+ Gia cầm: 60.000 đồng/lô hàng/xe ô tô</p>

	<p>+ Chó, mèo, khỉ, vượn, cáo, nhím, chồn, trăn, cá sấu, kỳ đà, rắn, tắc kè, thằn lằn, rùa, kỳ nhông, thò, chuột nuôi thí nghiệm, ong nuôi và động vật khác có khối lượng tương đương theo quy định tại Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch: 100.000 đồng/lô hàng/xe ô tô</p> <p>3. Phí Kiểm dịch sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật (Chưa bao gồm chi phí xét nghiệm)</p> <p>+ Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh: 200.000đ/Container/lô hàng</p> <p>+ Kiểm dịch thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật ở dạng tươi sống, hun khói, phơi khô, sấy, ướp muối, ướp lạnh, đóng hộp; Lạp xường, patê, xúc xích, giăm bông, mỡ và các sản phẩm động vật khác ở dạng sơ chế, chế biến; Sữa tươi, sữa chua, bơ, pho mát, sữa hộp, sữa bột, sữa bánh và các sản phẩm từ sữa; Trứng tươi, trứng muối, bột trứng và các sản phẩm từ trứng; Trứng gia cầm giống, trứng tằm; Phôi, tinh dịch động vật; Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật; Bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Dược liệu có nguồn gốc động vật: Nọc rắn, nọc ong, vẩy tê tê, mật gấu, cao động vật, men tiêu hóa và các loại dược liệu khác có nguồn gốc động vật; Da động vật ở dạng: Tươi, khô, ướp muối; Da lông, thú nhồi bông của các loài động vật; Hồ, báo, cây, thỏ, rái cá và từ các loài động vật khác; Lông mao: Lông đuôi ngựa, lông đuôi bò, lông lợn, lông cừu và lông của các loài động vật khác; Lông vũ: Lông gà, lông vịt, lông ngỗng, lông công và lông của các loài chim khác; Răng, sừng, móng, ngà, xương của động vật; Tô yến, sản phẩm từ yến; Mật ong, sữa ong chúa, sáp ong; Kén tằm: 100.000 đ/ Container/lô hàng</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (<i>Mẫu 1, Phụ lục V, Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015; - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:...../DK-KDDV

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số ngày...../...../..... của
.....(1)..... (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số ngày/...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số ngày/...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số ngày/...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày/...../.....

2/ tiêm phòng ngày/...../.....

3/ tiêm phòng ngày/...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../..... của(3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

.....

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

.....

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi giờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.

- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,

- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

17. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Trước khi vận chuyển động vật thủy sản sử dụng làm giống ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; động vật thủy sản thương phẩm, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thụ lý và hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian kiểm dịch và thực hiện kiểm dịch theo quy định.</p> <p>Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, Chi cục không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; Kiểm tra thực tế tại hiện trường
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Giấy đăng ký kiểm dịch (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch; Động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định; Động vật, sản phẩm động vật không thuộc trường hợp trên khi có yêu cầu của chủ hàng.</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, chi cục Chăn nuôi và thú y tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch .</p>
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận kiểm dịch.
Lệ phí:	<p>- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: 100.000đ/Lô hàng/Xe ô tô</p> <p>- Phí giám sát cách ly kiểm dịch:</p> <p>+ Đối với động vật giống (bao gồm cả thủy sản): 800.000đ/Lô hàng/Xe ô tô</p> <p>+ Đối với động vật thương phẩm (bao gồm cả thủy sản): 500.000đ/Lô hàng/Xe ô tô</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận

	chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 01 TS, Phụ lục V, Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:...../ĐKKD- VCTS

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân :

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

CMND/ Thẻ CCCD/ Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Tại.....

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/ Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng chữ:

Mục đích sử dụng:.....

Quy cách đóng gói/ bảo quản:..... Số lượng bao gói:.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/ nuôi trồng/ sơ chế, chế biến/ bảo quản:..... Mã số cơ sở (nếu có):.....

Điện thoại: Fax: Email:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax: Email:

Nơi đến/ nơi thả nuôi cuối cùng

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):.....

1/ Số lượng/ Trọng lượng.....

2/ Số lượng/ Trọng lượng.....

3/ Số lượng/ Trọng lượng.....

Phương tiện vận chuyển: Địa điểm kiểm dịch:.....

Thời gian kiểm dịch:.....

*** Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch
đề nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:.....

- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....

- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:

.....
Chúng tôi cam chấp hành đúng pháp luật thú y./.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú :

- (1) Kích thước cả thể (đối với thú sản làm giống)/ Dạng sản phẩm (đối với sản phẩm thú sản) ;
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản : 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ.

18. Tên thủ tục: Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thụ lý và hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3. Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian kiểm dịch và thực hiện kiểm dịch theo quy định.</p> <p>Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, Chi cục không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; Kiểm tra thực tế tại hiện trường
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Giấy đăng ký kiểm dịch (theo mẫu).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch; Động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định; Động vật, sản phẩm động vật không thuộc trường hợp trên khi có yêu cầu của chủ hàng.</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, chi cục Chăn nuôi và thú y tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì chi cục thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống tham gia hội chợ, triển lãm thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p>
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum;
Kết quả:	Giấy chứng nhận kiểm dịch.
Lệ phí:	<p>- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: 100.000đ/Lô hàng/Xe ô tô</p> <p>- Phí giám sát cách ly kiểm dịch:</p> <p>+ Đối với động vật giống (bao gồm cả thủy sản): 800.000đ/Lô hàng/Xe ô tô</p> <p>+ Đối với động vật thương phẩm (bao gồm cả thủy sản): 500.000đ/Lô</p>

	hàng/Xe ô tô
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 01 TS, Phụ lục V, Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT) ⁽²⁷⁾ .
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

⁽²⁷⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 17, mục IV - Lĩnh vực Thú y (Mẫu: 01 TS)

19. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh tham gia hội chợ triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ triển lãm.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thụ lý và hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chi cục Chăn nuôi và thú y thực hiện kiểm tra và Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định.</p> <p>Trường hợp sản phẩm động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, Chi cục Chăn nuôi và Thú y không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; Kiểm tra thực tế tại hiện trường
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đăng ký kiểm dịch (theo mẫu)</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	<p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p> <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh bắt buộc đối với bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo yêu cầu của chi cục Chăn nuôi và thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:</p> <p>+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, Chi cục Chăn nuôi và thú y quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì Chi cục Chăn nuôi và thú y thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận kiểm dịch.
Phí, Lệ phí:	<p>1. Lệ phí: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. 70.000 đồng/lần cấp giấy.</p> <p>2. Phí kiểm tra lâm sàng động vật, mức thu:</p> <p>+ Trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, đà điểu: 50.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô</p> <p>+ Lợn: 60.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô</p>

	<p>+ Hổ, báo, voi, hươu, nai, sư tử, bò rừng và động vật khác có khối lượng tương đương: 300.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô</p> <p>+ Gia cầm: 60.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô</p> <p>+ Chó, mèo, khỉ, vượn, cáo, nhím, chồn, trăn, cá sấu, kỳ đà, rắn, tắc kè, thằn lằn, rùa, kỳ nhông, thỏ, chuột nuôi thí nghiệm, ong nuôi và động vật khác có khối lượng tương đương theo quy định tại Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch: 100.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô</p> <p>3. Phí Kiểm dịch sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật (Chưa bao gồm chi phí xét nghiệm)</p> <p>+ Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh: 200.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô</p> <p>+ Kiểm dịch thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật ở dạng tươi sống, hun khói, phơi khô, sấy, ướp muối, ướp lạnh, đóng hộp; Lạp xường, patê, xúc xích, giăm bông, mỡ và các sản phẩm động vật khác ở dạng sơ chế, chế biến; Sữa tươi, sữa chua, bơ, pho mát, sữa hộp, sữa bột, sữa bánh và các sản phẩm từ sữa; Trứng tươi, trứng muối, bột trứng và các sản phẩm từ trứng; Trứng gia cầm giống, trứng tằm; Phôi, tinh dịch động vật; Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; Thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật; Bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Dược liệu có nguồn gốc động vật: Nọc rắn, nọc ong, vẩy tê tê, mật gấu, cao động vật, men tiêu hóa và các loại dược liệu khác có nguồn gốc động vật; Da động vật ở dạng: Tươi, khô, ướp muối; Da lông, thú nhồi bông của các loài động vật; Hổ, báo, cây, thỏ, rái cá và từ các loài động vật khác; Lông mao: Lông đuôi ngựa, lông đuôi bò, lông lợn, lông cừu và lông của các loài động vật khác; Lông vũ: Lông gà, lông vịt, lông ngỗng, lông công và lông của các loài chim khác; Răng, sừng, móng, ngà, xương của động vật; Tổ yến, sản phẩm từ yến; Mật ong, sữa ong chúa, sáp ong; Kén tằm: 100.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 1, Phụ lục V, Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT) ⁽²⁸⁾
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Thú y số 79/2015/Q13, ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>

⁽²⁸⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 16, mục IV - Lĩnh vực Thú y (Mẫu: 1)

20. Tên thủ tục: **Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm**

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đăng ký kiểm tra, cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử (email) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thụ lý và hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3: Kiểm tra, xác nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Chi cục lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân. - Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) Chi cục cấp giấy xác nhận. <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức (<i>theo mẫu - áp dụng đối với tổ chức</i>) - Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân. - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 10 ngày làm việc, tổ chức xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. - Trong thời gian 03 ngày làm việc, cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.
Lệ phí:	Phí thẩm định xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: 30.000 đ/lần cấp.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>Mẫu số 01a, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT</i>); - Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức (<i>Mẫu số 01b, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đảm bảo kiến thức về an toàn thực phẩm qua kiểm tra bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định. 2. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.
Cơ sở pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, ngày 25/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Y tế, Bộ Công thương;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.
--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp ngày.....
tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do
..... (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và
nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho
chúng tôi/ Tôi theo nội dung của tài liệu của (*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: * chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.

Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

21. Tên thủ tục: Cấp mới, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử (email) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 17 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thụ lý và hẹn thời gian giải quyết. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành kiểm tra và cấp chứng nhận theo qui định. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>); - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (<i>bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu</i>); - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (<i>theo mẫu</i>), ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên. - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh</i>); - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khoẻ (<i>có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<p>- 15 ngày làm việc (đối với Cấp mới, cấp lại: hết hạn).</p> <p>- 5 ngày làm việc (đối với Cấp lại: bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin).</p>
Đối tượng thực hiện:	Các cơ sở sản xuất kinh doanh.
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
Lệ phí:	<p>- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở;</p> <p>- Phí thẩm định, đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>50% phí thẩm định cấp giấy chứng nhận</i>): 350.000 đồng/cơ sở.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VI Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014</i>);</p> <p>- Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (<i>Phụ lục VII Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT,</i></p>

<p>Yêu cầu, điều kiện</p>	<p>ngày 03/12/2014).</p> <p>* Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp tiếp tục sản xuất kinh doanh - Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn, hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận, cơ sở phải có văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận gửi Chi cục đề được xem xét cấp lại theo qui định. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do <p>* Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản bị thu hồi Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không hoạt động ngành nghề kinh doanh thực phẩm đã đăng ký. - Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ sở cũ. - Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.
<p>Cơ sở pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, ngày 25/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Y tế, Bộ Công thương; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45 /2014/TT-BNNPTNT ngày 03 /12/2014
quy định kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản
xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi:

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoạiFax Email.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-
- ...

**BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ,
DỤNG CỤ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014
quy định kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản
xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước	<input type="checkbox"/>	DN 100% vốn nước ngoài	<input type="checkbox"/>
DN liên doanh với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	DN Cổ phần	<input type="checkbox"/>
DN tư nhân	<input type="checkbox"/>	Khác	<input type="checkbox"/>

(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
 - Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
 - + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
 - + Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
 - + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
 - Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:
2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

- Nước máy công cộng Nước giếng khoan
- Hệ thống xử lý: Có Không
- Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

- Tự sản xuất Mua ngoài
- Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:
 - + Lao động trực tiếp:người.
 - + Lao động gián tiếp: người.
- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:
- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:
- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:
- Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

V. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (11 TTHC)

1. Tên thủ tục: *Cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân đăng ký danh sách người tham gia Cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc gọi điện thoại đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và tổ chức huấn luyện cho các đối tượng tham gia lớp huấn luyện an toàn về lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc BVTV theo quy định.</p> <p>Bước 3. Căn cứ kết quả kiểm tra, ngay sau khi kết thúc lớp huấn luyện, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động theo quy định.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua đường bưu chính hoặc điện thoại
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Danh sách đăng ký người tham gia lớp huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;</p> <p>- 02 ảnh 4cm x 6cm</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	Trong vòng 03 ngày làm việc (kể từ ngày kết thúc lớp huấn luyện).
Đối tượng thực hiện	Cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Người điều khiển phương tiện, người áp tải hàng hóa, thủ kho thuốc Bảo vệ thực vật phải đảm bảo tham gia đủ thời gian quy định của lớp huấn luyện và kết thúc lớp học kết quả kiểm tra đạt điểm trung bình trở lên.
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNN ngày 08/6/2015 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

2. Tên thủ tục: *Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn. Nếu hồ sơ không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận trực tiếp kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật <i>(theo mẫu)</i>; - Bản sao chụp Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc của người điều khiển phương tiện hoặc người áp tải hàng <i>(khi nộp mang theo bản chính để đối chiếu)</i>; - Một trong các giấy tờ sau (bản sao chứng thực): <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng cung ứng; + Hợp đồng vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật; + Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật; + Bản kê khai vận chuyển hàng hóa của công ty (có xác nhận và dấu của công ty) - Lịch trình vận chuyển hàng hóa, địa chỉ và điện thoại của chủ hàng (có xác nhận và dấu của công ty). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy phép
Lệ phí (nếu có)	Lệ phí Cấp giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc BVTV. Mức thu: 300.000đ
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật <i>(Phụ lục XXIX Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT, ngày 08/6/2015)</i> ;
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Bao bì, thùng chứa hoặc container chứa thuốc, nguyên liệu thuốc BVTV phải được làm bằng vật liệu dai, bền ít thấm nước và phải dán biểu trưng nguy hiểm với đầu lâu, xương chéo màu đen trên nền trắng.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 19/11/2009 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2015/TT-BNN ngày 08/ 6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính.

Phụ lục XXIX
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép vận chuyển.....
Địa chỉ:
Điện thoại Fax.....
Quyết định thành lập doanh nghiệp sốngày.....thángnăm.....
Đăng ký doanh nghiệp số.....ngày.....thángnăm.....
tại.....
Số tài khoản.....Tại ngân hàng.....
Họ tên người đại diện pháp luật.....Chức danh.....
CMND/Hộ chiếu số.....do.....cấp ngày...../...../.....
Hộ khẩu thường trú.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp "*Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật*" đối với loại thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV/ hoạt chất	Số UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển

cho phương tiện giao thông
(lưu ý: ghi rõ loại phương tiện vận chuyển, trọng tải phương tiện, biển kiểm soát, tên chủ phương tiện, tên người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, người áp tải hàng, số CMND/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú).

Tôi cam kết đảm bảo an toàn để tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày.....thángnăm.....

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

3. Tên thủ tục: **Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.**

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>- Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, ghi giấy hẹn trả kết quả, nếu hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, công dân bổ sung.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Bản sao chụp hoặc bản chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp (<i>mang theo bản gốc để đối chiếu</i>).</p> <p>- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí (nếu có)	<p>Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Mức thu:</p> <p>- Đối với cửa hàng: 500.000đ/ lần</p> <p>- Đối với Đại lý : 1.000.000đ/ lần</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT</i>)</p> <p>- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	<p>* Chi tiết điều kiện nhân lực</p> <p>Chủ cơ sở buôn bán (Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, các thành viên công ty hợp danh; người đứng đầu chi nhánh hoặc cấp phó của người đứng đầu chi nhánh của doanh nghiệp; một trong những người quản lý cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng đại lý của doanh nghiệp, hợp tác xã làm dịch vụ bảo vệ thực vật; người trực tiếp quản lý cửa hàng đối với cửa hàng buôn bán thuốc tại một địa điểm cố định) và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>* Chi tiết điều kiện địa điểm</p> <p>1. Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải có địa chỉ rõ ràng, ổn định, thuộc sở hữu của chủ cơ sở hoặc có hợp đồng thuê địa điểm đặt cửa hàng hợp pháp tối thiểu là 01 năm.</p> <p>2. Diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh, tối thiểu là 10 mét vuông</p>

	<p>(m²). Phải là nhà kiên cố, bố trí ở nơi cao ráo, thoáng gió.</p> <p>3. Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa là lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y.</p> <p>4. Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được nằm trong khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.</p> <p>5. Cửa hàng phải cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 mét (m); có nền cao ráo, chống thấm, không ngập nước; tường và mái phải xây dựng bằng vật liệu không bèn lữa.</p> <p>6. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng phải đáp ứng quy định tại Điều 57 của Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT (Có phụ lục kèm theo).</p> <p>Trường hợp cơ sở buôn bán không có cửa hàng phải có đăng ký doanh nghiệp; có địa điểm giao dịch cố định, hợp pháp, địa chỉ rõ ràng; có sổ ghi chép việc mua bán, xuất, nhập thuốc bảo vệ thực vật và đáp ứng quy định tại Chi tiết điều kiện nhân lực nêu trên.</p> <p>* Chi tiết điều kiện trang thiết bị</p> <p>1. Có tủ trưng bày, quầy, kệ hoặc giá đựng thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>2. Đám bảo đủ độ sáng để nhận diện thuốc. Thiết bị chiếu sáng phải đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ.</p> <p>3. Có nội quy và phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.</p> <p>4. Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng.</p> <p>5. Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý về môi trường.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Thông tư số 223/2012/TT-BTC, ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính.</p>

Phụ lục XIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất

- Sản xuất thuốc kỹ thuật

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

- Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng

- Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục XVI
MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- DN nhà nước
- DN liên doanh với nước ngoài
- DN tư nhân
- DN 100% vốn nước ngoài
 - DN cổ phần
 - Hộ buôn bán
 - Khác: (ghi rõ loại hình)

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²
- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành

kèm theo Thông tư này (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên dưới 5000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục:

Điều 57. Quy định chi tiết về kho thuốc bảo vệ thực vật

1. Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

a) Thủ kho

Thủ kho phải được huấn luyện về an toàn lao động trong bảo quản thuốc bảo vệ thực vật, tập huấn về thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật an toàn hóa chất theo quy định tại Mục 3 của Chương này và phải có chứng nhận hoặc chứng chỉ an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

b) Địa điểm

Kho nằm trong khu công nghiệp phải tuân thủ các quy định của khu công nghiệp.

Kho nằm ngoài khu công nghiệp phải được bố trí tại địa điểm phù hợp với các điều kiện về quy hoạch của địa phương và phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên;

Kho phải cách xa trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước tối thiểu 200 mét (m); phải bố trí ở địa điểm đảm bảo các yêu cầu về cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước, xử lý ô nhiễm môi trường và giao thông; phải có tường bao ngăn cách với bên ngoài.

c) Quy cách kho

Kho phải được bố trí, sắp xếp gọn gàng, hợp lý, phân loại theo nguy cơ, cháy, nổ và bảo đảm tách riêng các thuốc bảo vệ thực vật có khả năng gây ra phản ứng hóa học với nhau.

Thuốc bảo vệ thực vật được kê trên kệ kê hàng cao ít nhất 10 cen-ti-mét (cm), cách tường ít nhất 20 cen-ti-mét (cm). Lối đi chính rộng tối thiểu 1,5 mét (m), thuận tiện cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, kiểm tra, giám sát.

Vật liệu xây dựng kho là vật liệu không bắt lửa, khó cháy; khung nhà được xây bằng gạch, làm bằng bê tông hoặc thép. Sàn được làm bằng vật liệu không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt, không có khe nứt và phải có gờ chống tràn ở các cửa. Cửa phải có khoá bảo vệ chắc chắn.

Kho phải có lối thoát hiểm, được chỉ dẫn rõ ràng (bằng bảng hiệu, sơ đồ) và dễ mở khi xảy ra sự cố.

Kho phải có hệ thống xử lý chất thải; phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; phải có hệ thống thông gió; có dụng cụ thu gom và vận chuyển chất thải rắn ra khỏi khu vực kho.

Kho phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, hệ thống hình đồ cảnh báo phù hợp với mức độ nguy hiểm của thuốc bảo vệ thực vật. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì hình đồ cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó.

Kho phải có nội quy an toàn lao động, có trang bị và sử dụng trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động (găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ mắt, quần áo bảo hộ) khi tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật, có tủ thuốc và dụng cụ sơ cứu.

Phải có khu vực riêng biệt để thay đồ, tắm rửa cho người lao động sau khi làm việc trong kho.

Kho thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về phòng, chống cháy nổ theo Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Bên ngoài kho phải có biển “Cấm lửa”, “Cấm hút thuốc”, chữ to, màu đỏ; nội quy phòng cháy chữa cháy, tiêu lệnh chữa cháy phải để ở nơi dễ nhìn thấy.

Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố tại cơ sở, hệ thống báo cháy, dập cháy được lắp đặt tại vị trí thích hợp và kiểm tra thường xuyên để bảo đảm luôn ở tình trạng sẵn sàng sử dụng tốt.

Việc vận hành tại kho chứa phải đảm bảo tính an toàn, phòng tránh các nguy cơ có thể xảy ra như cháy, rò rỉ, cháy tràn. Thủ kho phải tuân thủ các chỉ dẫn trong phiếu an toàn hóa chất của tất cả các thuốc bảo vệ thực vật được lưu trữ, các hướng dẫn về công tác an toàn, công tác vệ sinh, các hướng dẫn khi có sự cố.

2. Kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

a) Cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch) ít nhất khoảng 20 mét (m) và phải được gia cố

bờ kè chắc chắn, chống cháy tràn. Phải khô ráo, thoáng gió, không thấm, dột hoặc ngập úng, đảm bảo phòng chống cháy nổ;

- b) Tường và mái của nơi chứa phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa. Tường và nền phải bằng phẳng, chống thấm, dễ lau chùi, không bị ngập;
- c) Phải được đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện hàng hóa. Thiết bị chiếu sáng đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ;
- d) Hàng hóa được kê trên kệ kê hàng cao ít nhất 10 cen-ti-mét (cm), cách tường ít nhất 20 cen-ti-mét (cm); phải được bảo quản trong bao gói kín, hạn chế phát tán mùi ra xung quanh;
- đ) Việc sắp xếp hàng hóa phải đảm bảo không gây đổ vỡ, rò rỉ, có lối vào đủ rộng tối thiểu cho một người đi lại và riêng biệt từng loại;
- e) Có nội quy và trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết;
- g) Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng;
- h) Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố.

4. Tên thủ tục: *Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Trước 3 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh.</p> <p>- Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, ghi giấy hẹn trả kết quả, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận trực tiếp kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Bản sao chụp hoặc bản chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp (<i>mang theo bản gốc để đối chiếu</i>).</p> <p>- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b. Số lượng: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT</i>)⁽²⁹⁾</p> <p>- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT</i>)⁽³⁰⁾.</p>
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</p>

⁽²⁹⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 3, mục V - Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (phụ lục XIV)

⁽³⁰⁾ Sử dụng mẫu Bản thuyết minh tại TTHC số 3, mục V - Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (phụ lục XVI)

4. Tên thủ tục: **Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.**

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, hẹn thời gian lấy mẫu và phân tích giám định mẫu. Trường hợp lô hàng đủ điều kiện thì cơ quan kiểm dịch thực vật cấp giấy chứng nhận. Trường hợp lô hàng phát hiện có đối tượng thuộc diện kiểm dịch thực vật của Việt Nam thì yêu cầu chủ hàng trả hàng hoá về nơi xuất xứ hoặc chỉ định cơ quan khử trùng triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật.</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; kiểm tra thực tế.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao chụp hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp. Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể. - Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	01 ngày; 02 ngày (đối với trường hợp có lý do chính đáng).
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Cơ quan kiểm dịch thực vật vùng IV. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum. - Cơ quan phối hợp: Biên phòng, Hải quan, Công an, Quản lý thị trường, Bưu điện
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí (nếu có)	- Phí kiểm dịch thực vật. Mức thu: theo số lượng từng lô hàng (<i>cụ thể theo hàng phía sau biểu mẫu này</i>).
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (<i>Phụ lục I Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13; - Nghị định số 116/2014/ND-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư liên tịch số 17/2003/TTLT-BTC-BNN-BTS ngày 14/3/2003 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Thủy sản

PHỤ LỤC I

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (*)

Kính gửi:(**).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu sau (***):

1. Tên hàng: Tên khoa học:.....

Cơ sở sản xuất:

Mã số (nếu có):

Địa chỉ:

2. Số lượng và loại bao bì:

3. Khối lượng tịnh:.....Khối lượng cả bì:.....

4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):

5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Địa chỉ:

6. Nước xuất khẩu:

7. Cửa khẩu xuất:

8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....

Địa chỉ:

9. Cửa khẩu nhập:

10. Phương tiện vận chuyển:.....

11. Mục đích sử dụng:

12. Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu (nếu có):

13. Địa điểm kiểm dịch:

14. Thời gian kiểm dịch:

15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

16. Nơi hàng đến:.....

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

Tổ chức cá nhân đăng ký
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi.....giờ ngày.....tháng.....năm.....

Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch

Vào số số....., ngày...tháng...năm...
.....(*).....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:
.....

....., ngày...tháng...năm...
Chi cục Hải quan cửa khẩu.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phí kiểm dịch thực vật (KDTV): (Ban hành theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính:

a) Lô hàng có khối lượng nhỏ:

STT	Chi tiêu	Phí kiểm dịch (1.000 đồng)
1	Lô hàng thương phẩm: < 1 kg	15
	1 - 10 kg	45
	> 10 kg	Theo mục 3
2	Lô hàng dùng làm giống: <= 1 kg	120
	> 1 kg	Theo mục 3
3	Đối với lô hàng là cây giống, cành ghép, mắt ghép, hom giống tính theo đơn vị cá thể:	
	<= 10 cá thể	25
	11 - 100 cá thể	Theo mục 2
	101 - 1.000 cá thể	Theo mục 2
	> 1.000 cá thể	Theo mục 2

Ghi chú:

- Lô hàng giống dùng cho nghiên cứu khoa học kỹ thuật được miễn bao gồm những trường hợp khối lượng: <= 01 kg (hạt giống), <= 10 cá thể (cành ghép, mắt ghép, hom giống, củ giống) đối với 1 chủng loại giống cho 1 lần nhập, xuất khẩu.

- Lô hàng có khối lượng nhỏ <= 0,1 kg (hạt giống), <= 10 cá thể (cành ghép, mắt ghép, hom giống, củ giống) bao gồm nhiều chủng loại giống khác nhau được tính phí KDTV tương đương với phí KDTV của 1 lô hàng.

b) Lô hàng có khối lượng lớn:

Trọng lượng lô hàng (tấn, m ³)	Mức thu (1.000 đồng)								Tổng cộng
	Giấy tờ	Kiểm tra thu thập sinh vật gây hại	Lấy mẫu	Phân tích giám định					
				Côn trùng	Nấm	Tuyến trùng	Cỏ dại	Vi khuẩn	
<1	10	8	10	30	50	40	30	100	278
1 - 5	10	10	15	30	50	40	30	100	285
6 -10	10	12	20	30	50	40	30	100	292
11 - 15	10	14	25	30	50	40	30	100	299
16 - 20	10	16	30	30	50	40	30	100	306
21 - 25	10	18	35	30	50	40	30	100	313
26 - 30	10	20	40	30	50	40	30	100	320
31 - 35	10	22	45	30	50	40	30	100	327
36 - 40	10	24	50	30	50	40	30	100	334
41 - 45	10	26	55	30	50	40	30	100	341
46 - 50	10	28	60	30	50	40	30	100	348
51 - 60	10	35	70	30	50	40	30	100	365
61 - 70	10	40	75	30	50	40	30	100	375
71 - 80	10	45	80	30	50	40	30	100	385
81 - 90	10	50	85	30	50	40	30	100	395
91 - 100	10	55	90	30	50	40	30	100	405
101 - 120	10	60	100	30	50	40	30	100	420
121 - 140	10	65	105	30	50	40	30	100	430
141 - 160	10	70	110	30	50	40	30	100	440
161 - 180	10	75	115	30	50	40	30	100	450

181 - 200	10	80	120	30	50	40	30	100	460
201 - 230	10	90	130	30	50	40	30	100	480
231 - 260	10	95	135	30	50	40	30	100	490
261 - 290	10	100	140	30	50	40	30	100	500
291 - 320	10	105	145	30	50	40	30	100	510
321 - 350	10	110	150	30	50	40	30	100	520
351 - 400	10	115	155	30	50	40	30	100	530
401 - 450	10	120	160	30	50	40	30	100	540
451 - 500	10	125	165	30	50	40	30	100	550

Ghi chú: Trong biểu trên, các mức thu được hiểu như sau:

- Các mức thu chưa bao gồm chi phí đi đến địa điểm lấy mẫu, kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Thực tế phân tích, giám định chỉ tiêu nào thì thu phí theo chỉ tiêu đó.

- Gieo trồng, theo dõi, kiểm tra, kiểm dịch giống cây trồng nhập khẩu trong vườn ươm theo mức thực chi.

c) Trường hợp pháp luật quy định không làm thủ tục kiểm dịch thực vật xuất khẩu thì không thu phí kiểm dịch thực vật. Trường hợp khách hàng có yêu cầu kiểm dịch thực vật xuất khẩu hoặc thực vật xuất khẩu phải thực hiện kiểm dịch theo các điều ước quốc tế mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia thì việc thu phí kiểm dịch thực vật xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại mục này.

d) Lô hàng có khối lượng trên 500 (tấn, m³) được phân lô theo hàm tầu, kho để kiểm dịch và tính phí kiểm dịch, hoặc cộng thêm phí kiểm dịch phần còn lại (phí giấy tờ đối với cả lô hàng không đối) với phí kiểm dịch của lô 500 (tấn, m³).

e) Phí giám sát khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được tính bằng 50% mức thu theo mục này./.

6. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, tập huấn an toàn hóa chất về thuốc bảo vệ thực vật.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký danh sách người tham gia trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gọi điện thoại về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả -Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>- Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức tập huấn theo quy định (thời gian tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thuốc BVTV là 3 tháng, thời gian lớp tập huấn an toàn hóa chất là 3 ngày).</p> <p>Bước 3. Ngay sau khi kết thúc lớp bồi dưỡng, nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Danh sách đăng ký tham dự lớp bồi dưỡng, tập huấn an toàn hóa chất;</p> <p>- 02 ảnh chân dung cỡ 4cm x 6cm.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	Ngay sau khi kết thúc lớp bồi dưỡng, có kết quả đạt yêu cầu
Đối tượng thực hiện	Cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT, ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>

7. Tên thủ tục: Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật trên các phương tiện của địa phương.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì thụ lý giải quyết và viết giấy hẹn; nếu hồ sơ không hợp lệ, chưa đầy đủ thì trả lại và hướng dẫn công dân chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>* Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu); - Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật; - Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự); - Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ..
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy xác nhận
Lệ phí (nếu có)	Phí thẩm định nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật. Mức thu: 600.000đ/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XXXIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT, ngày 08/6/2015).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT, ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 223/2012/TT-BTC, ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính.

Phụ lục XXXIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên công ty, doanh nghiệp
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

Số giấy phép hoạt động :.....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
...			

Các tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

8. Tên thủ tục: Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có cả hoạt động sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở trồng trọt).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất trồng trọt, có hoạt động sơ chế, chế biến, bảo quản, nông sản có nguồn gốc thực vật tại cơ sở (rau, củ, quả, và các sản phẩm từ rau, củ, quả, chè) nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho cá nhân.</p> <p>Bước 3. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiến hành kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.</p> <p>Bước 4. Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho cá nhân. Trường hợp những người không đủ điều kiện cấp Giấy xác nhận kiến thức ATTP, hẹn ngày tổ chức kiểm tra lại.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận trực tiếp kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Đối với tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo mẫu 01a); - Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo mẫu 01b); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức); - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. <p>* Đối với cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo mẫu 01a); - Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân; - Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>13 (mười ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân.</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum</p>
<p>Kết quả</p>	<p>Giấy xác nhận</p>
<p>Phí, lệ phí</p>	<p>Không</p>
<p>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01a, Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT); - Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01b Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT);

Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, ngày 25/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2013 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công thương; - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Mẫu số 01a - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số..... cấp
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do
..... (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và
nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho
chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của(*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:

* chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.

9. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở trồng trọt.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất trồng trọt, cơ sở chế, chế biến, bảo quản, tại cơ sở (rau, củ, quả, và các sản phẩm từ rau, củ, quả; ngũ cốc) nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở, bộ phận tiếp nhận phải xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi giấy hẹn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>Bước 3. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận hồ sơ thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, xếp loại cơ sở do đơn vị mình thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại).</p> <p>Bước 4. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (nếu đủ điều kiện). Trường hợp không cấp giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận trực tiếp kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (theo mẫu); - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất trồng trọt, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (Bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (theo mẫu); - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất trồng trọt, có hoạt động sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm tại cơ sở đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh); - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất trồng trọt, có hoạt động sơ chế, chế biến kinh doanh thực phẩm tại cơ sở đã được cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Phí, lệ phí	- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản: 150.000 đ/lần cấp.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm (phụ lục VI Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014); - Bản thuyết minh Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (phụ lục VII Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014);
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, ngày 25/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2013 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công thương; - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 381 /QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Phụ lục VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45 /2014/TT-BNNPTNT ngày 03 /12/2014
quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở
sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum.

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoạiFax Email.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
...

Phụ lục VII

**BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT,
TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45 /2014/TT-BNNPTNT ngày 03 /12/2014
quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở
sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài
DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần
DN tư nhân Khác
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
+ Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:
2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

- Nước máy công cộng Nước giếng khoan
 Hệ thống xử lý: Có Không
 Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

- Tự sản xuất Mua ngoài
 Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

- + Lao động trực tiếp: người.
 + Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

10. Tên thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở hoạt động trồng trọt, có sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở (đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Trước 6 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum - Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của cơ sở, bộ phận tiếp nhận phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn, nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung;</p> <p>Bước 3. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bộ phận chuyên môn thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại);</p> <p>Bước 4. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (nếu cơ sở đủ điều kiện). Trường hợp không cấp lại giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận trực tiếp kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Kiểm tra tại cơ sở.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm <i>(theo mẫu)</i>; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại <i>(ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên)</i>. Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu. - Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở <i>(theo mẫu)</i>; - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm <i>(có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh)</i>. - Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe <i>(có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh)</i>. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum</p>
<p>Kết quả</p>	<p>Giấy chứng nhận</p>
<p>Lệ phí (nếu có)</p>	<p>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản: 150.000 đ/lần cấp.</p>

Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm (phụ lục VI Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014) ⁽³¹⁾ ; - Bản thuyết minh Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (phụ lục VII Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014) ⁽³²⁾ ;
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, ngày 25/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2013 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công thương; - Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 381 /QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

⁽³¹⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 9, mục V - Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (phụ lục VI)

⁽³²⁾ Sử dụng mẫu Bản thuyết minh tại TTHC số 9, mục V - Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (phụ lục VII)

11. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở trồng trọt, có hoạt động sơ chế, chế biến được thực hiện tại cơ sở (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Cơ sở nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bộ phận thường trực phải kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận trực tiếp kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Kiểm tra tại cơ sở.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (theo mẫu);</p> <p>- Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm);</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đ/lần cấp
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm (phụ lục VI Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014) ⁽³³⁾
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;</p> <p>- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, ngày 25/4/2012 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2013 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công thương;</p> <p>- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.</p>

⁽³³⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 9, mục V - Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (phụ lục VI)

VI. LĨNH VỰC THỦY LỢI (05 TTHC)

1. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Kon Tum.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Tổ chức làm thủ tục thẩm định Quy trình vận hành an toàn hồ chứa tiến hành lập hồ sơ và nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 296 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ;</p> <p>Bước 3: Chi cục Thủy lợi (hoặc Hội đồng thẩm định) tổ chức thẩm định, sau đó gửi Tờ trình kèm báo cáo kết quả thẩm định và Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa lên cho Lãnh đạo Sở xem xét, lập Tờ trình trình UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>Bước 4: UBND tỉnh phê duyệt Quy trình và trả kết quả cho Sở Nông nghiệp và PTNT.</p> <p>Bước 5: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi nhận kết quả và có trách nhiệm trả kết quả cho tổ chức.</p> <p>Bước 6: Tổ chức nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
<p>Cách thức thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại cơ quan hành chính - Kiểm tra, xác minh tại hiện trường (trường hợp cần thiết).
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa (theo mẫu). Riêng Tờ trình của đơn vị quản lý hồ chứa nước (đang được khai thác) trình cơ quan thẩm định phải có ý kiến đồng trình của cơ quan chủ quản. - Bản dự thảo “Quy trình vận hành an toàn hồ chứa” (theo 3.1 Tiêu chuẩn ngành 14 TCN121-2002 - theo mẫu). - Thuyết minh phương pháp, trình tự và kết quả tính toán kỹ thuật. Các phụ lục kèm theo (theo 2.3 Tiêu chuẩn 14 TCN121-2002). Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Bản thuyết minh phương pháp, trình tự và kết quả tính toán; quá trình lựa chọn các chỉ tiêu thông số kỹ thuật để lập QTVHĐT (cuối bản thuyết minh đơn vị lập QTVHĐT phải ký và đóng dấu). + Các phụ lục kèm theo Bản thuyết minh, gồm: Các biểu thống kê số liệu; biểu đồ, bảng tra kỹ thuật; các loại bản đồ (lưu vực, vùng tưới, hành lang an toàn xả lũ...). - Các tài liệu cơ bản (theo 2.1 Tiêu chuẩn 14 TCN121-2002). Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với hồ chứa nước khi thiết kế mới hoặc cải tạo nâng cấp, tài liệu cơ bản để lập QTVHĐT là tài liệu thiết kế mới hoặc cải tạo nâng cấp hồ chứa nước đó. + Đối với các hồ chứa nước đang khai thác, tài liệu cơ bản để lập QTVHĐT là tài liệu thiết kế cũ và tài liệu được thu thập, bổ sung trong quá trình quản lý khai thác. - Các văn bản góp ý của địa phương, ngành liên quan và bản tiếp thu ý kiến của cơ quan biên soạn Quy trình vận hành an toàn hồ chứa) <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>15 ngày làm việc</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân (quản lý hồ chứa)</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển

	Nông thôn - Chi cục Thủy lợi tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên Môi trường, UBND các huyện, thành phố có dự án, ngoài ra tùy thuộc theo mức độ ảnh hưởng của công trình có thể mời thêm các Sở: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương tỉnh.
Kết quả	Quyết định hành chính
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Tờ trình đề nghị thẩm định Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa (<i>phụ lục II - Quyết định số 48/2002/QĐ-BNN ngày 10/6/2002</i>). - Bản dự thảo “Quy trình vận hành an toàn hồ chứa” (<i>phụ lục I - Quyết định số 48/2002/QĐ-BNN ngày 10/6/2002</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	- Luật Đê điều số 79/2006/QH11, ngày 29/11/2006; - Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ; - Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/11/2008 của Chính phủ; - Quyết định số 285/2006/QĐ-TTg ngày 25/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 48/2002/QĐ-BNN ngày 10/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Phụ lục II (bắt buộc) :
MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH QTVHĐT HỒ CHỨA NƯỚC
TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH THẨM ĐỊNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số.....
-----o0o-----
....., ngày.....tháng.....năm 20.....

TỜ TRÌNH
Đề nghị thẩm định
Qui trình vận hành điều tiết hồ chứa nước..... tỉnh.....

Kính gửi : [*tên cơ quan thẩm định*]

- Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi.
- Căn cứ Tiêu chuẩn "Qui định về lập và ban hành Qui trình vận hành điều tiết" (14TCN.....- 2002) của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Căn cứ.....

Qui trình vận hành điều tiết hồ chứa nước..... đã được..... lập.....

[*Tên đơn vị trình thẩm định*] lập Tờ trình kính đề nghị [*tên cơ quan thẩm định*] thẩm định Qui trình vận hành điều tiết hồ chứa nước.....

Hồ sơ kèm theo gồm có :

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Nơi nhận: *Ý kiến của cơ quan chủ quản*^[1] [*tên đơn vị trình thẩm định*]

- Như trên

-

.....

- Lưu.

Thủ trưởng
(*Ký tên và đóng dấu*)

Thủ trưởng
(*Ký tên và đóng dấu*)

Ghi chú : [1] dùng cho hồ chứa nước đang khai thác, có thể viết thành văn bản riêng kèm theo hồ sơ trình duyệt.

Mẫu "QUI TRÌNH VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT HỒ CHỨA NƯỚC"
QUI TRÌNH VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT
hồ chứa nước..... tỉnh.....

Chương I : Qui định chung.

1. Những qui định về quản lý khai thác và bảo vệ an toàn hồ chứa nước phải tuân thủ Luật Tài nguyên nước, Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, các qui định hiện hành về phòng chống lụt bão.

2. Qui định chế độ vận hành điều tiết hồ chứa nước bảo đảm an toàn công trình, an toàn sản xuất và an toàn hạ du.

3. Qui định việc phối hợp trách nhiệm giữa đơn vị quản lý hồ chứa với địa phương, ngành liên quan, trong mùa lũ, mùa kiệt và khi công trình có sự cố.

4. Các qui định khác tùy theo điều kiện cụ thể của hồ chứa nước.

Chương II : Vận hành điều tiết trong mùa lũ.

1. Mực nước hồ lớn nhất và nhỏ nhất từng tháng.

2. Chế độ, thời gian, lượng nước xả hoặc tăng mức độ cấp nước khi mực nước hồ chứa cao hơn đường phòng phá hoại của biểu đồ điều phối.

3. Các trường hợp xả chậm để bảo đảm an toàn hạ du, các trường hợp xả nhanh để đảm bảo an toàn công trình.

4. Các trường hợp sử dụng tràn phụ hoặc tràn sự cố để bảo đảm an toàn hồ chứa nước.

Chương III : Vận hành điều tiết trong mùa kiệt.

1. Mực nước hồ lớn nhất và nhỏ nhất từng tháng.

2. Chế độ cấp nước bình thường cho các đối tượng dùng nước, khi mực nước hồ chứa ở trong vùng cấp nước bình thường của biểu đồ điều phối.

3. Lập kế hoạch và chế độ cấp nước luân phiên hoặc giảm mức độ cấp nước theo thứ tự ưu tiên của các đối tượng dùng nước, khi mực nước hồ chứa thấp hơn đường hạn chế cấp nước của biểu đồ điều phối.

4. Các trường hợp cụ thể phải sử dụng dung tích chết của hồ chứa nước.

Chương IV : Vận hành điều tiết khi hồ chứa nước có sự cố.

1. Chế độ vận hành hồ chứa nước khi có sự cố ở các công trình sau đây: đập chính, đập phụ, tràn chính, tràn phụ, công lấy nước.

2. Biện pháp hỗ trợ, bảo đảm an toàn hồ chứa nước và an toàn cấp nước khi hồ chứa có sự cố.

Chương V : Quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn.

1. Qui định trạm quan trắc các yếu tố KTTV : Lượng mưa, lượng dòng chảy đến hồ, mực nước hồ, lượng nước thấm qua công trình, lượng bốc hơi mặt hồ, nhiệt độ...

2. Qui định chế độ quan trắc các yếu tố KTTV theo mùa, vụ sản xuất phù hợp với nhiệm vụ cụ thể của hồ chứa nước.

3. Qui định đo kiểm tra định kỳ chất lượng nước của hồ chứa nước.

4. Qui định chế độ báo cáo, sử dụng và lưu trữ tài liệu, số liệu.

5. Qui định chế độ kiểm tra định kỳ các thiết bị, dụng cụ quan trắc.

Chương VI : Trách nhiệm và quyền hạn.

1. Đơn vị quản lý hồ chứa nước :

a. Vận hành hồ chứa nước theo QTVIHDT đã duyệt.

b. Lập các phương án dự báo ngắn hạn nước đến hồ, trên cơ sở các dự báo chung của cơ quan KTTV quốc gia.

c. Lập kế hoạch cấp nước ổn định, công bằng, hợp lý.

d. Yêu cầu hoặc kiến nghị các cấp chính quyền, các ngành liên quan và các hộ dùng

nước thực hiện QTVHĐT, tham gia bảo vệ an toàn công trình, an toàn sản xuất và khi xả lũ.

e. Theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố. Kiểm tra, sửa chữa công trình trước và sau mùa mưa lũ, bảo đảm sử dụng công trình an toàn, lâu dài.

g. Thu thập và tổng hợp ý kiến đóng góp, trình cấp thẩm quyền đề bổ sung, sửa đổi QTVHĐT.

h. Lập biên bản và đề nghị xử lý các vi phạm, trong quá trình thực hiện QTVHĐT.

i. Hàng năm, báo cáo việc thực hiện QTVHĐT, kế hoạch trữ nước và phương án phòng chống lụt bão, bảo đảm an toàn hồ chứa nước về cấp thẩm quyền.

2. *Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn :*

a. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện QTVHĐT.

b. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện QTVHĐT.

c. Báo cáo cấp thẩm quyền xử lý các trường hợp cần thiết (phòng chống lụt bão, bảo đảm an toàn công trình, các vi phạm...).

3. *Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW :*

a. Chỉ đạo và quyết định việc xả lũ theo phương án phòng chống lụt bão và bảo vệ an toàn hồ chứa nước.

b. Chỉ đạo điều hành đơn vị quản lý hồ chứa nước và các địa phương liên quan trong việc bảo đảm an toàn hạ du, khi hồ chứa nước xả lũ hoặc có sự cố.

c. Xử lý các vi phạm liên quan đến QTVHĐT.

4. *Chính quyền huyện, xã và tương đương :*

a. Hỗ trợ và phối hợp với đơn vị quản lý hồ chứa nước trong việc xử lý sự cố và bảo vệ an toàn công trình (phòng chống lụt bão, công trình có sự cố đột xuất...).

b. Ngăn chặn và xử lý các vi phạm liên quan đến việc thực hiện QTVHĐT theo thẩm quyền.

5. *Hộ dùng nước và các đơn vị hưởng lợi khác :*

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi, qui định cụ thể cho phù hợp với thực tế của các hộ dùng nước và các đơn vị hưởng lợi khác.

Chương VII : Tổ chức thực hiện.

1. Thời điểm thi hành QTVHĐT.

2. Nguyên tắc bổ sung, sửa đổi QTVHĐT.

3. Hình thức xử lý vi phạm theo pháp luật hiện hành.

TÊN CƠ QUAN PHÊ DUYỆT VÀ BAN HÀNH

Thủ trưởng
(*ký tên, đóng dấu*)

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO QUI TRÌNH VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT

Phụ Lục I : GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ HỒ CHỨA NƯỚC

- a. Vị trí, địa lý tự nhiên, địa hình, môi trường, hiện trạng lưu vực.
- b. Đặc điểm khí tượng thủy văn và chế độ mưa lũ hàng năm.
- c. Tình hình sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế và dân sinh.
- d. Cấp công trình và nhiệm vụ của hồ chứa nước.
- e. Các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật của hồ chứa nước; đặc điểm cấu tạo của các công trình thuộc hồ chứa nước (đập chính, đập phụ, tràn chính, tràn phụ, cống lấy nước).

Phụ lục II : Những căn cứ để lập QTVHĐT

- a. Cơ sở pháp lý để lập hoặc bổ sung, sửa đổi QTVHĐT. (Quyết định, Chỉ thị, dự án...).
- b. Tài liệu, số liệu KTTV.
- c. Các mục tiêu phải đạt được về phòng chống lũ, xả lũ và an toàn công trình.
- d. Các yêu cầu cấp nước, khai thác tổng hợp và môi trường.

Phụ lục III : Các tài liệu tính toán kỹ thuật

- a. Các biểu thống kê số liệu
- b. Các loại biểu đồ, bảng tra kỹ thuật.
- c. Các loại bản đồ lưu vực, vùng tưới, hành lang an toàn khi xả lũ.
- d. Các tài liệu liên quan khác.

2. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kon Tum.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 296 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Kiểm tra thực tế tại hiện trường: Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết; tổ chức, cá nhân có nhu cầu phải có mặt tại hiện trường để cùng xem xét kiểm tra.</p> <p>Nếu đủ điều kiện để cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
<p>Cách thức thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra hiện trường nếu cần thiết.
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (<i>theo mẫu</i>); - Đối với từng hoạt động cụ thể mà tổ chức, cá nhân đề nghị phải có văn bản sau: <ul style="list-style-type: none"> * Đối với các hoạt động như: Xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có; Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng; Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; Chôn phế thải, chất thải; Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp; - Báo cáo đánh giá tác động môi trường; * Đối với các hoạt động: Trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác

	<p>và bảo vệ công trình thủy lợi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp; * Đối với các hoạt động như: Khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; Hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp; - Báo cáo đánh giá tác động môi trường; * Đối với các hoạt động như: Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao chụp Sổ đăng kiểm xe mang theo bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ; - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; * Đối với các hoạt động như: Nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao công chứng hộ chiếu nổ mìn đối với các hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác; - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp; - Báo cáo đánh giá tác động môi trường”. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (<i>đối với các hoạt động: Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi</i>) - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (<i>đối với hoạt động Trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m</i>). - Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (<i>đối với các hoạt động: Khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ; Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật</i>

	<p>liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; Chôn phế thải, chất thải; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác)</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các hoạt động: Xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có; Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước)</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Thủy lợi tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị liên quan
Kết quả	Quyết định hành chính (Giấy phép)
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn xin cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Phụ lục 1 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ; - Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 1: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức, cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã...)

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên hệ thống công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:
- Vị trí của các hoạt động.....
- Thời hạn xin cấp phép....; từ... ngày... tháng.....năm, đến ngày... tháng... năm.....

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã...) xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

3. Tên thủ tục: Gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kon Tum.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 296 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Kiểm tra thực tế tại hiện trường: Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết; tổ chức, cá nhân có nhu cầu phải có mặt tại hiện trường để cùng xem xét kiểm tra.</p> <p>Nếu đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
<p>Cách thức thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra hiện trường nếu cần thiết.
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn (hoặc điều chỉnh nội dung) giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (theo mẫu); - Bản sao giấy phép đã được cấp; - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bổ sung hoặc Dự án đầu tư bổ sung, phương án bảo đảm an toàn cho công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép); - Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép đã được cấp; biên bản các lần vi phạm và hình thức xử phạt (nếu có); - Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các hoạt động: Trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m; Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi) - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các hoạt động: Khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ; Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; Chôn phế thải, chất thải; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác)

	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các hoạt động: Xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có; Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước)
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Thủy lợi tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị liên quan
Kết quả	Quyết định (Gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép)
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị gia hạn (hoặc điều chỉnh nội dung) giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Phụ lục 2 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)
Yêu cầu, điều kiện	- Thời hạn sử dụng Giấy phép được cấp đã hết. - Phải đủ điều kiện gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép.
Căn cứ pháp lý	- <i>Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001;</i> - <i>Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ;</i> - <i>Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i> - <i>Quyết định số 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i> - <i>Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

PHỤ LỤC 2: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG) GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức, cá nhân **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG)
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã....)

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn sử dụng điều chỉnh nội dung giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt động..... trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ..... đến.....

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã...) xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn, hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động xin gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung:.....
- Vị trí của các hoạt động
- Thời hạn đề nghị gia hạn...; từ.... ngày...: tháng... năm..., đến ngày... tháng... năm....

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã) xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin cấp phép) gia hạn (hoặc điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

4. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kon Tum.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi</p> <p>- Địa chỉ: 296 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan;</p> <p>- Kiểm tra hiện trường nếu cần thiết.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Bản sao công chứng giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể;</p> <p>- Bản đồ tỉ lệ 1/5.000 khu vực xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi;</p> <p>- Hồ sơ thiết kế, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với các trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật); báo cáo phân tích chất lượng nước thải dự kiến xả vào hệ thống công trình thủy lợi; trường hợp đang xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi phải có báo cáo phân tích chất lượng nước thải của phòng thí nghiệm hoặc trung tâm kiểm định chất lượng nước đạt tiêu chuẩn từ cấp Bộ trở lên;</p> <p>- Bản sao công chứng về giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Thủy lợi tỉnh Kon Tum</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường</p>
Kết quả	Quyết định (Giấy phép)
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (<i>Phụ lục 3 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Không

Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001;</i> - <i>Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ;</i> - <i>Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i> - <i>Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>
-----------------------	---

**PHỤ LỤC 3: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI
VÀO HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên tổ chức, cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
XẢ NƯỚC THẢI VÀO HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào công trình
thuỷ lợi).

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax.....

Đề nghị được cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thuỷ lợi (Tên hệ
thống công trình thuỷ lợi) do (tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác) tại vị
trí.....thuộc xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận)....., tỉnh (thành
phố)..... với các nội dung sau:

- Lưu lượng xả nước thải vào hệ thống công trình thuỷ lợi:
- Thời hạn xả nước thải năm, từ ... đến
- Chất lượng nước thải (có báo cáo phân tích chất lượng nước thải kèm theo).

Đề nghị (Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình
thuỷ lợi) xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép) được phép xả nước
thải vào vị trí nói trên.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các yêu cầu ghi trong giấy phép
được cấp.

Tên cơ quan xin cấp giấy phép

(Ký tên, đóng dấu)

5. Tên thủ tục: Gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) cấp Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kon Tum.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn sử dụng, hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 296 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thì trình cơ quan có thẩm quyền gia hạn, điều chỉnh giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh và thông báo lý do không gia hạn, không cho phép điều chỉnh nội dung giấy phép.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Thủy lợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra hiện trường nếu cần thiết.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn sử dụng hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi đã được cấp; - Hồ sơ thiết kế bổ sung, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép); - Báo cáo phân tích chất lượng nước thải của phòng thí nghiệm hoặc trung tâm kiểm định chất lượng nước đạt tiêu chuẩn từ cấp Bộ trở lên (đối với trường hợp đề nghị gia hạn sử dụng giấy phép). Báo cáo phân tích chất lượng nước thải dự kiến điều chỉnh xả vào hệ thống công trình thủy lợi (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép). <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Thủy lợi tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường
Kết quả	Quyết định (Gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép)
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị gia hạn sử dụng hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (<i>Phụ lục 4 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Không

Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001;</i> - <i>Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ;</i> - <i>Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i> - <i>Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>
-----------------------	---

PHỤ LỤC 4. MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG) GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức, cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG)
GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO
HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi).

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax.....

Đang xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Tên hệ thống công trình thủy lợi) do (tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác) tại vị trí.....thuộc xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận)....., tỉnh (thành phố).....theo giấy phép sốngàytháng.....năm do (tên cơ quan cấp giấy phép), thời hạn sử dụng giấy phép từđến.....

Đề nghị (Cơ quan có thẩm quyền gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi) xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục xả nước thải vào vị trí nói trên với các nội dung sau:

- Lưu lượng nước thải xả vào hệ thống công trình thủy lợi:
- Thời hạn xả nước thải năm, từ ... đến
- Chất lượng nước thải (Có báo cáo phân tích chất lượng nước thải kèm theo).

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các yêu cầu ghi trong giấy phép được cấp.

Tên cơ quan xin cấp giấy phép
(Ký tên, đóng dấu)

VII. LĨNH VỰC THANH TRA (05 TTHC)

1. Tên thủ tục: Giải quyết khiếu nại lần đầu

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tiếp nhận đơn khiếu nại: Nếu khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc sở và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, người khiếu nại phải có đơn và các tài liệu liên quan (<i>nếu có</i>) gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum hoặc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (<i>nếu biết địa điểm làm việc</i>).</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Thụ lý giải quyết khiếu nại: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết và thông báo về việc thụ lý giải quyết cho người khiếu nại; trường hợp không thụ lý để giải quyết thì nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3. Xác minh nội dung khiếu nại: Trong thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm:</p> <p>+ Kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp, nếu khiếu nại đúng thì ra quyết định giải quyết khiếu nại ngay.</p> <p>+ Trường hợp chưa có cơ sở kết luận nội dung khiếu nại thì tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc giao cơ quan thanh tra nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại.</p> <p>Bước 4. Tổ chức đối thoại (<i>nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau</i>): Đại diện cơ quan giải quyết khiếu nại trực tiếp gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại; thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại.</p> <p>Khi đối thoại, người giải quyết nêu rõ nội dung cần đối thoại; kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền phát biểu ý kiến, đưa ra những bằng chứng liên quan đến vụ việc khiếu nại và yêu cầu của mình.</p> <p>Việc đối thoại được lập thành biên bản; biên bản ghi rõ ý kiến của những người tham gia; kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do, biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại. Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.</p> <p>Bước 5. Ra quyết định giải quyết khiếu nại: Giám đốc Sở hoặc thủ trưởng cơ quan thuộc Sở ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản và trong thời hạn 03 ngày làm việc và gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan quản lý cấp trên.</p>
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Ngoài cơ quan.
Thành phần, số lượng	a. Thành phần hồ sơ bao gồm:

hồ sơ	- Đơn khiếu nại (<i>theo mẫu</i>) hoặc bản ghi lời khiếu nại; - Tài liệu, chứng cứ có liên quan (<i>nếu có</i>); b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra Sở; cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.
Kết quả	Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn khiếu nại (<i>mẫu số 01A-KN Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	1. Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại. 2. Người khiếu nại phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; trong trường hợp thông qua người đại diện để thực hiện việc khiếu nại thì người đại diện phải theo quy định tại Điều 12, Điều 16 Luật khiếu nại (<i>Có phụ lục kèm theo</i>). 3. Người khiếu nại phải làm đơn khiếu nại và gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật khiếu nại. 4. Việc khiếu nại chưa có quyết định giải quyết lần hai. 5. Việc khiếu nại chưa được toà án thụ lý để giải quyết.
Căn cứ pháp lý	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 Thanh tra Chính phủ. - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ

Mẫu số 01A-KN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi:(1)

Họ và tên: (2); Mã số hồ sơ(3)

Địa chỉ:

Khiếu nại (4)

Nội dung khiếu nại (5)

.....

.....

(Tài liệu, chứng cứ kèm theo - nếu có).

Người khiếu nại
(ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(2) Họ tên của người khiếu nại.

- Nếu là đại diện khiếu nại cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện.

- Nếu là người được ủy quyền khiếu nại thì ghi rõ theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

(3) Nội dung này do cơ quan giải quyết khiếu nại ghi.

(4) Khiếu nại lần đầu (hoặc lần hai) đối với quyết định, hành vi hành chính gì, của ai?

(5) Nội dung khiếu nại

- Ghi tóm tắt sự việc dẫn đến khiếu nại;

- Yêu cầu (đề nghị) của người khiếu nại (nếu có).

Phụ lục:

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại

1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Tự mình khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại;

Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại;

b) Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

c) Tham gia đối thoại hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại;

d) Được biết, đọc, sao chụp, sao chép, tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

đ) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

e) Được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại;

g) Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó;

h) Nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

i) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

k) Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật tố tụng hành chính;

l) Rút khiếu nại.

2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

b) Trình bày trung thực sự việc, đưa ra chứng cứ về tính đúng đắn, hợp lý của việc khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;

c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

3. Người khiếu nại thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của luật sư, trợ giúp viên pháp lý

1. Luật sư, trợ giúp viên pháp lý có các quyền sau đây:

a) Tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại theo đề nghị của người khiếu nại;

b) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại khi được ủy quyền;

c) Xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại theo yêu cầu của người khiếu nại và cung cấp chứng cứ cho người giải quyết khiếu nại;

d) Nghiên cứu hồ sơ vụ việc, sao chụp, sao chép các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước.

2. Luật sư, trợ giúp viên pháp lý tham gia giải quyết khiếu nại có nghĩa vụ sau đây:

a) Xuất trình thẻ luật sư, thẻ trợ giúp viên pháp lý và quyết định phân công trợ giúp pháp lý, giấy yêu cầu giúp đỡ về pháp luật hoặc giấy ủy quyền của người khiếu nại;

b) Thực hiện đúng nội dung, phạm vi mà người khiếu nại đã ủy quyền;

3. Luật sư, trợ giúp viên pháp lý thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tên thủ tục: *Giải quyết khiếu nại lần thứ hai*

Trình tự thực hiện

Bước 1. Tiếp nhận đơn: Nếu khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở, thì người khiếu nại phải có đơn kèm theo bản sao quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và các tài liệu liên quan gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Sở Nông nghiệp và PTNT

- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần

Bước 2. Thụ lý đơn: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, cơ quan có thẩm quyền thụ lý đơn để giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu biết; trường hợp không thụ lý để giải quyết thì thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại và nêu rõ lý do.

Bước 3. Xác minh vụ việc khiếu nại: Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào nội dung, tính chất của việc khiếu nại tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại.

Bước 4. Tổ chức đối thoại: Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, cơ quan có thẩm quyền tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại, hướng giải quyết khiếu nại, thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc gặp gỡ, đối thoại.

Khi đối thoại, đại diện cơ quan thẩm quyền nêu rõ nội dung cần đối thoại; kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền phát biểu ý kiến, đưa ra những bằng chứng liên quan đến vụ việc khiếu nại và yêu cầu của mình.

Việc đối thoại được lập thành biên bản; biên bản ghi rõ ý kiến của những người tham gia; kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do, biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại. Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.

Bước 5. Ra quyết định giải quyết khiếu nại và công bố quyết định giải quyết: Giám đốc Sở ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản. Nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại có các nội dung: Ngày, tháng, năm ra quyết định; Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại; Nội dung khiếu nại; Kết quả giải quyết khiếu nại của người giải quyết khiếu nại lần đầu; Kết quả xác minh nội dung khiếu nại; Kết quả đối thoại; Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại; Kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ. Trường hợp khiếu nại là đúng hoặc đúng một phần thì yêu cầu người có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại. Trường hợp kết luận nội dung khiếu nại là sai toàn bộ thì yêu cầu người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghiêm chỉnh quyết định hành chính, hành vi hành chính; Việc bồi thường cho người bị thiệt hại (nếu có); Quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, người có thẩm quyền giải quyết phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức,

	cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến. Sở công khai quyết định giải quyết khiếu nại theo một trong các hình thức sau đây: Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác; Niêm yết tại trụ sở cơ quan; Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a. Thành phần hồ sơ bao gồm: - Đơn khiếu nại (<i>theo mẫu</i>) hoặc bản ghi lời khiếu nại; - Tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp; - Biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định (<i>nếu có</i>); - Biên bản tổ chức đối thoại (<i>nếu có</i>); - Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; - Các tài liệu khác có liên quan. b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.
Kết quả	Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn khiếu nại (<i>mẫu số 01A-KN Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016</i>) ⁽³⁴⁾
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	1. Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại. 2. Người khiếu nại phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. 3. Người khiếu nại phải làm đơn khiếu nại và gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Khiếu nại. 4. Việc khiếu nại chưa có quyết định giải quyết lần hai. 5. Việc khiếu nại chưa được toà án thụ lý để giải quyết.
Căn cứ pháp lý	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 Thanh tra Chính phủ. - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ

⁽³⁴⁾ Sử dụng Mẫu đơn tại TTHC số 1, mục VII – Lĩnh vực Thanh tra (mẫu số 01-KN)

3. Tên thủ tục: *Giải quyết tố cáo.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Công dân phải có đơn tố cáo và các tài liệu liên quan gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum hoặc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (<i>nếu biết địa điểm làm việc</i>).</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Khi nhận được tố cáo thì người giải quyết tố cáo có trách nhiệm phân loại và xử lý như sau:</p> <p>1. Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở và thủ trưởng cơ quan thuộc Sở thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo, đồng thời thông báo cho người tố cáo biết lý do việc không thụ lý, nếu có yêu cầu; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn kiểm tra, xác minh có thể dài hơn nhưng không quá 15 ngày.</p> <p>2. Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở và thủ trưởng cơ quan thuộc Sở thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, người tiếp nhận phải chuyển đơn tố cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo, nếu có yêu cầu. Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận tố cáo hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.</p> <p>Bước 2. Thụ lý, xác minh nội dung tố cáo: Giám đốc Sở và thủ trưởng cơ quan thuộc Sở ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo (sau đây gọi tắt là quyết định thụ lý). Việc thay đổi, bổ sung nội dung quyết định thụ lý phải thực hiện bằng quyết định của người giải quyết tố cáo. Trong trường hợp người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh thì trong quyết định thụ lý phải thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh) có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Trưởng đoàn xác minh hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh (sau đây gọi chung là Tổ trưởng Tổ xác minh). Trong quá trình xác minh, Tổ xác minh phải làm việc với người bị tố cáo, người tố cáo; thu thập các tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo; báo cáo kết quả xác minh...</p> <p>Bước 3. Kết luận nội dung tố cáo: Căn cứ báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, các thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Giám đốc Sở hoặc thủ trưởng cơ quan thuộc Sở ban hành kết luận nội dung tố cáo.</p> <p>Bước 4. Xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo: Ngay sau khi có kết luận về nội dung tố cáo, Giám đốc Sở và thủ trưởng cơ quan thuộc Sở phải căn cứ kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo để xử lý theo quy định.</p> <p>Bước 5. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo.</p> <p>1. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo theo quy định.</p> <p>2. Trong trường hợp người tố cáo có yêu cầu thì người giải quyết tố cáo thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo, trừ những thông tin thuộc bí mật Nhà nước. Việc thông báo kết quả giải quyết tố cáo được thực hiện bằng một trong hai hình thức sau:</p> <p>a) Gửi kết luận nội dung tố cáo, quyết định, văn bản xử lý tố cáo.</p>
---------------------------	---

	b) Gửi văn bản thông báo kết quả giải quyết tố cáo theo mẫu, trong đó phải nêu được kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo, nội dung quyết định, văn bản xử lý tố cáo.
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ giải quyết tố cáo gồm: - Đơn tố cáo hoặc Biên bản ghi nội dung tố cáo trực tiếp; - Văn bản và các tài liệu khác có liên quan đến nội dung tố cáo (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở và thủ trưởng cơ quan thuộc Sở. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra Sở và cơ quan thuộc Sở
Kết quả thực hiện TTHC	Kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý người có hành vi vi phạm bị tố cáo.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết tố cáo trong các trường hợp sau đây: a) Tố cáo về vụ việc đã được người đó giải quyết mà người tố cáo không cung cấp thông tin, tình tiết mới; b) Tố cáo về vụ việc mà nội dung và những thông tin người tố cáo cung cấp không có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật; c) Tố cáo về vụ việc mà người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không đủ điều kiện để kiểm tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật, người vi phạm.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật tố cáo số 03/2011/QH13; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.

4. Tên thủ tục: *Tiếp công dân.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Đón tiếp, xác định nhân thân của công dân. Người tiếp công dân đón tiếp công dân tại Phòng Tiếp công dân của Sở Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở và yêu cầu công dân nêu rõ họ tên, địa chỉ hoặc xuất trình giấy tờ tùy thân; trường hợp được ủy quyền thì yêu cầu xuất trình giấy ủy quyền.</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum hoặc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (nếu biết địa điểm làm việc).- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2: Nghe, ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tiếp nhận thông tin, tài liệu</p> <ul style="list-style-type: none">- Khi người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có đơn trình bày nội dung rõ ràng, đầy đủ thì người tiếp công dân cần xác định nội dung vụ việc, yêu cầu của công dân để xử lý cho phù hợp.- Nếu nội dung đơn khiếu nại tố cáo, kiến nghị, phản ánh không rõ ràng, chưa đầy đủ thì người tiếp công dân đề nghị công dân viết lại đơn hoặc viết bổ sung vào đơn những nội dung chưa rõ, còn thiếu.- Trường hợp không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì người tiếp công dân hướng dẫn công dân viết đơn theo quy định của pháp luật.- Nếu công dân trình bày trực tiếp thì người tiếp công dân ghi chép đầy đủ, trung thực, chính xác nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do công dân trình bày; nội dung nào chưa rõ thì đề nghị công dân trình bày thêm, sau đó đọc lại cho công dân nghe và đề nghị công dân ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.- Trường hợp nhiều người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về cùng một nội dung thì người tiếp công dân hướng dẫn họ cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; người tiếp công dân ghi lại nội dung bằng văn bản.- Trường hợp đơn có nhiều nội dung khác nhau thì người tiếp công dân hướng dẫn công dân tách riêng từng nội dung để gửi đến đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.- Người tiếp công dân tiếp nhận các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do công dân cung cấp (nếu có) và phải viết, giao giấy biên nhận các tài liệu đã tiếp nhận cho công dân. <p>Bước 3: Phân loại, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại nơi tiếp công dân</p> <ul style="list-style-type: none">- Việc phân loại, xử lý khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết trong quá trình tiếp công dân được thực hiện như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và đủ điều kiện thụ lý thì người tiếp công dân tiếp nhận thông tin, tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời báo cáo với Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thụ lý.+ Trường hợp khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền để khiếu nại, tố cáo.Nếu khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp dưới mà chưa được giải quyết thì xử lý như sau:<ul style="list-style-type: none">Trường hợp khiếu nại thuộc thẩm quyền của cấp dưới nhưng quá thời gian quy định mà chưa được giải quyết thì người tiếp công dân phải báo cáo với thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định.
---------------------------	--

	<p>Trường hợp khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết thì người tiếp công dân báo cáo thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị để xem xét, giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại.</p> <p>Trường hợp tổ cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới trực tiếp nhưng quá thời gian quy định mà chưa được giải quyết thì người tiếp công dân báo cáo thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị để ra văn bản yêu cầu cấp dưới giải quyết.</p> <p>+ Trường hợp khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật thì người tiếp công dân giải thích, hướng dẫn để người đến khiếu nại, tố cáo chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và yêu cầu công dân chấm dứt việc khiếu nại, tố cáo.</p> <p>+ Trường hợp nhận được đơn khiếu nại, tố cáo không do người khiếu nại, người tố cáo trực tiếp chuyển đến thì thực hiện việc phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.</p> <p>- Việc phân loại, chuyển <i>nội dung kiến nghị, phản ánh</i> đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết trong quá trình tiếp công dân được thực hiện như sau:</p> <p>+ Trường hợp kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì người tiếp công dân báo cáo người có thẩm quyền để nghiên cứu, xem xét, giải quyết hoặc phân công bộ phận nghiên cứu, xem xét, giải quyết.</p> <p>+ Trường hợp kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì người tiếp công dân chuyển đơn hoặc chuyển bản ghi lại nội dung trình bày của người kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền để nghiên cứu, tiếp thu, xem xét, giải quyết.</p>
Cách thức thực hiện	Công dân đến trụ sở, địa điểm tiếp công dân
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>+ Đơn khiếu nại (<i>theo mẫu</i>), tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (<i>có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân</i>);</p> <p>+ Các tài liệu, giấy tờ do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp (<i>nếu có</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	Cho đến khi kết thúc việc tiếp công dân
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra Sở và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.</p>
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn khiếu nại (<i>mẫu số 01A-KN Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016</i>) ⁽³⁵⁾
Kết quả	Giấy biên nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng; công văn hướng dẫn; công văn chuyển đơn.
Yêu cầu, điều kiện	<p>Người tiếp công dân được từ chối tiếp người đến nơi tiếp công dân trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người trong tình trạng say do dùng chất kích thích, người mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; 2. Người có hành vi đe dọa, xúc phạm cơ quan, tổ chức, đơn vị, người tiếp công dân, người thi hành công vụ hoặc có hành vi khác vi phạm

⁽³⁵⁾ Sử dụng Mẫu đơn tại TTHC số 1, mục VII – Lĩnh vực Thanh tra (mẫu số 01-KN)

	<p>nội quy nơi tiếp công dân;</p> <p>3. Người khiếu nại, tố cáo về vụ việc đã giải quyết đúng chính sách, pháp luật, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, thông báo bằng văn bản và đã được tiếp, giải thích, hướng dẫn nhưng vẫn cố tình khiếu nại, tố cáo kéo dài;</p> <p>4. Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tiếp công dân năm 2013; - Luật khiếu nại năm 2011; - Luật tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ. - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.

5. Tên thủ tục: *Xử lý đơn thư.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nhận đơn. Tiếp nhận đơn, vào sổ công văn đến (hoặc nhập vào máy tính), vào sổ theo dõi tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, đơn thư kiến nghị, phản ánh.</p> <p>Bước 2: Phân loại và xử lý đơn</p> <p>- Đối với đơn khiếu nại:</p> <p>+ <i>Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết:</i> Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết và không thuộc một trong các trường hợp không được thụ lý giải quyết theo quy định thì người xử lý đơn đề xuất thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng không đủ điều kiện thụ lý giải quyết thì căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để trả lời hoặc hướng dẫn cho người khiếu nại biết rõ lý do không được thụ lý giải quyết hoặc bổ sung những thủ tục cần thiết để thực hiện việc khiếu nại. Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của cấp dưới nhưng quá thời hạn giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại mà chưa được giải quyết thì người xử lý đơn báo cáo thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định.</p> <p>+ <i>Đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết:</i> Đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thì người xử lý đơn hướng dẫn người khiếu nại gửi đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết. Việc hướng dẫn chỉ thực hiện một lần. Đơn khiếu nại do đại biểu Quốc hội tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, UBND tỉnh và các thành viên của Mặt trận, các cơ quan báo chí hoặc các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật chuyển đến nhưng không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết thì người xử lý đơn đề xuất thủ trưởng cơ quan gửi trả lại đơn kèm theo các giấy tờ, tài liệu (nếu có) và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đơn đến. + <i>Đơn khiếu nại có họ tên, chữ ký của nhiều người:</i> Đơn khiếu nại có họ tên, chữ ký của nhiều người nhưng không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì người xử lý đơn hướng dẫn cho một người khiếu nại có họ, tên, địa chỉ rõ ràng gửi đơn đến đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết. Đơn khiếu nại có họ tên, chữ ký của nhiều người thuộc thẩm quyền giải quyết thì người xử lý đơn đề xuất thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật. + <i>Đơn khiếu nại có kèm theo giấy tờ, tài liệu gốc:</i> Trường hợp đơn khiếu nại không được thụ lý để giải quyết nhưng có gửi kèm theo giấy tờ, tài liệu gốc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận được đơn phải trả lại cho người khiếu nại giấy tờ, tài liệu đó; nếu khiếu nại được thụ lý để giải quyết thì việc trả lại giấy tờ, tài liệu gốc được thực hiện ngay sau khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. + <i>Đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật:</i> Đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nhưng trong quá trình nghiên cứu, xem xét nếu có căn cứ cho rằng việc giải quyết khiếu nại có dấu hiệu vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có liên quan, đe dọa xâm phạm đến lợi ích của nhà nước hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ việc khiếu nại theo quy định thì người xử lý đơn phải báo cáo để thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, giải</p>
---------------------------	---

quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, tổ chức, đơn vị người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ *Đơn khiếu nại đối với quyết định hành chính có khả năng gây hậu quả khó khắc phục:* Trong trường hợp có căn cứ cho rằng việc thi hành quyết định hành chính sẽ gây ra hậu quả khó khắc phục thì người xử lý đơn phải kịp thời báo cáo đề thủ trưởng cơ quan xem xét, quyết định tạm đình chỉ hoặc kiến nghị cơ quan thẩm quyền, người có thẩm quyền tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính.

- **Đối với đơn tố cáo:**

+ *Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:* Nếu nội dung đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị mà không thuộc một trong các trường hợp quy định Luật tố cáo thì người xử lý đơn báo cáo thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị để thụ lý giải quyết theo quy định.

+ *Đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền:*

Đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết thì người xử lý đơn đề xuất với thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chuyển đơn và các chứng cứ, thông tin, tài liệu kèm theo (nếu có) đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định của pháp luật theo quy định của Luật tố cáo.

Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp dưới trực tiếp nhưng quá thời hạn theo quy định của Luật tố cáo mà chưa được giải quyết thì người xử lý đơn báo cáo đề thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị ra văn bản yêu cầu cấp dưới giải quyết. Nếu tố cáo hành vi phạm tội thì chuyển cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

+ *Đơn tố cáo đối với đảng viên:* Đơn tố cáo đối với đảng viên vi phạm quy định, Điều lệ của Đảng được thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc trung ương.

+ *Đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích nhà nước, cơ quan, tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân:* Người xử lý đơn phải kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất đề thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật hoặc thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ *Đơn tố cáo xuất phát từ việc khiếu nại không đạt được mục đích:* Đối với đơn tố cáo xuất phát từ việc khiếu nại không đạt được mục đích, công dân chuyển sang tố cáo đối với người giải quyết khiếu nại nhưng không cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc tố cáo của mình thì cơ quan, người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết nội dung tố cáo.

+ *Xử lý đối với trường hợp tố cáo như quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật tố cáo:* Tố cáo thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật tố cáo thì cơ quan nhận được đơn không chuyển đơn, không thụ lý để giải quyết đồng thời có văn bản giải thích và trả lại đơn cho người tố cáo.

+ *Đơn tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo nhưng có nội dung rõ ràng, kèm theo các thông tin, tài liệu, bằng chứng về hành vi tham nhũng, hành vi tội phạm:* Khi nhận được đơn tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo nhưng có nội dung rõ ràng, kèm theo các thông tin, tài liệu, bằng chứng chứng minh nội dung tố cáo hành vi tham nhũng, hành vi tội phạm thì người xử lý đơn báo cáo thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng,

	<p>pháp luật tổ tụng hình sự.</p> <p>- Xử lý các loại đơn khác:</p> <p>+ <i>Đơn kiến nghị, phản ánh:</i> Đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị giải quyết thì người xử lý đơn đề xuất thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thụ lý giải quyết.</p> <p>Đơn kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì người xử lý đơn đề xuất thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định việc chuyển đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền để giải quyết.</p> <p>+ <i>Đơn có nhiều nội dung khác nhau:</i> Đối với đơn có nhiều nội dung khác nhau thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị thì người xử lý đơn hướng dẫn người gửi đơn tách riêng từng nội dung để gửi đến đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.</p> <p>+ <i>Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án:</i> Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án thì người xử lý đơn hướng dẫn gửi đơn hoặc chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án.</p> <p>+ <i>Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan dân cư:</i> Người xử lý đơn hướng dẫn gửi đơn hoặc chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ <i>Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo:</i> Người xử lý đơn trình thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị hướng dẫn người gửi đơn hoặc chuyển đơn đến tổ chức có thẩm quyền để được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế của tổ chức đó.</p> <p>+ <i>Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước:</i> Người xử lý đơn trình thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị hướng dẫn người gửi đơn hoặc chuyển đơn đến đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ <i>Đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh những vụ việc có tính chất phức tạp:</i> Đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo phức tạp, gay gắt với sự tham gia của nhiều người; những vụ việc có liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo thì người xử lý đơn phải báo cáo với thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị để áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền kịp thời xử lý hoặc đề nghị với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan áp dụng biện pháp xử lý.</p>
Cách thức thực hiện	Công dân đến trụ sở, địa điểm tiếp công dân
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn khiếu nại (<i>theo mẫu</i>), đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh.</p> <p>- Các tài liệu, chứng cứ liên quan (nếu có).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.
Đối tượng thực hiện	Cả nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	<p>- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Giám đốc Sở và thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở;</p> <p>- <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Thanh tra Sở và các cơ quan, đơn vị trực</p>

	thuộc Sở.
Kết quả	Văn bản trả lời, văn bản hướng dẫn, văn bản chuyển đơn hoặc văn bản thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn khiếu nại (mẫu số 01A-KN Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016) ⁽³⁶⁾
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại năm 2011, - Luật tố cáo năm 2011, - Luật tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ. - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.

⁽³⁶⁾ Sử dụng Mẫu đơn tại TTHC số 1, mục VII – Lĩnh vực Thanh tra (mẫu số 01-KN)

VIII. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (16 TTHC)

1. Tên thủ tục: *Chỉ định lại Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi tỉnh Kon Tum.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp và trả kết quả nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Ngoài trụ sở cơ quan</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đăng ký chỉ định lại (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện chứng nhận trong 05 năm được chỉ định;</p> <p>- Sổ tay chất lượng có bổ sung, thay đổi về tổ chức, nhân sự, thiết bị, thủ tục, hướng dẫn, biểu mẫu (<i>nếu có</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum
Kết quả:	Quyết định hành chính
Lệ phí (nếu có):	<p>- Lệ phí Cấp giấy chứng nhận phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận giống cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng: 100.000 đ/giấy</p> <p>- Phí chỉ định Tổ chức chứng nhận: 15.000.000 đ/TCCN/lần</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đăng ký chỉ định tổ chức chứng nhận (<i>Phụ lục 2d, Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<p>Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp hoặc chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam được chỉ định là tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng, phân bón khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>(1) Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng, nhiệm vụ hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận chất lượng về lĩnh vực đề nghị chỉ định;</p> <p>(2) Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7457:2004 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC Guide 65:1996 về lĩnh vực đề nghị chỉ định;</p> <p>(3) Có nhân viên đánh giá thuộc biên chế chính thức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên); có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên; chuyên môn phù hợp với hoạt động về chứng nhận sản phẩm, hàng hoá tương ứng; có kinh nghiệm công tác từ 03 (ba) năm trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị chỉ định; được đào tạo về chứng nhận hệ thống quản lý;</p> <p>(4) Có hoặc thuê người lấy mẫu, người kiểm định có chứng chỉ đào</p>

	<p>tạo, phòng thử nghiệm được công nhận hoặc được chỉ định; (5) Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình chứng nhận phù hợp. (Chi tiết yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng được chỉ định theo hướng dẫn tại Phụ lục 8b của Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 16/7/2010)</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 32/2010/TT- BNNPTNT ngày 17/6/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính.

Phụ lục 2d
Mẫu Đơn đăng ký chỉ định tổ chức chứng nhận
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT
ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

Kính gửi: Cục Trồng trọt

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

3. Quyết định thành lập/ (nếu có) hoặc Giấy đăng ký kinh doanh số do Cơ quan:
 cấp ngày tại

4. Hình thức đề nghị chỉ định

Chỉ định mới Mở rộng phạm vi chỉ định Chỉ định lại

5. Hồ sơ kèm theo

6. Sau khi nghiên cứu điều kiện hoạt động của tổ chức chứng nhận theo Thông tư số /2010/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để hoạt động chứng nhận phù hợp với (tên quy chuẩn kỹ thuật) đối với các lĩnh vực và sản phẩm, hàng hóa sau đây:

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm, hàng hóa	Tên, ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật	Phương thức chứng nhận	Ghi chú
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)

Đề nghị Cục Trồng trọt xem xét đánh giá đề chỉ định ...(tên tổ chức) được hoạt động chứng nhận phù hợp với ...(tên quy chuẩn kỹ thuật) đối với lĩnh vực và sản phẩm, hàng hóa nêu trên.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng Thông tư số /2010/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón.

Đại diện Tổ chức chứng nhận
(Ký tên, đóng dấu)

2. Tên thủ tục: Đăng ký mở rộng phạm vi chỉ định tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm cây trồng hoạt động trên phạm vi tỉnh Kon Tum.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử,...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Ngoài trụ sở cơ quan</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký chỉ định lại (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; - Sổ tay chất lượng của tổ chức chứng nhận theo TCVN 7457:2004 hoặc ISO/IEC Guide 65:1996; - Tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn cần thiết và quy trình chứng nhận phù hợp; - Danh sách nhân viên đánh giá; - Mẫu Giấy chứng nhận của Tổ chức chứng nhận có nội dung phù hợp (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Chứng chỉ công nhận tổ chức chứng nhận do Tổ chức công nhận cấp và các tài liệu liên quan về phạm vi được công nhận (nếu có) <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum
Kết quả:	Quyết định hành chính
Lệ phí (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí Cấp giấy chứng nhận phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận giống cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng: 100.000 đ/giấy - Phí chỉ định Tổ chức chứng nhận: 15.000.000 đ/TCCN/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký chỉ định tổ chức chứng nhận (<i>Phụ lục 2d, Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010</i>)⁽³⁷⁾ - Mẫu Giấy chứng nhận lô sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (<i>Phụ lục 12, Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010</i>) - Mẫu giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (<i>Phụ lục 14, Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<p>Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp hoặc chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam được chỉ định là tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng, phân bón khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>(1) Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng, nhiệm vụ hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận chất lượng về lĩnh vực đề nghị chỉ định;</p>

⁽³⁷⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 1, mục VIII – Lĩnh vực Trồng trọt (Phụ lục 2d)

	<p>(2) Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7457:2004 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC Guide 65:1996 về lĩnh vực đề nghị chỉ định;</p> <p>(3) Có nhân viên đánh giá thuộc biên chế chính thức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên); có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên; chuyên môn phù hợp với hoạt động về chứng nhận sản phẩm, hàng hoá tương ứng; có kinh nghiệm công tác từ 03 (ba) năm trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị chỉ định; được đào tạo về chứng nhận hệ thống quản lý;</p> <p>(4) Có hoặc thuê người lấy mẫu, người kiểm định có chứng chỉ đào tạo, phòng thử nghiệm được công nhận hoặc được chỉ định;</p> <p>(5) Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình chứng nhận phù hợp. <i>(Chi tiết yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng được chỉ định theo hướng dẫn tại Phụ lục 8b của Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 16/7/2010)</i></p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 32/2010/TT- BNNPTNT ngày 17/6/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính.

Phụ lục 12
Mẫu Giấy chứng nhận lô sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT
ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN **Lô gô (nếu có)**
Địa chỉ: **ĐT:** **Fax:**
Mã số chỉ định :
Mã số công nhận (nếu có):

GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ SẢN PHẨM
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Mã số :

I. Các thông tin về lô sản phẩm:

Chủ lô sản phẩm:

Địa chỉ:

Nhóm sản phẩm (cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng):

Tên sản phẩm (giống, phân bón, sản phẩm cây trồng):

Cấp chất lượng:

Nơi sản xuất:

Thời gian sản xuất:

Mã hiệu lô sản phẩm:

Khối lượng lô sản phẩm:

Số lượng bao chứa:

Chất liệu bao bì:

Tờ khai hải quan số: (đối với hàng nhập khẩu)

Họ tên người kiểm định: (đối với giống cây trồng)

Mã số người kiểm định:

Họ tên người lấy mẫu:

Mã số người lấy mẫu:

Ngày lấy mẫu:

Ngày nhận mẫu:

II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG : (Đối với giống cây trồng)

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM : (Chi tiết từng phép thử và kết quả kiểm tra của mẫu)

IV. KẾT LUẬN:

Lô sản phẩm phù hợp so với tiêu chuẩn/ quy chuẩn kỹ thuật sốdo cơ quan thẩm quyền ban hành (tên) ngày tháng năm

Tổ chức chứng nhận
Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 14
Mẫu giấy chứng nhận sản phẩm
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT
ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT

TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (tên tổ chức chứng nhận)

Mã số:

CHỨNG NHẬN

Nhà sản xuất:

Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

Mã số chứng nhận:

Tên sản phẩm:(đối với sản phẩm cây trồng là tên loài hoặc giống cây trồng)

Diện tích, công suất sản xuất:

Địa điểm sản xuất:

Sản lượng dự kiến:

Sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (tên ...) ban hành theo Quyết định số ...
ngày ... tháng ... năm ... của cơ quan có thẩm quyền (tên cơ quan...).

Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày ... tháng ... năm ...

.....ngày,.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

(Ký tên và đóng dấu)

3. Tên thủ tục: Miễn giám sát đối với tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm cây trồng hoạt động trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Ngoài trụ sở cơ quan</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn giám sát; - Bản sao có chứng thực Chứng chỉ công nhận; - Bản sao có chứng thực Biên bản giám sát của tổ chức công nhận; - Báo cáo kết quả hoạt động và tài liệu khác có liên quan (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum
Kết quả:	Quyết định hành chính
Lệ phí (nếu có):	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	Tổ chức chứng nhận được chỉ định có chứng chỉ công nhận, kết quả giám sát sau công nhận của tổ chức công nhận kết luận tổ chức chứng nhận tiếp tục đáp ứng TCVN 7457:2004 hoặc ISO/IEC Guide 65:1996
Căn cứ pháp lý:	<p>- Thông tư số 32/2010/TT- BNNPTNT ngày 17/6/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</p> <p>- Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</p>

4. Tên thủ tục: *Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện:	- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (<i>theo mẫu</i>) <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum - Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan
Kết quả:	Văn bản chấp thuận (hoặc không chấp thuận)
Lệ phí (nếu có):	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (<i>Phụ lục II, Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<p>1. Tiêu chí bắt buộc</p> <p>a) Phù hợp với quy hoạch của địa phương về: Phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng đất; tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; nông thôn mới và các quy hoạch khác.</p> <p>b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo phát triển bền vững.</p> <p>c) Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ - doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân; - Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân; - Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân; - Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân. <p>(<i>Mẫu hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo phụ lục 1</i>)</p> <p>d) Quy mô diện tích của cánh đồng lớn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ điều kiện của địa phương quy định quy mô diện tích tối thiểu Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn phù hợp với điều kiện cụ thể và từng loại nông sản, hình thành vùng nguyên liệu.</p>

	<p>2. Tiêu chí khuyến khích</p> <p>a) Có hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.</p> <p>b) Quy mô lớn tập trung và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, Global GAP...) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.</p> <p>c) Các tiêu chí khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nếu thấy cần thiết.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 906/QĐ-BNN-KTHT, ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</p> <p>- Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>

Phụ lục II

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG DỰ ÁN (HOẶC PHƯƠNG ÁN)

(Ban hành kèm theo Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG DỰ ÁN HOẶC PHƯƠNG ÁN CẢNH ĐỒNG LỚN

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 /4 /2014 về hướng dẫn thực hiện một số điều trong Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ vào Quyết định phê duyệt Quy hoạch (Kế hoạch) cánh đồng lớn số của UBND tỉnh

..... kính trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xem xét và chấp thuận chủ trương xây dựng cánh đồng lớn tại xã.....huyện..... tỉnh....., với các nội dung như sau:

1. Tên Dự án (Phương án): Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn

2. Cơ quan xây dựng:

Doanh nghiệp/tổ chức đại diện của nông dân

3. Đối tác tham gia: *(Ghi rõ các đối tác tham gia là những tổ chức cá nhân sau này sẽ tham gia ký các hợp đồng sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn)*.....

4. Mục tiêu: *(Bao gồm các mục tiêu như nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sản xuất và thu nhập của các đối tác tham gia; Bảo đảm ổn định nguyên liệu cho chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản; nâng cao chất lượng nông sản và những mục tiêu khác)*

.....

5. Nội dung và quy mô:.....

6. Địa điểm triển khai *(Ghi rõ tên các xã, huyện dự kiến xây dựng cánh đồng lớn)*

.....

7. Kinh phí đầu tư *(dự kiến)*:.....

8. Nguồn vốn *(các nguồn của doanh nghiệp đầu tư, nguồn vốn vay và các nguồn hợp pháp khác)*:.....

..... đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xem xét, chấp thuận chủ trương xây dựng cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ..... đề làm căn cứ thực hiện./.

GIÁM ĐỐC/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Tên thủ tục: *Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (Áp dụng cho phê duyệt lần đầu và điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thời gian thực hiện Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn).*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Trường hợp Dự án hoặc Phương án không được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Dự án (Phương án) cánh đồng lớn (<i>theo mẫu</i>); - Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Dự án (Phương án) cánh đồng lớn (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chứng thực Giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh có điều kiện. - Thông tin về năng lực tiêu thụ nông sản của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân được tính bằng sản lượng nông sản tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu trung bình 3 năm gần nhất; hoặc năng lực bảo quản và chế biến tính theo công suất kho, xưởng và máy móc thiết bị phục vụ chế biến hiện có của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân. Các thông tin này do doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin. <p>b) Số lượng hồ sơ: 07 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum - Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan
Kết quả:	Quyết định hành chính
Lệ phí (nếu có):	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đề cương Dự án (Phương án) cánh đồng lớn (<i>Phụ lục III, Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014</i>) - Đơn đề nghị phê duyệt Dự án (Phương án) cánh đồng lớn (<i>Phụ lục IV, Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ol style="list-style-type: none"> 1. Được chấp thuận chủ trương xây dựng cánh đồng lớn 2. Đáp ứng các tiêu chí sau đây: <ol style="list-style-type: none"> 1) Tiêu chí bắt buộc a) Phù hợp với quy hoạch của địa phương về: Phát triển kinh tế - xã

	<p>hội; sử dụng đất; tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; nông thôn mới và các quy hoạch khác.</p> <p>b) Áp dụng đồng bộ quy trình, sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo phát triển bền vững.</p> <p>c) Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ - doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân; - Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân; - Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân; - Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân. <p><i>(Mẫu hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo phụ lục 1)</i></p> <p>d) Quy mô diện tích của cánh đồng lớn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ điều kiện của địa phương quy định quy mô diện tích tối thiểu Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn phù hợp với điều kiện cụ thể và từng loại nông sản, hình thành vùng nguyên liệu.</p> <p>2) Tiêu chí khuyến khích</p> <p>a) Có hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.</p> <p>b) Quy mô lớn tập trung và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, Global GAP...) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.</p> <p>c) Các tiêu chí khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nếu thấy cần thiết.</p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 906/QĐ-BNN-KTHT, ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Phụ lục III

MẪU ĐỀ CƯƠNG DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN) CẢNH ĐỒNG LỚN

(Ban hành kèm theo Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phần I: GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)

1. Tên Dự án (Phương án): Tên Dự án (Phương án) phải ghi rõ đây là Dự án (Phương án) cảnh đồng lớn đối với loại cây trồng gì và địa bàn triển khai chính là ở đâu. Ví dụ: Dự án xây dựng cảnh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao xuất khẩu tại huyện X, tỉnh Y.

2. Địa chỉ thực hiện Dự án (Phương án): Ghi đầy đủ địa chỉ tên các xã, huyện, tỉnh Dự án sẽ triển khai.

3. Các đối tác tham gia Dự án (Phương án)

a) Doanh nghiệp: Tên của các doanh nghiệp, loại hình dịch vụ kinh doanh chính (ví dụ chế biến xuất khẩu gạo), năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 3 năm trở lại đây.

b) Tổ chức đại diện của nông dân: Tên Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và số lượng thành viên tham gia.

c) Nông dân: Số lượng nông dân tham gia.

4. Căn cứ pháp lý xây dựng Dự án (Phương án) cảnh đồng lớn

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính Phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, xây dựng cảnh đồng lớn và Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm về việc phê duyệt Quy hoạch (Kế hoạch) cảnh đồng lớn của Ủy ban nhân dân tỉnh.....

- Văn bản số /-SNN ngày tháng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh về việc chấp thuận chủ trương xây dựng cảnh đồng lớn.....

- Những căn cứ khác (nếu có)

5. Mục tiêu:

Nêu rõ các mục tiêu như nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sản xuất và thu nhập của các đối tác tham gia; bảo đảm ổn định vùng nguyên liệu cho chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản; nâng cao chất lượng nông sản và những mục tiêu khác.

Phần II. TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN) CẢNH ĐỒNG LỚN.

1. Bối cảnh xây dựng dự án: Giới thiệu các nội dung chính sau đây

- Tình hình sản xuất, tiêu thụ nông sản mà Dự án dự kiến đầu tư sản xuất. Những thuận lợi khó khăn hiện nay trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đang gặp phải.

- Nhu cầu của thị trường tiêu thụ (sản lượng, chất lượng và giá cả nông sản) và những rủi ro của phương thức sản xuất hiện tại (không có liên kết).

- Cơ hội mà liên kết gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cảnh đồng lớn tạo ra cho các thành phần tham gia Dự án (Phương án).

2. Địa bàn triển khai và thời gian thực hiện

- Địa bàn triển khai: Tên địa điểm (mô tả theo Quy hoạch hoặc Kế hoạch cảnh đồng lớn); đặc điểm kinh tế xã hội vùng sản xuất.

- Thời gian thực hiện: Ghi rõ số năm và số vụ sản xuất mà Dự án (Phương án) dự kiến tổ chức xây dựng cảnh đồng lớn.

3. Nội dung kế hoạch đầu tư sản xuất trong Dự án (Phương án) cảnh đồng lớn, bao gồm các kế hoạch cụ thể sau:

- Diện tích, năng suất, sản lượng, giống nông sản dự kiến theo từng năm, từng mùa vụ liên kết.

- Kế hoạch đầu tư xây dựng và củng cố hạ tầng phục vụ sản xuất (mương máng, bờ vùng, đường nội đồng, trạm bơm, kho chứa, hệ thống điện).
- Kế hoạch đầu tư, chi phí vật tư, phân bón và lao động cho sản xuất theo mùa vụ trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.
- Kế hoạch tiêu thụ, bảo quản và chế biến nông sản cho nông dân.

4. Hình thức liên kết:

Mô tả cụ thể các hình thức liên kết dự kiến sẽ áp dụng trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

- Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong tiêu thụ sản phẩm nông sản.
- Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong cung cấp dịch vụ và vật tư phân bón cho nông dân.
- Vai trò của doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân, chính quyền nhà nước và các tác nhân khác trong liên kết sản xuất.

5. Quy trình sản xuất và quy trình kỹ thuật dự kiến áp dụng trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn:

- Mô tả quy trình sản xuất (kỹ thuật làm đất; chủng loại giống; yêu cầu phẩm cấp chất lượng giống sử dụng trong sản xuất; quy trình bón phân, chăm sóc, tưới nước, làm cỏ; quy trình thu hoạch và sơ chế và bảo quản...) được quy định trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn (thường do các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm đề xuất và được các đối tác tham gia cánh đồng lớn như nông dân, doanh nghiệp cung cấp phân bón vật tư nông nghiệp chấp nhận nhằm bảo đảm chất lượng nông sản và nâng cao hiệu quả sản xuất).
- Mô tả phương thức kiểm soát quy trình sản xuất và chất lượng nông sản trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

6. Các hoạt động và các giải pháp chính nhằm thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn

- Củng cố, đầu tư xây dựng hạ tầng trong vùng cánh đồng lớn.
- Xây dựng các tổ chức nông dân.
- Ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông sản và hợp đồng cung cấp vật tư dịch vụ đầu vào cho sản xuất.
- Đào tạo, tập huấn cho nông dân.
- Chuyên gia khoa học kỹ thuật.
- Các giải pháp khác (nếu có)

7. Đề xuất kinh phí thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn

- Xác định những khoản mục, hoạt động cần thiết nhằm thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.
- Dự toán chi tiết kinh phí đầu tư thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.
- Nguồn kinh phí thực hiện Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

Phần III: HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN) CÁNH ĐỒNG LỚN

1. Phân tích hiệu quả kinh tế của Dự án (Phương án)

- Lợi ích chung mà Dự án (Phương án) cánh đồng lớn có thể mang lại như: *Nâng cao được chất lượng và giá bán nông sản; nâng cao hiệu quả đầu tư sản xuất và năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông sản; góp phần phát triển bền vững ngành nông nghiệp ở địa phương.*
- Lợi ích đối với nông dân và các tổ chức đại diện của nông dân như: *Nâng cao thu nhập cho người sản xuất; hạn chế rủi ro trong sản xuất.*
- Lợi ích đối với các doanh nghiệp: *Bảo đảm ổn định nguồn nguyên liệu cung cấp cho doanh nghiệp; nâng cao chất lượng nguyên liệu phục vụ chế biến và tiêu thụ của doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả xuất kinh doanh của doanh nghiệp.*

2. Đánh giá các rủi ro và các biện pháp giảm thiểu

- Các rủi ro về thị trường và giải pháp khắc phục trong Dự án (Phương án) cánh đồng lớn.

- Những rủi ro về mặt tổ chức thực hiện các Dự án (Phương án) canh đồng lớn.
- Các rủi ro và rào cản khác Dự án hoặc Phương án có thể gặp phải.

Phần IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể các nội dung sau đây trong Kế hoạch tổ chức thực hiện:

1. Kế hoạch xây dựng tổ chức đại diện của nông dân.
2. Kế hoạch đào tạo kỹ thuật cho nông dân.
3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất trong canh đồng lớn.
4. Kế hoạch hỗ trợ các dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất trong canh đồng lớn.
5. Kế hoạch tài chính.
6. Kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện Dự án (Phương án) canh đồng lớn.

GIÁM ĐỐC/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phụ lục IV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN) CÁNH ĐỒNG LỚN

(Ban hành kèm theo Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /- ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN) CÁNH ĐỒNG LỚN

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 /4/2014 về hướng dẫn thực hiện một số điều trong Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ vào Quyết định phê duyệt Quy hoạch hoặc Kế hoạch cánh đồng lớn số ngày..... tháng.....năm..... của UBND tỉnh

- Căn cứ vào Văn bản chấp thuận số..... ngày..... tháng năm..... của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc chấp thuận chủ trương xây dựng dự án (phương án) cánh đồng lớn

..... kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum xem xét và phê duyệt Dự án (Phương án) cánh đồng lớn tại xãhuyện..... tỉnh....., với các nội dung như sau:

1. Tên Dự án (Phương án): Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất và tiêu thụ ...

2. Cơ quan xây dựng Dự án (Phương án):

Doanh nghiệp/tổ chức đại diện của nông dân.....

3. Đối tác tham gia: *(Ghi rõ các đối tác tham gia là những tổ chức cá nhân sau này sẽ tham gia ký các hợp đồng sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn)*

4. Mục tiêu: *(Bao gồm các mục tiêu như nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sản xuất và thu nhập của các đối tác tham gia; bảo đảm ổn định nguyên liệu cho chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản; nâng cao chất lượng nông sản và những mục tiêu khác)*

5. Nội dung và quy mô Dự án (Phương án):

6. Địa điểm triển khai *(Ghi rõ tên các xã, huyện dự kiến xây dựng cánh đồng lớn)*

7. Kinh phí đầu tư *(dự kiến):*

8. Nguồn vốn (các nguồn của doanh nghiệp đầu tư, nguồn vốn vay và các nguồn hợp pháp khác):

.....
9. Lộ trình thực hiện:

.....
10. Dự kiến kết quả triển khai:

.....
11. Tổ chức thực hiện:

..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh....., Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn....., xem xét, phê duyệt Dự án (Phương án) cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ để làm căn cứ thực hiện./.

GIÁM ĐỐC/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Tên thủ tục: Công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Kèm theo Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Tổ chức công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử,...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Hồ sơ công bố hợp quy đối với trường hợp công bố dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của Tổ chức chứng nhận hợp quy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy (theo mẫu); - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp; - Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng). <p>* Hồ sơ công bố hợp quy đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy (theo mẫu); - Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng); - Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có) tại phòng thử nghiệm được chỉ định; - Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng (<i>theo mẫu</i>) hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008; - Kế hoạch giám sát định kỳ; - Báo cáo đánh giá hợp quy gồm những nội dung: đối tượng được chứng nhận hợp quy; (số hiệu, tên) tài liệu kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để chứng nhận hợp quy; tên và địa chỉ của tổ chức thực hiện đánh giá hợp quy; phương thức đánh giá hợp quy được sử dụng; mô tả quá trình đánh giá hợp quy (lấy mẫu, đánh giá, thời gian đánh giá) và các lý giải cần thiết (ví dụ: lý do lựa chọn phương pháp/phương thức lấy mẫu/đánh giá); kết quả đánh giá (bao gồm cả độ lệch và mức chấp nhận); thông tin bổ sung khác. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
<p>Thời hạn giải quyết:</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>
<p>Đối tượng thực hiện:</p>	<p>Tổ chức</p>

Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum
Kết quả:	Văn bản Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Lệ phí (nếu có):	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Mẫu Bản công bố hợp quy (<i>Phụ lục 13 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012</i>) - Mẫu kế hoạch kiểm soát chất lượng (<i>Phụ lục 14 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; - Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Phụ lục 13

MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail:.....

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy...*):

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 14

MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng năm

Đại diện doanh nghiệp

(ký tên, đóng dấu)

**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2 THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành theo Thông tư số 50/2009/TT- BNNPTNT ngày 18/8/2009 và Thông tư 50/2010/TT-
BNNPTNT, ngày 30/8/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa
1	Giống cây trồng nông nghiệp gồm: Giống lúa, ngô, lạc, đậu tương và giống khoai tây
2	Giống cây trồng lâm nghiệp
3	Giống vật nuôi trên cạn
4	Giống thủy sản
5	Sản phẩm chăn nuôi
5.1	Động vật và sản phẩm động vật tươi sống dùng làm thực phẩm
5.2	Động vật và sản phẩm động vật phi thực phẩm
6	Sản phẩm trồng trọt (rau, quả, chè, cà phê, điều, tiêu, mía)
7	Thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm
8	Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã
8.1	Mẫu vật động vật hoang dã chết, kể cả bộ phận, dẫn xuất của chúng có thể nhận biết
8.2	Mẫu vật động vật hoang dã sống, kể cả nguồn con giống
8.3	Mẫu vật thực vật hoang dã chết, kể cả bộ phận, dẫn xuất của chúng có thể nhận biết
8.4	Mẫu vật thực vật hoang dã sống, kể cả nguồn giống
9	Sản phẩm lâm sản (gỗ và các sản phẩm ngoài gỗ)
10	Thuốc bảo vệ thực vật
10.1	Nguyên liệu (thuốc kỹ thuật) và thuốc thành phẩm trừ côn trùng (sâu) hại
10.2	Nguyên liệu (thuốc kỹ thuật) và thuốc thành phẩm trừ bệnh hại cây trồng
10.3	Nguyên liệu (thuốc kỹ thuật) và thuốc thành phẩm trừ cỏ dại hại cây trồng
10.4	Nguyên liệu (thuốc kỹ thuật) và thuốc thành phẩm trừ chuột hại cây trồng
10.5	Nguyên liệu (thuốc kỹ thuật) và thuốc thành phẩm điều hòa sinh trưởng cây trồng
10.6	Nguyên liệu (thuốc kỹ thuật) và thuốc thành phẩm dẫn dụ trừ côn trùng
10.7	Nguyên liệu (thuốc kỹ thuật) và thuốc thành phẩm trừ nhuyễn thể hại cây trồng
10.8	Nguyên liệu (thuốc kỹ thuật) và thuốc thành phẩm bảo quản lâm sản, hàng mỹ nghệ
10.9	Các chất hỗ trợ (chất trái)
11	Thuốc thú y
11.1	Thuốc kích thích chuyển hóa và tăng trưởng dùng cho động vật trên cạn và thủy sản
11.2	Thuốc kháng khuẩn dùng cho động vật trên cạn và thủy sản
11.3	Các loại thuốc thú y khác
11.4	Hóa chất tiêu độc khử trùng dùng cho động vật trên cạn và thủy sản
11.5	Vắc xin, chế phẩm sinh học và vi sinh vật dùng trong thú y
11.6	Các hóa chất, thuốc thử dùng trong chuẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật
12	Phân bón và nguyên liệu sản xuất phân bón
12.4	Phân hữu cơ
12.5	Phân hữu cơ sinh học
12.6	Phân hữu cơ khoáng
12.7	Phân hữu cơ vi sinh
12.8	Phân vi sinh vật
12.9	Phân bón có bổ sung chất điều hoà sinh trưởng
12.10	Phân bón hữu cơ; hữu cơ khoáng; hữu cơ vi sinh; hữu cơ sinh học sản xuất từ nguồn nguyên liệu là rác thải đô thị; phế thải công nghiệp chế biến từ nông sản, thực phẩm, phế thải chăn nuôi
13	Thức ăn và chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi
13.1	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà
13.2	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt
13.3	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn
13.4	Thức ăn chăn nuôi cho bê và bò thịt

14	Thức ăn và chất bổ sung trong thức ăn thủy sản
15	Chế phẩm sinh học, hóa chất xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản
15.1	Chế phẩm sinh học
15.2	Chất xử lý cải tạo môi trường
16	Phụ gia hóa chất dùng trong lâm nghiệp
16.1	Chất bảo quản lâm sản
16.2	Hoá chất chống mối, mọt
16.3	Các loại keo
16.4	Vật liệu sơn phủ bề mặt sản phẩm
17	Công trình thủy lợi
17.1	Hồ chứa nước
17.2	Dập
17.3	Công
17.4	Trạm bơm
17.5	Giếng
17.6	Đường ống dẫn nước
17.7	Kênh
17.8	Công trình trên kênh
17.9	Bờ bao
18	Công trình đê điều
18.1	Đê
18.2	Kè bảo vệ mái đê
18.3	Công trình phân lũ
18.4	Công qua đê
18.5	Trạm bơm, âu thuyền trong phạm vi bảo vệ đê điều
19	Dụng cụ đánh bắt thủy sản, các thiết bị đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong thủy sản
19.1	Vật liệu dùng làm ngư cụ
19.2	Lưới
19.3	Ngư cụ khác
20	Các loại máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp có khả năng gây mất an toàn

7. Tên thủ tục: **Đăng ký công nhận nguồn giống là cây đầu dòng đối với cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm**

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử,...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài trụ sở cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>theo mẫu</i>); - Các tài liệu liên quan gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính Sơ đồ vườn cây, + Bản chính Báo cáo về vườn cây đầu dòng, gồm có các nội dung: Nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; nhận xét về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> + Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cây đầu dòng: 100.000 đồng/giấy + Phí thẩm định, công nhận cây đầu dòng: 2.000.000 đồng/cây
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>Phụ lục số 01 hoặc Annex 01, Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo nguồn giống luôn đạt các tiêu chí theo quy định và không bị nhiễm bệnh nguy hiểm, thoái hóa. - Cây có múi S₀, cây có múi S₁ phải được trồng trong nhà lưới đủ tiêu chuẩn ngăn chặn côn trùng trung gian truyền bệnh. - Có sổ theo dõi tình hình cung cấp vật liệu nhân giống.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i> - <i>Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục 01

*(Ban hành kèm theo Thông tư số...18.../2012//TT-BNNPTNT
ngày...26...tháng...4...năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CÂY ĐÀU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM**

Kính nộp: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....
3. Tên giống:.....
4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng
Thôn.....xã.....huyện.....tỉnh/TP:.....
5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
 - Năm trồng:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):.....
 - Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):.....
 - Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
 - Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
 - Diện tích vườn (m²):
 - Khoảng cách trồng (m x m):
6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:
 - Sơ đồ vườn cây;
 - Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
 - Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
 - Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyến, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20....

Đại diện đơn vị
(*ký tên, đóng dấu*)

*(*Nếu là Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân nộp kèm theo đơn)*

Annex 01

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independent – Freedom – Happiness

APPLICATION FOR RECOGNITION SOURCES OF PLANTING MATERIALS
OF PERENNIAL INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS

To: Department of Agriculture and Rural Development Provincial/City

1. Name of organizations/individuals.....

2. Address:.....Telephone / Fax / E-mail.....

Number of identify card (individuals):.....

3. Names of varieties:

Scientific name:.....; Vietnamese name:.....

4. Administrative positions and geographic on varieties of Industrial and fruit crops:

Hamlet.....Commune.....District.....Province/ City.....

5. More details for Sources of planting materials:

- Planted years:.....

- Source of original material cultivars (grafted trees, tree cuttings, tree branches and extract other propagating materia):

- The situation of growth (height, canopy diameter, pest status and some indicators related to growth):

- Productivity, quality of varieties (the main criteri):

For the Budwood orchards, additional informations follow:

- Codes of varieties (Elite trees):

- Garden area (m²):

- Distance in (m x m):

6. Other related documents attached

- Map orchard;

- Summary of findings or history of cultivation;

- Research results, evaluation or had contests;

- The situation of growth and development of varieties sources;

We would commit to pay fees for selection and evaluation as prescribed./.

(days ... months ... years.....)

Representative units *

(Signature and stamp)

(* Individuals must have a photocopy of identify card attached with)

8. Tên thủ tục: Đăng ký công nhận nguồn giống là vườn cây đầu dòng đối cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Ngoài trụ sở cơ quan.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>theo mẫu</i>); - Các tài liệu liên quan gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính Sơ đồ vườn cây, + Bản chính Báo cáo về vườn cây đầu dòng, gồm có các nội dung: Nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; nhận xét về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức
Phí, lệ phí	<p>+ Lệ phí cấp Giấy chứng nhận vườn cây đầu dòng: 100.000 đồng/giấy</p> <p>+ Phí thẩm định, công nhận vườn cây đầu dòng: 500.000 đồng/vườn</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>Phụ lục số 01 hoặc Annex 01, Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012</i>) ⁽³⁸⁾
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo nguồn giống luôn đạt các tiêu chí theo quy định và không bị nhiễm bệnh nguy hiểm, thoái hóa. - Cây có múi S₀, cây có múi S₁ phải được trồng trong nhà lưới đủ tiêu chuẩn ngăn chặn côn trùng trung gian truyền bệnh. - Có sổ theo dõi tình hình cung cấp vật liệu nhân giống.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i> - <i>Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính</i>

⁽³⁸⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục VIII-Lĩnh vực Trồng trọt (Phụ lục số 01 hoặc Annex 01)

9. Tên thủ tục: Đăng ký công nhận lại nguồn giống đối với cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng của cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử,...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài trụ sở cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị công nhận lại Cây đầu dòng, Vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao quyết định lần công nhận gần nhất; - Các tài liệu liên quan gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Sơ đồ nguồn giống, + Báo cáo tóm tắt về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận gần nhất. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận cây đầu dòng: 100.000 đồng/giấy - Phí thẩm định: <ul style="list-style-type: none"> + Công nhận lại cây đầu dòng: 1.400.000 đồng/cây + Công nhận lại vườn cây đầu dòng: 350.000 đồng/giống
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (<i>Phụ lục số 01 hoặc Annex 01, Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012</i>) ⁽³⁹⁾

⁽³⁹⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 7, mục VIII-Lĩnh vực Trồng trọt (Phụ lục số 01 hoặc Annex 01)

<p>Yêu cầu, điều kiện (nếu có):</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có gắn mã hiệu cho nguồn giống: Mã hiệu nguồn giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tại Giấy chứng nhận nguồn giống. - Đối với cây đầu dòng, cây có mùi S0 mã hiệu phải được gắn trực tiếp trên từng cây. Đối với vườn cây đầu dòng, vườn cây có mùi S1 mã hiệu được gắn trên bảng ở vị trí dễ quan sát. - Đảm bảo nguồn giống luôn đạt các tiêu chí như khi được công nhận, không bị nhiễm bệnh nguy hiểm, thoái hóa. - Cây có mùi S0, cây có mùi S1 phải được trồng trong nhà lưới đủ tiêu chuẩn ngăn chặn côn trùng trung gian truyền bệnh. - Khai thác vật liệu nhân giống không vượt quá định mức quy định trong Giấy công nhận nguồn giống; - Có sổ theo dõi ghi chép đầy đủ tình hình cung cấp vật liệu nhân giống; - Có báo cáo hàng năm kết quả khai thác, tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống và những thay đổi liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu nguồn giống (nếu có) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Chấp hành việc kiểm tra và biện pháp xử lý của cơ quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.
<p>Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i> - <i>Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính</i>

10. Tên thủ tục: Nhận xét, đánh giá kết quả khảo nghiệm và khả năng sử dụng phân bón mới được khảo nghiệm trên địa bàn tỉnh.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài trụ sở cơ quan.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi thực hiện sản xuất thử: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính Thông báo về loại cây trồng, địa điểm và thời gian, quy trình kỹ thuật trồng trọt của giống sản xuất thử sản xuất thử (<i>Kèm theo danh sách ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại liên lạc của tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất thử để liên hệ trong quá trình sản xuất thử</i>); - Sau khi kết thúc thực hiện sản xuất thử: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị nhận xét vào kết quả sản xuất thử; + Bản chính báo cáo kết quả sản xuất thử. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Văn bản nhận xét
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	Chỉ sản xuất thử những giống đã được công nhận sản xuất thử ở những tỉnh, vùng sinh thái được công nhận. Trường hợp mở rộng sản xuất thử sang vùng sinh thái khác, tổ chức, cá nhân có giống sản xuất thử phải có văn bản đề nghị và được sự đồng ý của Cục Trồng trọt
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;</i> - <i>Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21/10/2004 của Chính phủ.</i> - <i>Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 27/11/2007 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i>

11. Tên thủ tục: Đăng ký chỉ định Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi tỉnh Kon Tum.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức chứng nhận có nhu cầu đề nghị chỉ định nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 05 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>hàng văn bản, điện thoại, thư điện tử...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Ngoài trụ sở cơ quan.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị chỉ định tổ chức chứng nhận (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; - Sổ tay chất lượng của tổ chức chứng nhận theo TCVN 7457:2004 hoặc ISO/IEC Guide 65:1996; - Tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn cần thiết và quy trình chứng nhận phù hợp; - Danh sách nhân viên đánh giá; - Mẫu Giấy chứng nhận của Tổ chức chứng nhận có nội dung phù hợp (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Chứng chỉ công nhận tổ chức chứng nhận do Tổ chức công nhận cấp và các tài liệu liên quan về phạm vi được công nhận (<i>nếu có, theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Quyết định hành chính hoặc văn bản thông báo lý do từ chối
Đối tượng thực hiện	Tổ chức
Phí, lệ phí	<p>- Lệ phí Cấp giấy chứng nhận phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận giống cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng: 100.000 đ/giấy</p> <p>- Phí chỉ định Tổ chức chứng nhận: 15.000.000 đ/TCCN/lần</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Đơn đăng ký chỉ định tổ chức chứng nhận (<i>Phụ lục 2d, Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010</i>)⁽⁴⁰⁾</p> <p>- Mẫu Giấy chứng nhận lô sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (<i>Phụ lục 12, Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010</i>)⁽⁴¹⁾</p> <p>- Mẫu giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (<i>Phụ lục 14, Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010</i>)⁽⁴²⁾</p>

⁽⁴⁰⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 1, mục VIII – Lĩnh vực Trồng trọt (Phụ lục 2d)

⁽⁴¹⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 2, mục VIII – Lĩnh vực Trồng trọt (Phụ lục 12)

⁽⁴²⁾ Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 2, mục VIII – Lĩnh vực Trồng trọt (Phụ lục 14)

<p>Yêu cầu, điều kiện (nếu có):</p>	<p>Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp hoặc chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam được chỉ định là tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng, phân bón khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng, nhiệm vụ hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận chất lượng về lĩnh vực đề nghị chỉ định; 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7457:2004 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC Guide 65:1996 về lĩnh vực đề nghị chỉ định; 3. Có nhân viên đánh giá thuộc biên chế chính thức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên); có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên; chuyên môn phù hợp với hoạt động về chứng nhận sản phẩm, hàng hoá tương ứng; có kinh nghiệm công tác từ 03 (ba) năm trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị chỉ định; được đào tạo về chứng nhận hệ thống quản lý; 4. Có hoặc thuê người lấy mẫu, người kiểm định có chứng chỉ đào tạo, phòng thử nghiệm được công nhận hoặc được chỉ định; 5. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình chứng nhận phù hợp. <p>Chi tiết yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng, phân bón được chỉ định theo hướng dẫn tại Phụ lục 8b của Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 16/7/2010.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính.</i>

12. Tên thủ tục: *Thẩm định nội dung và cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo khuyến nông, trình diễn, khuyến cáo sử dụng phân bón hữu cơ và phân bón khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 03 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử...</i>) hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn xin phép tổ chức trình diễn, hội nghị, hội thảo. Nội dung gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tên tổ chức/cá nhân; + Địa điểm, thời gian tổ chức; + Loại phân bón trình diễn, hội nghị, hội thảo + Loại cây trồng thực hiện trình diễn phân bón (<i>Nếu trình diễn phân bón</i>). - Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón - Bản sao Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy phân bón - Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh: Bản sao chứng thực hợp đồng đại lý hoặc có Bản chính Giấy ủy quyền của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu phân bón. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Văn bản chấp thuận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 202/2013/NĐ-CP, ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 41/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT

13. Tên thủ tục: Chỉ định Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức chứng nhận có nhu cầu đề nghị chỉ định nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả</p> <p>Bước 3. Kiểm tra nội dung từng thành phần hồ sơ trong vòng 05 ngày. Nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì thông báo (<i>bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử, ...</i>) hướng dẫn tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính - Ngoài trụ sở cơ quan
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAP (<i>theo mẫu</i>); - 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có mang theo bản chính để đối chiếu đối với Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; - Bản sao Các tài liệu chứng minh hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận phù hợp với các điều kiện quy định tại TTHC này; - Mẫu Giấy chứng nhận VietGAP - Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động chứng nhận đã thực hiện trong lĩnh vực đăng ký (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Cơ quan thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí Cấp giấy chứng nhận phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận giống cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng: 100.000 đ/giấy - Phí chỉ định Tổ chức chứng nhận: 15.000.000 đ/TCCN/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAP (<i>Phụ lục số 2 Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011</i>)

<p>Yêu cầu, điều kiện (nếu có):</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt chi đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Kon Tum. + Có cơ cấu tổ chức đáp ứng kiểm tra, đánh giá; quyết định chứng nhận và đảm bảo rằng người quyết định việc chứng nhận không phải là người tiến hành kiểm tra, đánh giá; + Có các quy định về trình tự, thủ tục cấp, duy trì, gia hạn, cảnh cáo, đình chỉ và thu hồi chứng nhận VietGAP đảm bảo tính khách quan, chính xác và tuân thủ quy định của Quy chế này; + Có quy định về trình tự, thủ tục lấy mẫu, thử nghiệm, đảm bảo việc thử nghiệm được thực hiện tại các phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định về đánh giá các chỉ tiêu về an toàn vệ sinh thực phẩm; + Có các quy định về thủ tục giải quyết các ý kiến phản ánh, khiếu nại và tranh chấp liên quan đến chứng nhận VietGAP; + Cán bộ có chuyên môn phù hợp (Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Sinh học) trình độ đại học trở lên, có chứng chỉ đào tạo về VietGAP và có kinh nghiệm công tác từ 03 (ba) năm trở lên. - Đối với các tổ chức được công nhận đạt tiêu chuẩn TCVN 7457:2004 hoặc ISO/IEC Guide 65:1996 – Yêu cầu chung đối với các tổ chức điều hành hệ thống chứng nhận sản phẩm được ưu tiên xem xét chỉ định là Tổ chức Chứng nhận.
<p>Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2010;</i> - <i>Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2004 của Chính phủ</i> - <i>Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN ngày 28/7/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;</i> - <i>Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

Phụ lục số 2:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN VIETGAP**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Kon Tum

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:..... Fax: E-mail:
- Quyết định thành lập/ (nếu có) hoặc Giấy đăng ký kinh doanh số..... do Cơ quan cấp:cấp ngàytại

Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động chứng nhận VietGAP theo Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho sản phẩm trồng trọt, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để hoạt động chứng nhận VietGAP cho.....

Hồ sơ kèm theo:

-
-

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Kon Tum xem xét để chỉ định (tên tổ chức) được hoạt động chứng nhận VietGAP cho sản phẩm.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động chứng nhận VietGAP./.

Đại diện Tổ chức ...

(Ký tên, đóng dấu)

14. Tên thủ tục: *Cấp mã số cho tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ đầy đủ thì thụ lý, viết giấy hẹn, nếu chưa đầy đủ thì trả lại và hướng dẫn bổ sung. - Trong quá trình giải quyết, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong vòng 07 ngày thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Chưa được pháp luật quy định nhưng thực tế thực hiện gồm các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin cấp mã số sản xuất giống cây trồng gồm: Tên doanh nghiệp, điện thoại liên hệ, địa chỉ; tên các loại giống cây trồng sản xuất); - Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Quyết định hành chính
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật chất lượng sản phẩm hàng hoá năm 2007; - Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; - Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004; - Quyết định số 41/2007/QĐ-BNN ngày 15/5/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

15. Tên thủ tục: Nhận xét, đánh giá kết quả khảo nghiệm và khả năng sử dụng phân bón mới được khảo nghiệm trên địa bàn tỉnh.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ đầy đủ thì thụ lý, viết giấy hẹn, nếu chưa đầy đủ thì trả lại và hướng dẫn bổ sung. - Trong quá trình giải quyết, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong vòng 03 ngày thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trước khi thực hiện khảo nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về loại phân bón, địa điểm và thời gian khảo nghiệm: 01 bản chính; - Hợp đồng với đơn vị khảo nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận hoặc do Cục Trồng trọt chỉ định: 01 bản sao chứng thực; - Quyết định chỉ định đơn vị khảo nghiệm của Cục Trồng trọt: 01 bản sao chứng thực; - Tài liệu có liên quan về loại phân bón khảo nghiệm: 01 bản sao chứng thực; - Đề cương khảo nghiệm đã được Hội đồng cơ sở của đơn vị thực hiện khảo nghiệm thông qua: 01 bản sao. * Sau khi kết thúc thực hiện khảo nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả khảo nghiệm: 01 bản chính. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết:	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ thời gian khảo nghiệm)
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Nhận xét, đánh giá kết quả khảo nghiệm và khả năng sử dụng phân bón mới được khảo nghiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn vào Báo cáo kết quả khảo nghiệm.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21/10/2004 của Chính phủ; - Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ; - Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ; - Quyết định số 37/2007/QĐ-BNN ngày 24/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

16. Tên thủ tục: *Đăng ký và công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trên địa bàn tỉnh (gọi là tiến bộ kỹ thuật) trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y và một số lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ đầy đủ thì thụ lý, viết giấy hẹn. Nếu chưa đầy đủ thì trả lại và hướng dẫn bổ sung ngay (đối với gửi trực tiếp); thông báo bổ sung trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (đối với hồ sơ gửi qua đường Bưu điện). - Trong quá trình giải quyết, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong vòng 15 ngày thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận (<i>theo mẫu</i>); - Ý kiến nhận xét bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ kỹ thuật (<i>văn bản có dấu xác nhận của tổ chức, đối với cá nhân thì có dấu của chính quyền địa phương xác nhận, nếu có</i>)- (<i>theo mẫu</i>); - Biên bản họp và đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật của Hội đồng Khoa học và Công nghệ cơ sở (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ gốc)</p>
Thời gian giải quyết:	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Quyết định hành chính
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật (<i>Phụ lục 1, Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11/8/2008</i>); - Báo cáo kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận (<i>Phụ lục 2, Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11/8/2008</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000; - Luật chuyển giao công nghệ năm 2006; - Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11/8/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Phu lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MỚI

Kính gửi : Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum.

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tên tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đề nghị công nhận:

3. Nguồn gốc, tác giả của TBKT:

4. Tóm tắt nội dung, kết quả, quy trình kỹ thuật, công nghệ, điều kiện áp dụng, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường khi áp dụng TBKT, CN vào sản xuất...

5. Đề xuất địa bàn và thời gian áp dụng:

Đề nghị

làm các thủ tục công nhận TBKT,CN.là TBKT,CN để được áp dụng vào sản xuất./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2: (Tham khảo)
(Ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM TIÊN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ MỚI ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN

1. Tên tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới đề nghị công nhận:
2. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: E-mail:
Tác giả TBKT,CN:
3. Phương pháp, nguồn gốc của tiên bộ kỹ thuật, công nghệ:
Phương pháp nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm; Nguồn gốc tiên bộ kỹ thuật, công nghệ; .
4. Tóm tắt nội dung, kết quả, điều kiện, quy trình chuyển giao của tiên bộ kỹ thuật, công nghệ
 - Nội dung của TBKT,CN
 - Các kết quả từ nghiên cứu đến sản xuất thử nghiệm (nếu có); phân tích hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường khi áp dụng TBKT,CN vào sản xuất...).
 - Địa điểm, thời gian và quy mô đã áp dụng; tổng hợp ý kiến nhận xét của các tổ chức, cá nhân áp dụng TBKT,CN; nhận xét của các địa phương;
 - Quy trình áp dụng TBKT,CN;
 - Điều kiện áp dụng;
5. Đề xuất địa bàn áp dụng;
6. Kết luận và đề nghị:

Tổ chức, cá nhân báo cáo
(Ký tên và đóng dấu)

Phần phụ lục:
Một số hình ảnh liên quan (Nếu có điều kiện nên dùng ảnh màu);
Biên bản họp Hội đồng KHCN cơ sở.

PHỤ LỤC 3: (Tham khảo)

(Nhận xét ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đăng ký, công nhận)
(Ban hành theo Quyết định số: 86 /2008/QĐ-BNN, ngày 11 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

NHẬN XÉT

ỨNG DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THỬ NGHIỆM TRONG SẢN XUẤT
(Dùng cho tổ chức, cá nhân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đề nghị công nhận:
2. Tên tổ chức, cá nhân triển khai kết quả nghiên cứu, thử nghiệm:
3. Tên, địa chỉ ứng dụng:

II. NỘI DUNG NHẬN XÉT:

1. Nội dung ứng dụng:
2. Nhận xét kết quả đạt được khi ứng dụng TBKT,CN về:
 - a) Vượt so với kỹ thuật, công nghệ hiện đang áp dụng về năng suất đạt được
 - b) Hiệu quả kinh tế cao hơn so với đối chứng;
 - c) Phù hợp yêu cầu sản xuất hơn (cơ cấu cây trồng, mùa vụ; giảm mức độ nhiễm sâu bệnh; sản xuất sạch, thân thiện môi trường, thích ứng, né tránh điều kiện ngoại cảnh bất thuận, có tính cạnh tranh cao hơn, bảo vệ sức khoẻ con người, phát triển ngành nghề truyền thống...).
3. Đánh giá kết quả (Ưu điểm, tồn tại) của TBKT,CN trong sản xuất

III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ:

(có đề nghị công nhận TBKT,CN hay không?)

Tổ chức, cá nhân nhận xét

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4: (Tham khảo)
(Biên bản họp Hội đồng KHCN chuyên ngành)
(Ban hành theo Quyết định số: 86 /2008/QĐ-BNN, ngày 11 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CÔNG NHẬN TIỀN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG
NGHỆ MỚI

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tiên bộ kỹ thuật, công nghệ:
2. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận TBKT:
3. Quyết định thành lập Hội đồng:
4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (Đối với cuộc họp đánh giá chính thức)
Vắng mặt: người, gồm các thành viên:
5. Khách mời tham dự Hội đồng (Đối với phiên họp đánh giá chính thức)
6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

II. NỘI DUNG PHIÊN HỌP CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng nghe báo cáo kết quả TBKT, CN đề nghị công nhận.
2. Ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng và khách mời:
3. Kết luận của chủ tịch Hội đồng:
4. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

Trưởng ban:

Ủy viên:

5. Kết quả bỏ phiếu kín đánh giá công nhận TBKT, CN.

Công nhận: Phiếu; Không công nhận: Phiếu

6. Kiến nghị:

Thời gian kết thúc cuộc họp vào hồi giờ, ngày tháng năm

Thư ký Hội đồng

(ký, ghi họ và tên)

Chủ tịch Hội đồng

(ký, ghi họ và tên)

IX. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Tên thủ tục: *Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá đóng mới).*

Trình tự thực hiện:	Bước 1. Tổ chức, cá nhân đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá đóng mới) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Địa chỉ: 508 Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Nếu hồ sơ đủ thì thụ lý giải quyết; Nếu hồ sơ không đủ thì trả lại và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ. Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu); - Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu: Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp; - Văn bản chấp thuận đóng mới của Sở Nông nghiệp & PTNT Kon Tum. - Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính); - Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
Lệ phí:	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá: 40.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Tờ khai đăng ký tàu cá (Phụ lục 4 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	- Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản - Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật - Không còn mang số đăng ký tàu nào khác - Đã hoàn tất việc đăng kiểm - Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu làm bằng vật liệu khác
Căn cứ pháp lý:	- Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 ban hành ngày 26/11/2003; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính.

Phụ lục số 4
Tờ khai đăng ký tàu cá
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:
 Họ tên người đứng khai:.....
 Thường trú tại:
 Chứng minh nhân dân số:.....
 Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng.....
 Năm, nơi đóng:
 Cảng (Bến đậu) đăng ký:
 Kích thước chính $L_{max} \times B_{max} \times D, m$:; Chiều chìm d, m :.....
 Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích:
 Sức chở tối đa, tấn:Số thuyền viên, người.....
 Nghề chính:Nghề kiêm:.....
 Vùng hoạt động:.....
 Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

2. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Nếu hồ sơ đủ thì thụ lý giải quyết; Nếu hồ sơ không đủ thì trả lại và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký bè cá (theo mẫu); - Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp về quyền sử dụng mặt nước, hoặc quyền thuê mặt nước đặt bè cá. - Sơ đồ vùng nước nơi đặt bè cá (nếu có). - Giấy cam kết đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi thủy sản bằng bè cá. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký bè cá
Lệ phí:	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá: 40.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Tờ khai đăng ký bè cá (Phụ lục 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Ký hiệu QC 02 -22: 2015/BNNPTNT
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản số 17/2003/QH11; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ Thủy sản; - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục số 5
Tờ khai đăng ký bè cá
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ BÈ CÁ**

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của bè cá như sau:

Đối tượng nuôi:

Năm, nơi đóng:

Nơi đặt bè:

Kích thước chính L(m) x B(m) x D(m):

Vật liệu khung bè: ; Vật liệu dự trữ nổi:

Tổng dung tích:

Các thiết bị lắp đặt trên bè cá:.....

Số người làm việc trên bè cá, người.....

2. Họ tên, địa chỉ các chủ sở hữu (nếu bè cá thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân
01			
02			
03			
04			

3. Hồ sơ kèm theo

TT	Hồ sơ đăng ký bè cá	Bản chính	Bản sao
01	Hợp đồng đóng mới bè cá		
02	Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
03	Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu bè cá (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
04	Biên lai nộp thuế trước bạ hoặc các giấy tờ khác có giá trị xác định nguồn gốc hợp pháp của bè cá.		

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

XÁC NHẬN
của xã, phường nơi đặt bè cá
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ BÈ CÁ

3. Tên thủ tục: *Cấp giấy phép khai thác thủy sản.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Địa chỉ: 508 Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Nếu hồ sơ đủ thì thụ lý giải quyết; Nếu hồ sơ không đủ thì trả lại và hướng dẫn bổ sung, điều chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin cấp giấy phép khai thác thủy sản <i>(theo mẫu)</i>. - Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đăng ký tàu cá theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT <i>(01 pho to chứng thực)</i>. - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT <i>(01 pho to chứng thực)</i>. - Văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT <i>(01 pho to chứng thực)</i>. - Sổ Danh bạ thuyền viên, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT <i>(01 pho to chứng thực)</i>. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Mẫu giấy phép khai thác thủy sản
Lệ phí:	Lệ phí cấp giấy phép khai thác thủy sản: 40.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn xin cấp giấy phép khai thác thủy sản <i>(phụ lục 08 Thông tư số 02/2006/TT-BTS)</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	<ul style="list-style-type: none"> - Cấm khai thác các loài thủy sản bị cấm; khai thác trong các vùng cấm, trong thời gian cấm; khai thác bằng nghề bị cấm; - Cấm khai thác các loài thủy sản thuộc danh mục các loài thủy sản mà Bộ thủy sản đã công bố trữ lượng nguồn lợi của các loài này đang bị suy giảm nghiêm trọng hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng. - Có ngành nghề khai thác và ngư cụ phù hợp với quy định - Phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khai thác thủy sản (trừ trường hợp không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 109/2004/NĐ-CP) - Nghiêm cấm các hoạt động khai thác thủy sản sử dụng chất nổ, điện, công cụ kích điện hoặc tạo xung điện, hóa chất hoặc chất độc; - Thuyền trưởng, máy trưởng có bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đối với tàu cá từ 400 CV trở lên; hạng năm đối với tàu cá từ 90 CV đến dưới 400 CV; hạng nhỏ đối với tàu cá từ 20 CV đến dưới 90 CV. - Có tàu cá được cơ quan đăng kiểm tàu cá chứng nhận đủ điều kiện an toàn kỹ thuật đối với tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 m trở lên không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất máy chính từ 20 CV trở lên.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 ban hành ngày 26/11/2003;
- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ;
- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ.
- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ
- Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản;
- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản;
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính;
- Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ nông nghiệp và PTNT;
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 8:

(Kèm theo Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngàytháng.....năm

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:

Tên chủ tàuĐiện thoại:

Số chứng minh nhân dân:

Nơi thường trú:

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung đăng ký như sau:

Tên tàu:; Loại tàu.....

Số đăng ký tàu:

Năm, nơi đóng tàu:

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có)....., ngày cấp.....nơi cấp.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức (CV)	Ghi chú
No 1				
No 2				
No 3				

Ngư trường hoạt động.....

Cảng, bến đăng ký cập tàu:

Nghề khai thác chính:Nghề phụ:

Tên đối tượng khai thác chính:

Mùa khai thác chính: từ tháng....năm.....đến tháng....năm.....

Mùa khai thác phụ: từ tháng....năm.....đến tháng....năm.....

Kích thước mắt lưới ở bộ phận chứa cá 2a, mm:

Phương pháp bảo quản sản phẩm:

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Người làm đơn (Chủ tàu)